



**TÂM THẾ MỚI - ĐỈNH CAO MỚI**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

## MỤC LỤC

2

### GIỚI THIỆU VỀ SCB

4

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

6

Tổng quan về SCB

12

Sơ đồ tổ chức

14

Ban Lãnh đạo

30

### DẤU ẤN NĂM 2018

32

10 dấu ấn tiêu biểu SCB năm 2018

36

Các giải thưởng, minh chứng vị thế

40

### SCB SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI

42

Thay đổi trong xu hướng chuyển đổi công nghệ ngân hàng

46

Sáng tạo về sản phẩm, dịch vụ, mang lại trải nghiệm khác biệt

48

Phát triển năng lực lãnh đạo – Thay đổi để dẫn đầu

50

Hình ảnh SCB nỗ lực phát triển và hoàn thiện

56

### KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

58

Kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định

63

Đảm bảo sự phát triển liên tục và vững mạnh

66

Đi cùng với sự phát triển của cộng đồng và địa phương

70

### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2019

SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH VƯƠN XA

74

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

79

Báo cáo tài chính hợp nhất

85

Thuyết minh BCTC hợp nhất

142

### SƠ ĐỒ VÀ ĐỊA ĐIỂM MẠNG LƯỚI CỦA SCB

144

Sơ đồ mạng lưới

146

Thông tin mạng lưới hoạt động



# GIỚI THIỆU VỀ SCB

- THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
- TỔNG QUAN VỀ SCB
- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
- BAN LÃNH ĐẠO



THÔNG điệp của CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể CBNV SCB**

Cùng với quá trình chuyển đổi của nền kinh tế Việt Nam, nhằm thích ứng với sự cạnh tranh gay gắt, sự mở cửa của thị trường tài chính và nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng, năm 2018 vừa qua SCB đã có những thay đổi quan trọng, tích cực trong tất cả mảng hoạt động, quản trị điều hành, từng bước nâng cao năng lực tài chính từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Trải qua nhiều dấu mốc quan trọng, SCB đã từng bước khẳng định được vị thế trên thị trường tài chính trong nước, thương hiệu SCB ngày càng được Khách hàng tin tưởng và lựa chọn đồng hành. Những thành tựu có được là nhờ sự đồng lòng của đội ngũ hơn 7.200 CBNV tâm huyết, sự lựa chọn gắn bó của đông đảo Quý Khách hàng, sự hợp tác bền chặt của các Đối tác và sự tin tưởng của các Cổ đông.

Năm 2018 ghi nhận vị thế mới của SCB với sự chuyển đổi, phát triển vượt bậc về sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ nâng cao, công nghệ hiện đại và nguồn nhân lực năng động. SCB đang không ngừng vươn rộng với mạng lưới hoạt động phủ khắp 28 Tỉnh/Thành phố thuộc các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, mang lại những giá trị ngày càng thiết thực cho Khách hàng, nâng cao quyền lợi cho Cổ đông, tạo sự thịnh vượng cho toàn bộ CBNV và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

**Hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững:** Kết thúc năm tài chính 2018, SCB tiếp tục duy trì vị trí nằm trong nhóm 05 Ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô lớn nhất Việt Nam với tổng tài sản đạt 508.954 tỷ đồng, vốn điều lệ đạt 15.232 tỷ đồng, huy động vốn thị trường 1 đạt mức 418.338 tỷ đồng và dư nợ cho vay đạt 301.892 tỷ đồng. Năm 2018, kết quả kinh doanh chuyển dịch theo hướng tăng thu ngoài lãi, đẩy mạnh tăng trưởng khách hàng cá nhân. Các dịch vụ Thẻ tín dụng quốc tế, Chuyển tiền, Ngân hàng điện tử, Bảo hiểm, Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại liên tục phát triển đã đem lại mức tăng trưởng mạnh mẽ cho thu nhập ngoài lãi của SCB. Tổng thu ngoài lãi thuần của SCB đạt mức 1.746 tỷ đồng, tăng 230 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 15,2% so với năm 2017, trong đó thu thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1.299 tỷ đồng với mức tăng trưởng ấn tượng 49,2% so với năm 2017.

**Kiện toàn cơ cấu tổ chức và xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng:** Trong năm vừa qua, cơ cấu tổ chức của SCB có nhiều sự thay đổi, kiện toàn hướng tới mô hình quản trị hiện đại, rút gọn công tác vận hành, tăng khả năng sử dụng nguồn lực và giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nâng cấp và thành lập Khối Tái thẩm định và Khối Hỗ trợ kinh doanh, Phòng Dịch vụ Khách hàng cao cấp trực thuộc Khối Ngân hàng bán lẻ trong những tháng cuối năm 2018 và thành lập mới 02 Khối kinh doanh là Khối Ngân hàng giao dịch quốc tế và Khối Thẻ & Ngân hàng số vào đầu năm 2019, đã góp phần đẩy mạnh việc vận hành hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị điều hành ngày càng hiệu quả, trở thành nền tảng vững mạnh giúp SCB sẵn sàng chinh phục các mục tiêu trong năm 2019.

Song song đó, SCB đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng để đáp ứng nhịp độ phát triển. Với phương châm con người chính là nguồn lực quý nhất, năm 2018 SCB không chỉ tuyển dụng hơn 2.000 nhân sự mới bổ sung đầy đủ cho các vị trí mà công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực được chuẩn hóa, triển khai thường xuyên, đồng loạt từ cấp lãnh đạo đến cấp nhân viên.

**Phát triển công nghệ ngân hàng hướng đến Khách hàng và tối ưu hóa vận hành:** Gắn liền với việc phát triển hoạt động kinh doanh, SCB đã đẩy mạnh đầu tư công nghệ vào hầu hết các mảng hoạt động nhằm thay đổi hệ thống quản lý, dịch vụ phục vụ Khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh trong cuộc Cách mạng công nghệ 4.0. Trong năm, SCB đã hoàn thiện và go-live thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) và ngân hàng điện tử (Digital Banking), phiên bản mới nhất Flexcube 12.4 của Oracle và dự án Treasury - Fis Front Arena, đặt dấu mốc quan trọng cho sự phát triển, tạo nền tảng mang đến những sản phẩm, dịch vụ hiện đại, đa dạng và trải nghiệm tốt nhất cho người dùng, từng bước nâng cao năng lực quản lý, đồng thời nâng cao tính an toàn bảo mật. Từ đó, tăng cường khả năng tiếp cận, thu hút Khách hàng và mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần gia tăng giá trị lâu dài cho Khách hàng và SCB.

**Những ghi nhận từ các tổ chức trong nước và quốc tế:** Với những nỗ lực không ngừng, năm qua, SCB đã vinh dự đón nhận hàng loạt các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như: giải thưởng "Best Commercial Bank 2018 Vietnam - Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2018" do Tạp chí World Finance bình chọn; giải thưởng "Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu 2018" do Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) bình chọn, giải thưởng "Best Bank for Information Technology Vietnam 2018 - Ngân hàng có công nghệ thông tin tốt nhất Việt Nam 2018" do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn... Đây là minh chứng cho định hướng phát triển đúng đắn cũng như hiệu quả hoạt động của SCB thời gian qua, là động lực để SCB tiếp tục phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ để phục vụ Khách hàng ngày càng tốt hơn.

Với nền tảng vững chắc từ những kết quả đã đạt được, cùng chiến lược phát triển của Hội đồng Quản trị, sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ Ban Điều hành và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBNV, SCB đã sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới, bứt phá tạo giá trị riêng, khẳng định vị thế, vững bước cho một hành trình vươn xa hơn trong năm 2019.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chúng tôi trân trọng cảm ơn toàn thể CBNV đã gắn bó, đồng hành suốt chặng đường vừa qua cùng SCB. Chúng ta cùng tin tưởng và nỗ lực hết mình để trở thành sự lựa chọn xứng đáng nhất, mang lại giá trị cao nhất cho tất cả Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý đối tác.

*Xin kính chúc Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể CBNV sức khỏe, hạnh phúc và thành công.*

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT

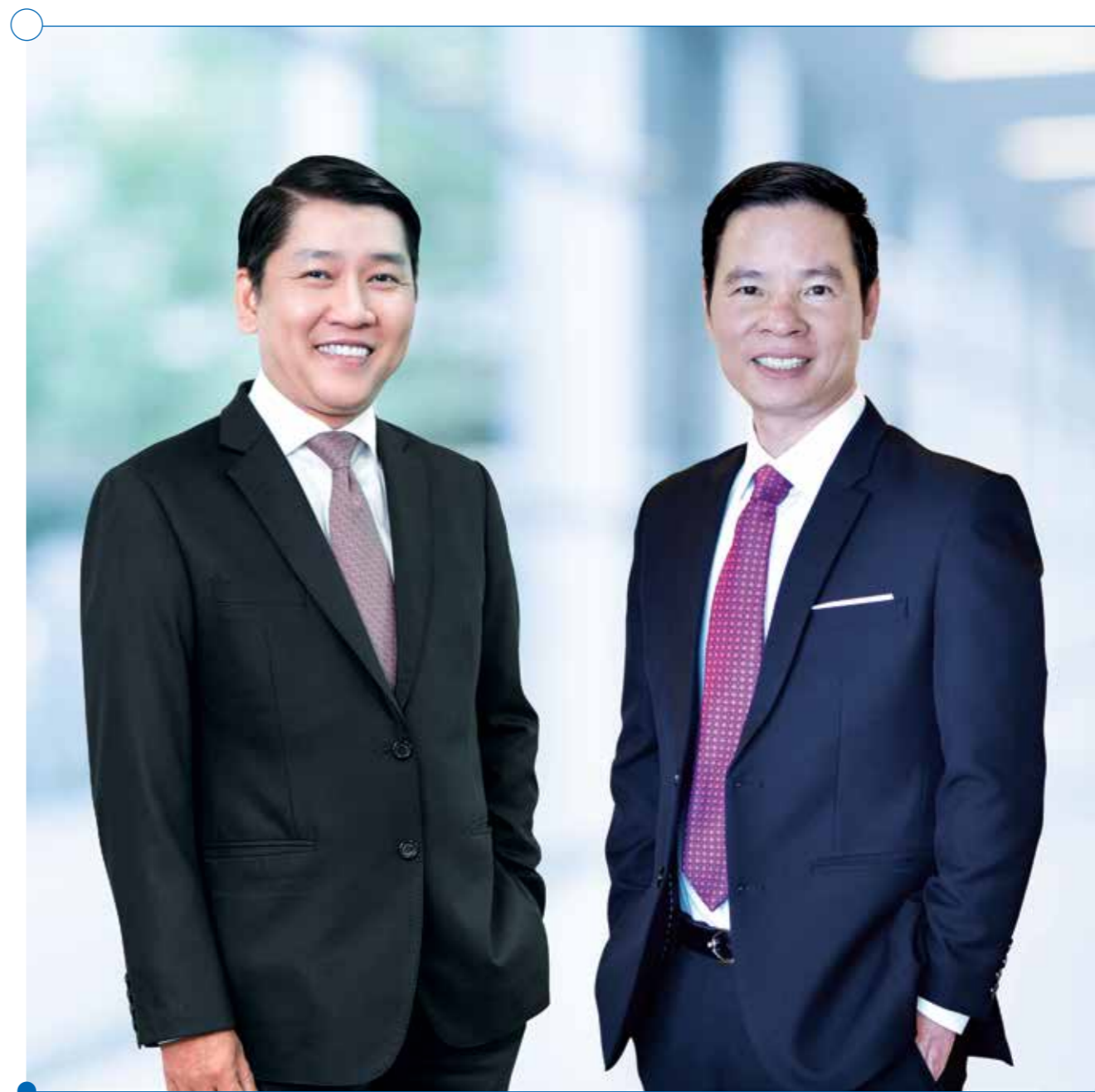


ĐINH VĂN THÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TẤN HOÀNG VĂN



*Với nền tảng vững chắc từ những kết quả đã đạt được, cùng chiến lược phát triển của Hội đồng Quản trị, sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ Ban Điều hành và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể CBNV, SCB đã sẵn sàng chinh phục những đỉnh cao mới, bứt phá tạo giá trị riêng, khẳng định vị thế, vững bước cho một hành trình vươn xa hơn trong năm 2019.*



TỔNG QUAN VỀ SCB

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN

Tên giao dịch tiếng Việt	Ngân hàng TMCP Sài Gòn
Tên tiếng Anh	Sai Gon Joint Stock Commercial Bank
Tên viết tắt	SCB (Ngân hàng Sài Gòn)
Giấy phép hoạt động	283/GP-NHNN ngày 26/12/2011
Trụ sở chính	927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84-28) 39 230 666
Fax	(84-28) 39 225 888
SWIFT	SACLNVX
Website	www.scb.com.vn

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

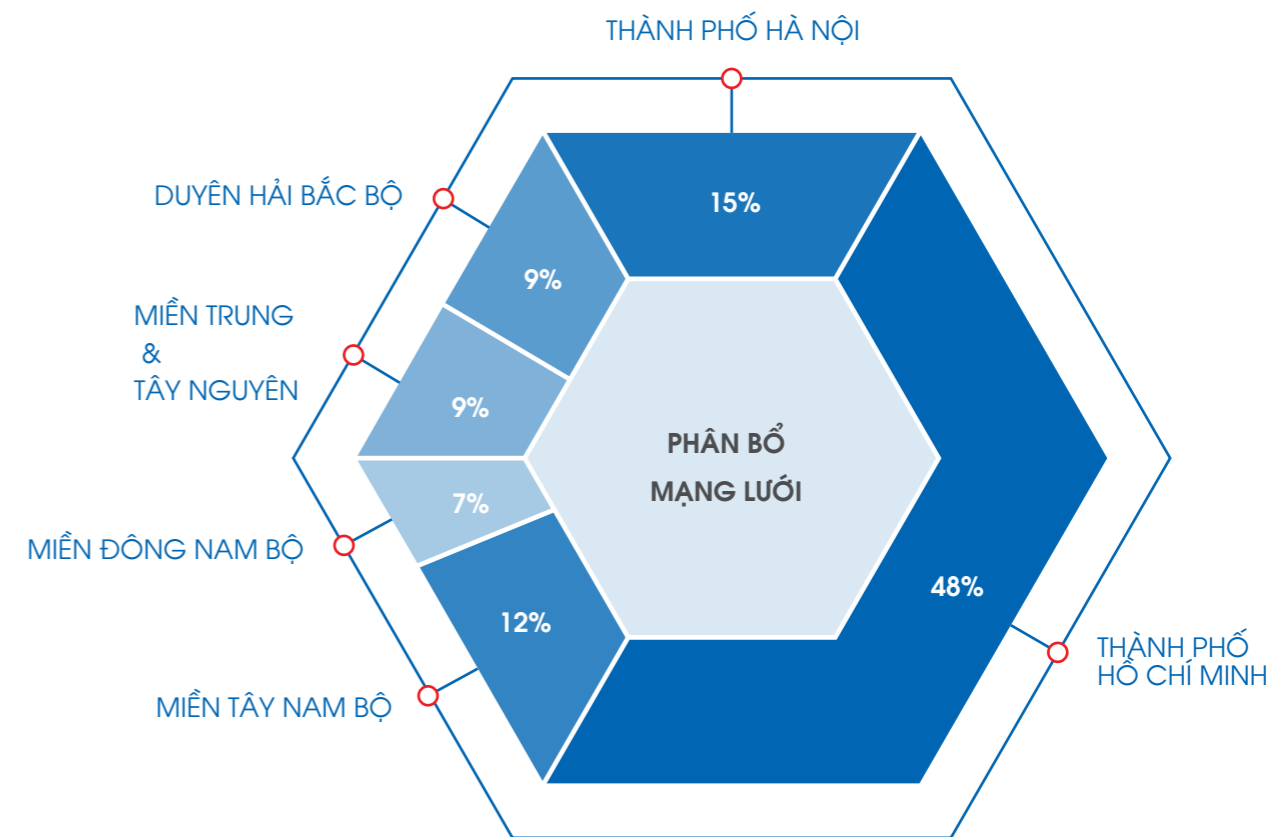
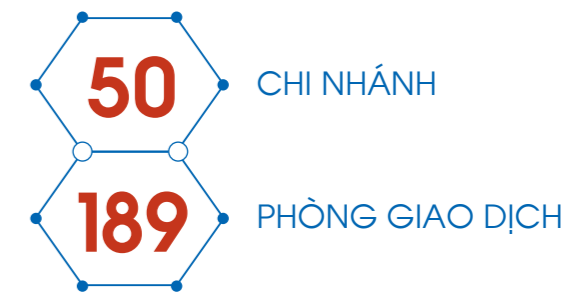
SCB cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ liên quan đến Tài chính. Ngân hàng được quy định trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm phục vụ tốt nhất các nhu cầu của Khách hàng theo chiến lược hoạt động kinh doanh của SCB. Cụ thể:

DỊCH VỤ TÀI KHOẢN	DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN
DỊCH VỤ HUY ĐỘNG VỐN (TIỀN GỬI TIẾT KIỆM, TRÁI PHIẾU, KỶ PHIẾU)	DỊCH VỤ THẺ
DỊCH VỤ CHO VAY (NGẮN, TRUNG, DÀI HẠN)	DỊCH VỤ NHỜ THU
DỊCH VỤ BẢO LÃNH	DỊCH VỤ MUA BÁN NGOẠI TỆ
DỊCH VỤ CHIẾT KHẤU CHỨNG TỪ	DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ
DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ	DỊCH VỤ BAO THANH TOÁN
	CÁC DỊCH VỤ KHÁC THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

SCB có 239 đơn vị giao dịch (gồm 50 Chi nhánh và 189 Phòng giao dịch) hiện diện tại 28 Tỉnh/Thành phố trên cả nước và thiết lập quan hệ đại lý với hơn 6.300 Ngân hàng/Chi nhánh Ngân hàng tại 78 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Hệ thống mạng lưới hoạt động của SCB được phân bố tương đối đồng bộ, rộng khắp ở các khu vực, địa bàn kinh tế trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại cũng như chiến lược dài hạn của Ngân hàng, góp phần quan trọng để SCB tiếp cận và cung cấp sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng.



BIỂU ĐỒ PHÂN BỐ MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH CỦA SCB THEO KHU VỰC NĂM 2018

 TỔNG QUAN VỀ SCB

- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN: TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TÂM NHÌN

Tập hợp, huy động các nguồn lực, sáng tạo ra các giá trị bền vững cho Khách hàng, Đối tác, Cổ đông, Người lao động, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, mang lại sự phồn vinh cho các gia đình và doanh nghiệp Việt Nam, đóng góp thiết thực vào việc chấn hưng và xây dựng đất nước giàu mạnh.



## SỨ MỆNH

Là người đồng hành tin cậy, tận tâm và sáng suốt, mang đến cho Khách hàng những trải nghiệm hài lòng, tiện nghi về chất lượng các sản phẩm dịch vụ tài chính và những lợi ích bền vững, lâu dài.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

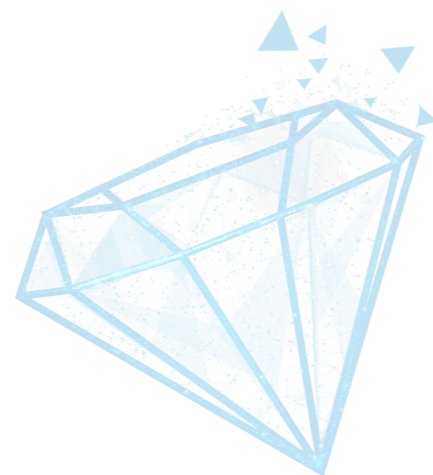
**Chính trực - Minh bạch:** SCB hoạt động theo những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cao nhất, tuân thủ pháp luật và thông lệ quốc tế, công khai và minh bạch mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh.

**Khách hàng là trọng tâm:** Mọi hoạt động của SCB đều hướng đến Khách hàng. SCB luôn hành động dựa trên sự suy xét thấu đáo và quan tâm để nắm bắt những nhu cầu của Khách hàng. Mọi nhân viên SCB luôn đặt mình vào vị trí của Khách hàng để thấu hiểu nhằm tìm ra giải pháp tối ưu cho Khách hàng.

**Phát triển bền vững:** SCB cam kết tạo ra giá trị bền vững, đặt trọng tâm vào lợi ích dài hạn cho Khách hàng và Cổ đông.

**Đổi mới - Sáng tạo:** SCB liên tục cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm phục vụ Khách hàng một cách tốt nhất. SCB đồng hành, giới thiệu và tư vấn cho Khách hàng những gói sản phẩm, dịch vụ tài chính sáng tạo, đa dạng, hiệu quả.

**Chia sẻ - Hợp tác:** SCB hành động trên tinh thần hợp tác với Khách hàng, Đối tác, CBNV, Cổ đông để tạo ra và cùng nhau chia sẻ những lợi ích dài hạn, bền vững.



## CAM KẾT

### CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại với tinh thần phục vụ tận tâm và đem lại lợi ích cao nhất cho Khách hàng.  
Luôn đồng hành, tôn trọng, lắng nghe, chia sẻ thông tin và đáp ứng toàn bộ các yêu cầu của Khách hàng bằng giải pháp tối ưu.

### CAM KẾT VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.  
Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.

### CAM KẾT VỚI XÃ HỘI

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

### CAM KẾT VỚI NHÂN VIÊN

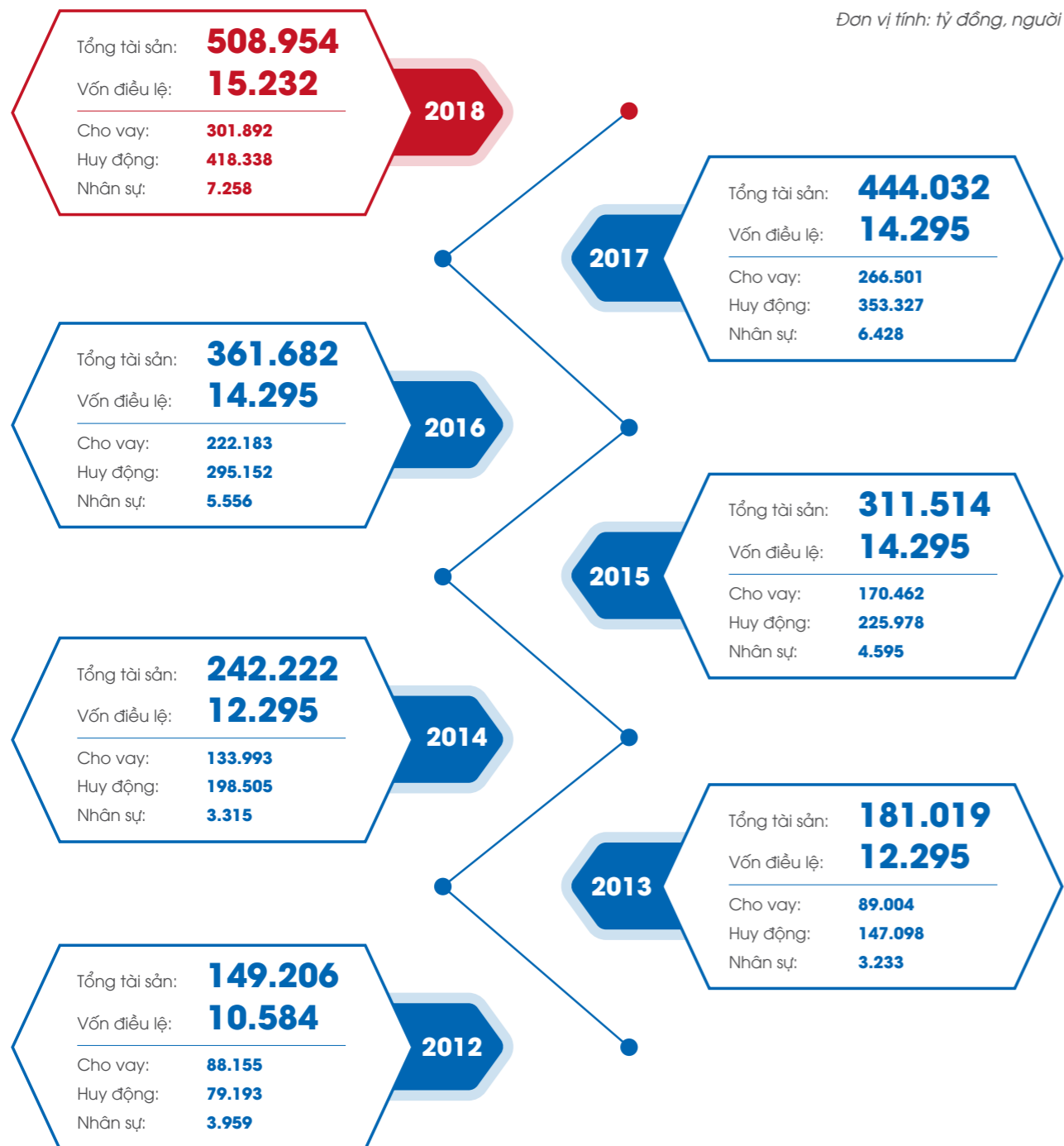
Xây dựng môi trường làm việc năng động, tích cực và sáng tạo, thu hút và phát triển nhân tài, đóng góp cho sự phát triển bền vững của SCB.  
Công bằng, minh bạch trong chính sách đãi ngộ và phát triển nghề nghiệp.

### CAM KẾT VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng và trình độ chuyên môn, giữ vững và phát huy phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên.  
Liên tục cải tiến, đổi mới công nghệ hướng tới ngân hàng hiện đại và chuyên nghiệp.

TỔNG QUAN VỀ SCB

• QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

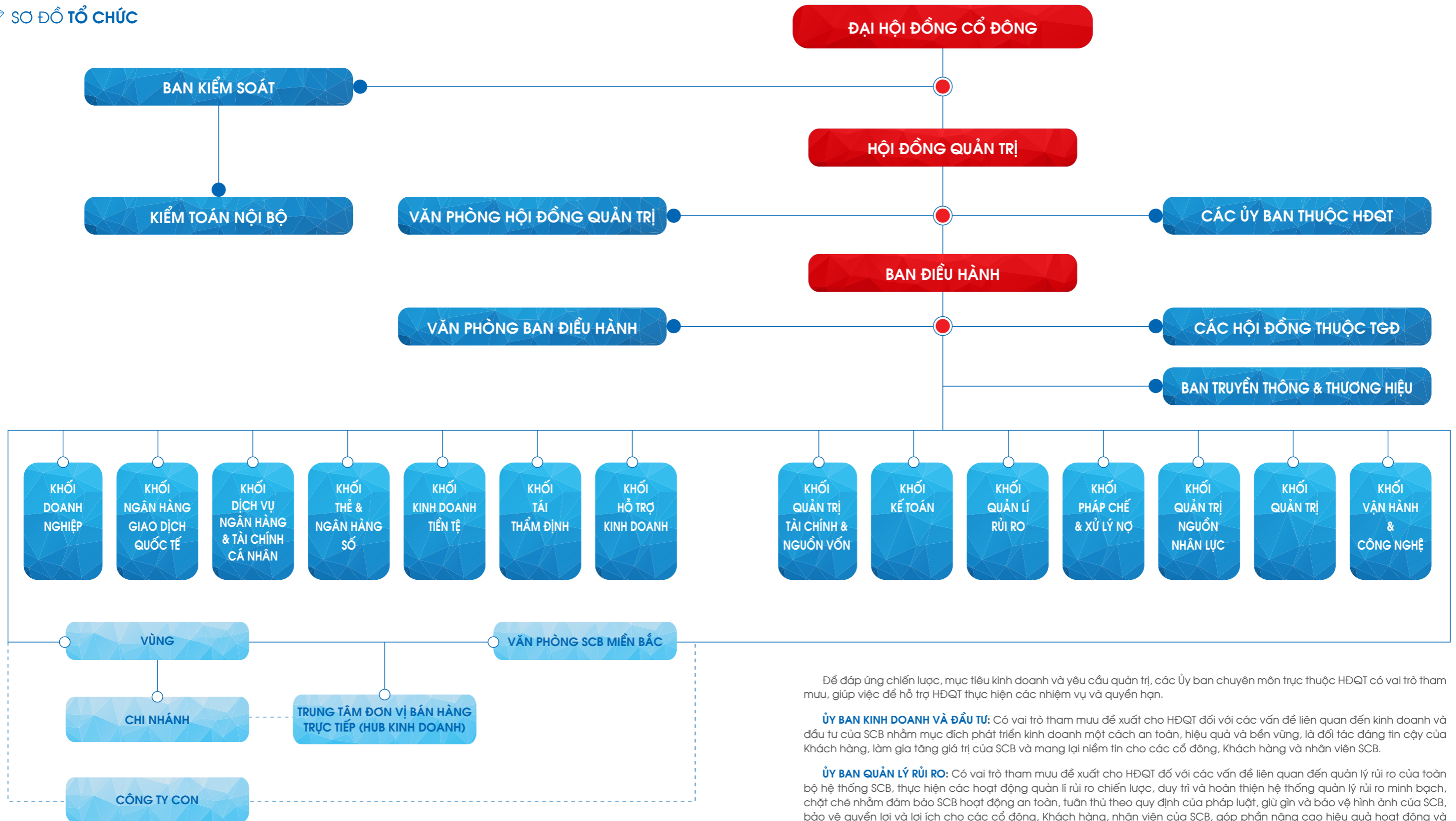


• THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG

THÀNH PHẦN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU (Mệnh giá 10.000đ/CP)	TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU / VỐN ĐIỀU LỆ
<b>CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI</b>	<b>5</b>	<b>424.500.000</b>	<b>27,870%</b>
Cổ đông tổ chức	5	424.500.000	27,870%
Cổ đông tổ chức lớn nhất	1	142.500.000	9,355%
Cổ đông cá nhân	-	-	-
<b>CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC</b>	<b>3.793</b>	<b>1.094.283.353</b>	<b>71,843%</b>
Cổ đông tổ chức	12	240.019.535	15,758%
Cổ đông tổ chức lớn nhất	1	195.387.600	12,828%
Cổ đông cá nhân	3.781	854.263.818	56,085%
<b>CỔ PHIẾU QUỸ SCB</b>		<b>4.385.457</b>	<b>0,288%</b>
<b>CỘNG</b>	<b>3.798</b>	<b>1.523.168.810</b>	<b>100%</b>



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Để đáp ứng chiến lược, mục tiêu kinh doanh và yêu cầu quản trị, các Ủy ban chuyên môn trực thuộc HĐQT có vai trò tham mưu, giúp việc để hỗ trợ HĐQT thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn.

**ỦY BAN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ:** Có vai trò tham mưu đề xuất cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến kinh doanh và đầu tư của SCB nhằm mục đích phát triển kinh doanh một cách an toàn, hiệu quả và bền vững, là đối tác đáng tin cậy của Khách hàng, làm gia tăng giá trị của SCB và mang lại niềm tin cho các cổ đông, Khách hàng và nhân viên SCB.

**ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO:** Có vai trò tham mưu đề xuất cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro của toàn bộ hệ thống SCB, thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro chiến lược, duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro minh bạch, chặt chẽ nhằm đảm bảo SCB hoạt động an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, giữ gìn và bảo vệ hình ảnh của SCB, bảo vệ quyền lợi và lợi ích cho các cổ đông, Khách hàng, nhân viên của SCB, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại cơ hội gia tăng giá trị trong tương lai cho SCB.

**ỦY BAN NHÂN SỰ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT:** Có vai trò tham mưu đề xuất cho HĐQT đối với các vấn đề nhân sự của toàn bộ hệ thống SCB nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, công bằng, hiệu quả, tạo cơ hội và khuyến khích cho nhân viên ở mọi cấp bậc phát huy tài năng, trí tuệ, sáng tạo và ghi nhận đúng mức sự đóng góp của nhân viên vào sự phát triển của SCB.

**ỦY BAN XỬ LÝ RỦI RO VÀ KHAI THÁC THU HỒI NỢ:** Có vai trò tham mưu đề xuất cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến xử lý rủi ro và khai thác thu hồi nợ nhằm đảm bảo thu hồi nợ và khai thác tài sản mang lại hiệu quả tốt nhất cho SCB.

 GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **ĐINH VĂN THÀNH**  
CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Đinh Văn Thành có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác Quản trị Tài chính Kế toán và Quản trị điều hành ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Trung tâm Hóa Nông - Viện Khoa học Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam), Phó Giám đốc Tài chính Trung tâm Thương mại CINCO - Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh niên xung phong, Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Hội đồng Đầu tư - Tín dụng Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chủ tịch Hội đồng Đầu tư - Tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Chủ tịch thường trực HĐQT. Ông Đinh Văn Thành đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn từ tháng 03/2014 đến nay.



Ông **HENRY SUN KA ZIANG**  
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Henry Sun Ka Ziang có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó chủ tịch thứ nhất Ngân hàng Bank of America Ltd (Châu Á); Giám đốc Tài chính Công ty Dickson Construction Int'l Ltd; Giám đốc Điều hành Công ty SMELOAN Ltd, Công ty Egana International Technology Ltd; Thành viên HĐQT độc lập - không điều hành Công ty Zhongda International Holdings Ltd, Công ty Get Nice Holdings Ltd; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Noble Capital Group Ltd. Ông Henry Sun Ka Ziang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn từ tháng 05/2015 đến nay.



Ông **NGUYỄN VĂN THANH HẢI**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Văn Thanh Hải có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó phòng Tín dụng và Bảo lãnh, Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **NGUYỄN TIẾN THÀNH**  
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ông Nguyễn Tiến Thành có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Ngân hàng và Chứng khoán. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Hội sở Ngân hàng Ngoại thương; Trưởng phòng/Giám đốc Dịch vụ Chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh HCM Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

 GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** (tiếp theo)



Ông **VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Võ Tấn Hoàng Văn có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán, Tư vấn tài chính Ngân hàng và Quản trị điều hành Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



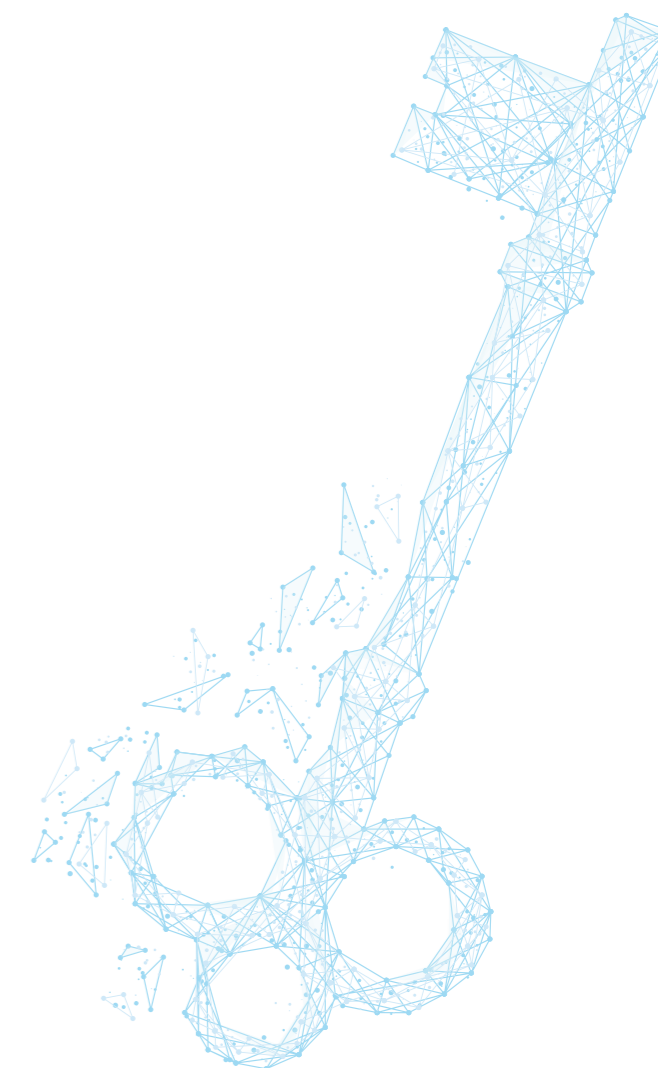
Bà **MAI THỊ THANH THỦY**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Mai Thị Thanh Thủy có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí như: Giám đốc đầu tư, Trợ lý Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng Ban Điều hành kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà **NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Phương Hồng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Tín dụng, Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Hỗ trợ Kinh doanh, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.





 GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**BAN KIỂM SOÁT**



Ông **LUU QUỐC THẮNG**  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Lưu Quốc Thắng có 37 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Thương mại - sản xuất, Tài chính, Ngân hàng; trong đó có 20 năm ở lĩnh vực Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **TRẦN CHẤN NAM**  
THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH  
BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Chấn Nam có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Thương mại, Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Quỹ trợ vốn CEP; Chuyên viên phân tích tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu; Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đệ Nhất; Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **VŨ MẠNH TƯỜNG**  
THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH  
BAN KIỂM SOÁT

Ông Vũ Mạnh Tường có gần 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính và Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như: Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở, Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đệ Nhất; Trưởng Ban Thư ký Tổng Giám đốc, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Chánh Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT, Phó chủ tịch Ủy ban Nhân sự khen thưởng & kỷ luật, Chủ tịch Ủy ban Xử lý rủi ro & Khai thác thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **NGUYỄN MẠNH HẢI**  
THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH  
BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Mạnh Hải có hơn 09 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại các Phòng Ban chuyên môn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn như Phòng Kinh doanh Tiền tệ, Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường, Phòng Tổng hợp & Phân tích Rủi ro, Phòng Quản lý Rủi ro tín dụng. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

 GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**BAN ĐIỀU HÀNH**



Ông **VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Võ Tấn Hoàng Văn có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kiểm toán, Tư vấn tài chính Ngân hàng và Quản trị điều hành Ngân hàng. Ông lần lượt giữ chức vụ như: Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **DIỆP BẢO CHÂU**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Diệp Bảo Châu có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phụ trách Khối Quản lý Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc điều hành Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Hỗ trợ kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **NGUYỄN ĐỨC HIẾU**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Đức Hiếu có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại nhiều Tổ chức Tín dụng như: Ngân hàng Standard Chartered; Ngân hàng TMCP Quốc tế; Ngân hàng TMCP Phương Đông; Ngân hàng TMCP Việt Á. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh Tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **HOÀNG MINH HOÀN**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hoàng Minh Hoàn có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Tín dụng và Tiếp thị Chi nhánh Bình Dương Ngân hàng Liên doanh Indovina; Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khối Quan hệ Khách hàng, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa; Giám đốc Phòng Quản trị Nguồn vốn, Giám đốc Khối Tiền tệ, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị tài chính và Nguồn vốn Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



 GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**BAN ĐIỀU HÀNH** (tiếp theo)



Ông **LÊ THIẾT HÙNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Thiết Hùng có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Thương mại, Sản xuất, Luật, Tài chính, Ngân hàng; trong đó có hơn 06 năm ở lĩnh vực Ngân hàng và lần lượt đảm nhiệm các chức vụ như: Phó Giám đốc, Giám đốc Pháp chế và Tuân thủ, Giám đốc Khối Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Pháp chế và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà **MAI THỊ THANH THỦY**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Mai Thị Thanh Thủy có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí như: Giám đốc đầu tư, Trợ lý Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng Ban Điều hành kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà **NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT  
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Phương Hồng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng Tín dụng, Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Hỗ trợ Kinh doanh, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **NGUYỄN VĂN HÙNG**  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Văn Hùng có hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như: Phó phòng Kinh doanh ngoại tệ Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam; Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Huy động và Tiền gửi tiết kiệm, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Ngân hàng TMCP Sài Gòn; Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín nghĩa; Giám đốc Kế toán, Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Sài Gòn; Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Giám đốc Khối Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

 GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

**BAN ĐIỀU HÀNH** (tiếp theo)



Ông **LÊ MINH HUẤN**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Minh Huấn có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Trưởng phòng lập trình, Trợ lý Tổng Giám đốc Trung tâm công nghệ phần mềm TP.HCM. Trong lĩnh vực Ngân hàng, Ông lần lượt giữ các chức vụ như: Phó phòng tin học, Giám đốc Ban triển khai các Dự án Công nghệ thông tin, Trưởng phòng phát hành thẻ, Trưởng phòng Công nghệ thông tin. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà **TRẦN THỊ MINH THẢO**  
GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ  
NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH  
CÁ NHÂN

Bà Trần Thị Minh Thảo có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó Giám đốc Chi nhánh Đắc Lắc - Giám đốc Trung tâm Khách hàng Cá nhân Chi nhánh Đắc Lắc Ngân hàng TMCP Hàng Hải; Giám đốc Dịch vụ Khách hàng Chi nhánh Đắc Lắc, Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên - TP.HCM Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **VŨ ĐỨC HƯNG**  
GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN TRỊ  
NGUỒN NHÂN LỰC

Ông Vũ Đức Hưng có hơn 17 năm kinh nghiệm trong công tác Quản lý nhân sự cho các doanh nghiệp đa ngành và lĩnh vực Tài chính Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các công ty, tập đoàn như: Trưởng phòng Hành chính tổ chức, Giám đốc Nhân sự và trong lĩnh vực Ngân hàng, Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như: Trưởng phòng Quản lý Nhân sự Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu; Giám đốc Nhân sự, Phó Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Việt Á, Giám đốc Phát triển nhân sự, Giám đốc Trung tâm Quản trị Nguồn nhân lực, Phó GD Khối Vận hành kiêm Giám đốc Trung tâm Quản trị Nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Bà **ĐOÀN QUẾ THANH**  
GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN TRỊ

Bà Đoàn Quế Thanh có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức Tài chính Ngân hàng. Bà từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại Tập đoàn đa quốc gia Lee's Bros International Inc; Tập đoàn Quốc tế Apave - khu vực Việt Nam & Đông Nam Á; Ngân hàng Techcombank; Ủy ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng, Chánh văn phòng Hội đồng Quản trị, Giám đốc Truyền thông Đối ngoại, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Bà đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

 GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**BAN ĐIỀU HÀNH** (tiếp theo)



Ông **LẠI QUỐC TUẤN**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lại Quốc Tuấn có 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Hà Nội - Fortuna; Phụ trách phòng Tín dụng & Đầu tư Chứng khoán Công ty Tài chính Bưu điện. Trong lĩnh vực Ngân hàng, Ông lần lượt giữ các chức vụ như: Trưởng phòng Nguồn vốn Ngân hàng VIB; Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng Phương Đông; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nam Á, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía Bắc Ngân hàng Nam Á; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Hà Nội Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **BÙI ANH DŨNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Bùi Anh Dũng có hơn 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng như: Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng Phòng kinh doanh đối ngoại, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **PHẠM THỐNG NHẤT**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phạm Thống Nhất có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó phòng kinh doanh Hội sở - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Phó Giám đốc - Công ty TMDV & XNK Hải Phòng, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP An Bình, Giám đốc Khu vực Duyên hải Bắc Bộ kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Duyên hải Bắc Bộ kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



Ông **NGÔ NAM PHONG**  
QUYỀN GIÁM ĐỐC  
KHỐI VẬN HÀNH & CÔNG NGHỆ

Ông Ngô Nam Phong có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng và Thương mại. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Thành viên dự án chuyển đổi chiến lược, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm kinh doanh Miền Nam, Giám đốc Phát triển bán và Chất lượng dịch vụ Miền Nam, Giám đốc Bán lẻ Miền Nam, Thành viên Ban Điều hành Miền Nam - Techcombank; Cố vấn chiến lược - TalentCapital Ltd; Giám đốc Tài chính - WeLandAir JSC. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.



GIỚI THIỆU **BAN LÃNH ĐẠO**

**BAN ĐIỀU HÀNH** (tiếp theo)



Ông **ĐỖ TRUNG HIẾU**

**QUYỀN GIÁM ĐỐC**  
**KHOẢN THẺ VÀ NGÂN HÀNG SỐ**

Ông Đỗ Trung Hiếu có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Tài chính ngân hàng. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Phó Giám đốc phụ trách, Giám đốc Vận hành Thẻ và Ngân hàng Điện tử, Giám đốc Trung tâm Thẻ và Ngân hàng điện tử, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Thẻ và Ngân hàng số Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

# DẤU ẤN NĂM 2018

- 10 dấu ấn tiêu biểu SCB năm 2018
- Các giải thưởng, minh chứng vị thế

2018

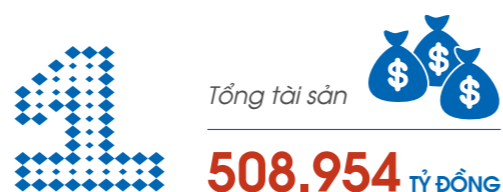




10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU SCB 2018

GIỮ VỮNG VỊ THẾ VỚI QUY MÔ TÀI SẢN LỚN MẠNH

Tổng tài sản của SCB đạt 508.954 tỷ đồng, tăng gần 65.000 tỷ đồng so với năm 2017, tiếp tục giữ vững vị trí Top 05 Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam và dẫn đầu trong nhóm các Ngân hàng TMCP ngoài quốc doanh.



Huy động vốn

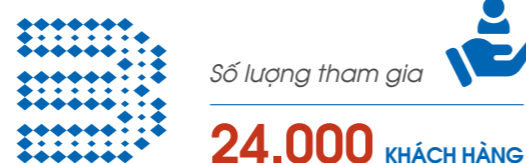
**418.338 TỶ ĐỒNG**

HUY ĐỘNG VỐN TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Tổng huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế năm 2018 đạt 418.338 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 18,4% so với năm 2017. Tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây tiếp tục đưa SCB trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu thị phần huy động vốn ngành ngân hàng.

TRIỂN KHAI SẢN PHẨM "CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI NGẮN HẠN"

Ngày 15/05/2018, SCB chính thức triển khai sản phẩm "Chứng chỉ tiền gửi SCB ngắn hạn" với những tính năng ưu việt đến từ chính sách lãi suất và tính thanh khoản giúp Khách hàng tối đa hóa lợi nhuận và linh hoạt sử dụng nguồn vốn. Tính đến 31/12/2018, sản phẩm đã huy động được gần 20.000 tỷ đồng, đóng góp 1/3 tổng tăng trưởng huy động với số lượng Khách hàng tham gia lên tới hơn 24.000 Khách hàng.



Vốn điều lệ

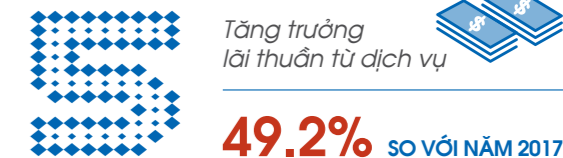
**15.232 TỶ ĐỒNG**

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, GIA TĂNG TIỀM LỰC TÀI CHÍNH

Tháng 11/2018, SCB thực hiện tăng Vốn điều lệ từ 14.295 tỷ đồng lên 15.232 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Việc tăng vốn điều lệ giúp Ngân hàng gia tăng tiềm lực tài chính, góp phần nâng cao cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ phục vụ cho việc phát triển sản phẩm dịch vụ mới với nhiều tiện ích, đa dạng, nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của Khách hàng. SCB nằm trong Top các Ngân hàng TMCP có quy mô vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.

THU PHÍ DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC

Với phương châm "Mọi dịch vụ, một điểm đến SCB", trong năm 2018 SCB đã cải thiện tất cả các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng trên mọi phương diện để chăm sóc Khách hàng theo cách tốt nhất. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ của SCB trong năm 2018 đạt 1.299 tỷ đồng với mức tăng trưởng ấn tượng 49,2% so với năm 2017.



Phát hành mới

**121.000 THẺ QUỐC TẾ**

HOẠT ĐỘNG THẺ TĂNG TRƯỞNG THẦN TỐC

Năm 2018, SCB đã phát hành mới hơn 121.000 thẻ quốc tế. Trong đó, số lượng thẻ thanh toán phát hành mới đạt hơn 94.000 thẻ và số lượng thẻ tín dụng phát hành mới đạt hơn 27.100 thẻ. Đồng thời, doanh số sử dụng thẻ tín dụng ghi nhận mức tăng trưởng gấp 1,97 lần so với năm 2017. Đi cùng với đó, thu nhập hoạt động thẻ năm 2018 của SCB đạt 130 tỷ đồng, tăng 187% so với thực hiện năm 2017.

TRÁI NGỌT SAU 03 NĂM HỢP TÁC BANCASSURANCE

Năm 2018 kỷ niệm 03 năm hợp tác liên kết độc quyền kênh phân phối bảo hiểm Bancassurance giữa SCB và Manulife, là một năm ghi nhận sự thành công vượt trội trong hoạt động hợp tác kinh doanh Bảo hiểm với Manulife khi kết quả kinh doanh đã vượt mốc kế hoạch cả năm ngay trong Quý 03/2018. Với số lượng phát hành trong năm vào khoảng 14.000 hợp đồng bảo hiểm, doanh số phí bảo hiểm tăng 122% so với năm 2017, SCB trở thành một trong những Ngân hàng TMCP có tốc độ phát triển mảng Bancassurance nhanh nhất trên thị trường hiện nay.



Đón nhận

**14 GIẢI THƯỞNG UY TÍN**

VINH DỰ ĐÓN NHẬN 14 GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Năm 2018, SCB vinh dự đón nhận 14 giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế, trong đó phải kể đến giải thưởng "Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu 2018" do Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) bình chọn, giải thưởng "Best Bank for Information Technology Vietnam 2018 - Ngân hàng có công nghệ thông tin tốt nhất Việt Nam 2018" do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn, giải thưởng "Best Deposit Certificate of the Year Vietnam 2018 - Chứng chỉ Tiền gửi tốt nhất Việt Nam 2018" do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn. Đây là minh chứng cho định hướng phát triển đúng đắn cũng như hiệu quả hoạt động của SCB thời gian qua, là ghi nhận về sự phát triển không ngừng của SCB, là động lực để SCB tiếp tục phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để phục vụ Khách hàng ngày càng tốt hơn.

10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU SCB 2018 (tiếp theo)

TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG DỰ ÁN TREASURY - FIS FRONT ARENA; HOÀN THIỆN NÂNG CẤP VÀ GOLIVE THÀNH CÔNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG LÒI (CORE BANKING) VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ (DIGITAL BANKING) - PHIÊN BẢN MỚI NHẤT FLEXCUBE 12.4 CỦA ORACLE

Tháng 06/2018, SCB triển khai và golive thành công hệ thống Treasury - Fis Front Arena, đưa SCB trở thành một trong những Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành hệ thống Treasury theo chuẩn quốc tế. Đây là cột mốc quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của SCB trong việc đem công nghệ chuẩn quốc tế áp dụng tại Ngân hàng. Dự án góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tiền tệ và đáp ứng các yêu cầu về quản trị.

Bắt đầu từ tháng 09/2017, sau hơn một năm triển khai dự án được xem là huyết mạch cho sự phát triển vững mạnh trong tương lai, đến tháng 09/2018, SCB đã hoàn thiện nâng cấp và golive thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) và ngân hàng điện tử (Digital Banking), phiên bản mới nhất Flexcube 12.4 của Oracle.

Những nỗ lực không ngừng của SCB trong năm 2018 thông qua việc đầu tư và áp dụng nền tảng công nghệ hiện đại vào hoạt động đã giúp Ngân hàng đẩy mạnh tốc độ phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng vị thế trên thị trường tài chính.



Nâng cấp Hệ thống Ngân hàng lõi



Flexcube 12.4 CỦA ORACLE



Môi trường làm việc

TOP 5 NGÂN HÀNG TỐT NHẤT

TOP 5 NGÂN HÀNG VIỆT CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT

SCB vinh dự nằm trong "Top 5 Ngân hàng Việt có môi trường làm việc tốt nhất" trong cuộc khảo sát "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam" do Anphabe - Đơn vị tiên phong về giải pháp xây dựng môi trường làm việc và nguồn nhân lực hạnh phúc tổ chức. SCB xác định nguồn nhân lực là một trong những yếu tố cốt lõi đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng. Việc nằm trong Top 5 Ngân hàng Việt có môi trường làm việc tốt nhất là kết quả của những nỗ lực bền bỉ trong công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ chế phúc lợi, cũng như xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp tại SCB, giúp CBNV có thể phát huy tốt nhất năng lực và kỹ năng chuyên môn của mình.





CÁC DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 2018

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2018



Giải thưởng nhằm tôn vinh những Doanh nghiệp có quy mô lớn nhất Việt Nam, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc góp mặt trong Top Doanh nghiệp lớn nhất là sự ghi nhận quá trình xây dựng, đầu tư và phát triển có chiến lược của SCB. Bên cạnh tiềm lực tài chính vững mạnh, đội ngũ nhân sự với trình độ chuyên môn cao, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và công nghệ hiện đại bậc nhất tại Việt Nam đã giúp SCB nâng tầm hoạt động, hướng đến phục vụ tốt nhất các nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG  
VNR500

SẢN PHẨM - DỊCH VỤ TIN & DÙNG VIỆT NAM 2017



Giải thưởng uy tín được tổ chức qua nhiều năm liên tiếp, trở thành kênh kết nối hiệu quả giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. SCB được đồng đảo Khách hàng tin tưởng bình chọn nhờ sản phẩm đa dạng, an toàn bảo mật, cùng dịch vụ chăm sóc Khách hàng ngày càng được nâng cao.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG  
Thời báo Kinh tế Việt Nam

THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM NĂM 2018



Ngày 13/4/2018, SCB đã vinh dự đón nhận giải thưởng "Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2018" do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức nhằm tôn vinh 100 Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và phát triển thương hiệu bền vững. Năm 2018, là năm thứ 6 liên tiếp SCB đạt danh hiệu "Thương hiệu Mạnh Việt Nam". Đây là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng của SCB trong việc đầu tư và áp dụng những nền tảng công nghệ hiện đại được nghiên cứu và sử dụng tại các quốc gia có nền kinh tế phát triển trên thế giới vào hoạt động ngân hàng để triển khai các sản phẩm - dịch vụ hiện đại, đa dạng và bảo mật.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG  
Thời báo Kinh tế Việt Nam



NGÂN HÀNG CÓ SẢN PHẨM DỊCH VỤ SÁNG TẠO TIÊU BIỂU 2018



Giải thưởng do đại diện các cơ quan, hiệp hội lĩnh vực Tài chính ngân hàng và CNTT xét duyệt, trao tặng cho SCB nhờ sự nỗ lực trong việc cho ra đời các sản phẩm dịch vụ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng. Nổi bật trong đó là sản phẩm "Chứng chỉ tiền gửi" với lãi suất cạnh tranh, an toàn và linh hoạt đã mang lại những kết quả ấn tượng cho SCB.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG  
Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG)

TOP 50 DOANH NGHIỆP VIỆT CÓ THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG HẤP DẪN  
VIETNAM BEST PLACE TO WORK 2018



Tại lễ công bố kết quả cuộc khảo sát "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam", SCB vinh dự nhận được danh hiệu "Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn 2018" do Anphabe trao tặng. Với định hướng lấy nhân sự là trọng tâm phát triển, SCB luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và hạnh phúc, thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi và cơ hội phát triển nghề nghiệp rõ ràng, minh bạch cho CBNV, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chăm lo đời sống tinh thần cho toàn thể CBNV.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG  
Tổ chức Anphabe



**GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ**

**BEST BANK FOR INFORMATION TECHNOLOGY VIETNAM 2018  
NGÂN HÀNG CÓ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018**



Giải thưởng uy tín vinh danh sự đầu tư và tiếp thu chọn lọc những công nghệ hàng đầu thế giới của SCB, khẳng định thành công của Ngân hàng khi áp dụng công nghệ thông tin trong việc vận hành hoạt động kinh doanh và đem đến trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng. Độc giả bình chọn bao gồm những quản lý cấp cao thuộc các công ty trong danh sách Fortune 500, các Định chế tài chính lớn và các Ngân hàng Trung ương từ các quốc gia.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí Global Banking & Finance Review

**BEST DEPOSIT CERTIFICATE OF THE YEAR VIETNAM 2018  
CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018**



SCB đã được vinh danh ở hạng mục giải thưởng "Chứng chỉ tiền gửi tốt nhất Việt Nam năm 2018" do Tạp chí Global Banking and Finance Review đánh giá và bình chọn. SCB đạt được giải thưởng uy tín này chính là nhờ kết quả ấn tượng từ việc triển khai sản phẩm "Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn". Sản phẩm ra mắt từ ngày 15/05/2018 đã nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng của Khách hàng với nhiều ưu điểm nổi trội như đa dạng kỳ hạn, mức lãi suất hấp dẫn và tính an toàn, tự do chuyển nhượng linh hoạt.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí Global Banking & Finance Review

**BEST COMMERCIAL BANK 2018 VIETNAM  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018**



Việc SCB được vinh danh tại giải thưởng uy tín "Best Commercial Bank Vietnam 2018" là ghi nhận về sự phát triển không ngừng, những thành công mà SCB đạt được đối với các tiêu chí, như: tổng quan hoạt động, các chỉ số tài chính, sản phẩm và dịch vụ đa dạng, hệ thống quản trị hiệu quả và định hướng mục tiêu phát triển rõ ràng.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí World Finance

**BEST CUSTOMER SERVICE BANK VN 2018  
DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018**



Giải thưởng được trao cho SCB dựa trên sự đầu tư nghiêm túc và liên tục nỗ lực cải tiến chất lượng dịch vụ. Đây là động lực quan trọng đối với SCB, thể hiện sự công nhận bước đầu cho nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Khách hàng. Sự công nhận này một lần nữa khẳng định cam kết của SCB luôn đặt Khách hàng vào trọng tâm trong mọi hoạt động.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí Global Business Outlook

**FOREIGN EXCHANGE BANK OF THE YEAR - VIETNAM 2018  
NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ NGOẠI HỐI TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2018**



SCB tiên phong phát triển sản phẩm, củng cố nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ ngoại hối, nhằm cung cấp các giải pháp toàn diện cho Khách hàng trong và ngoài nước.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí the European

**BRAND EXCELLENCE IN CORPORATE GOVERNANCE BANK VIETNAM 2018  
NGÂN HÀNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018**



Dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá, các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tài chính vinh danh những nỗ lực của SCB trong việc hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức, hỗ trợ vận hành hệ thống một cách hiệu quả. Đây cũng là nền tảng để SCB tối ưu chi phí, nguồn lực và phát triển các sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí Finance Digest

**LEADERSHIP IN CROSS - BORDER PAYMENT VOLUME GROWTH 2018  
NGÂN HÀNG CÓ DOANH SỐ GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TĂNG TRƯỞNG TỐT NHẤT NĂM 2018**



Với sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ chu đáo, hỗ trợ 24/7, SCB liên tục đẩy mạnh các hình thức thanh toán quốc tế hiện đại thông qua các chương trình khuyến mãi, ưu đãi được triển khai rộng khắp. Khách hàng hoàn toàn hài lòng khi thực hiện các giao dịch nước ngoài dưới sự hỗ trợ của SCB.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tổ chức Thẻ quốc tế Visa

**DEPOSIT PRODUCT OF THE YEAR - SẢN PHẨM TIỀN GỬI CỦA NĂM**



SCB đã nhận được giải thưởng "Deposit Product of the year - Sản phẩm tiền gửi của năm" đối với sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi. Giải thưởng do The Asian Banker - tạp chí uy tín chuyên về lĩnh vực tài chính ngân hàng tại châu Á - Thái Bình Dương trao tặng cho SCB dựa trên độ uy tín, chất lượng và kết quả kinh doanh của sản phẩm này trong thời gian qua.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Tạp chí The Asian Banker

**STP AWARD 2017 - NGÂN HÀNG CÓ CHẤT LƯỢNG THANH TOÁN QUỐC TẾ  
XUẤT SẮC THEO TỶ LỆ ĐIỆN CHUẨN 2017**



Giải thưởng "STP Award 2017" là ghi nhận của Standard Chartered Bank cho những nỗ lực, khả năng vượt trội và sự tận tâm trong việc phục vụ Khách hàng của đội ngũ vận hành SCB trong việc cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế chính xác, kịp thời cho Khách hàng với chi phí giao dịch tối ưu ở mức thấp nhất, thể hiện năng lực đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trong dịch vụ thanh toán toàn cầu.

Tỷ lệ giao dịch thanh toán đạt chuẩn tự động là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng hoạt động thanh toán quốc tế của các ngân hàng. Với tỷ lệ điện thanh toán đạt chuẩn cao, các giao dịch thanh toán quốc tế của Khách hàng qua hệ thống ngân hàng sẽ được xử lý nhanh chóng, chính xác, đồng thời giúp ngân hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí và giảm thiểu rủi ro.

ĐƠN VỊ TRAO TẶNG : Ngân hàng Standard Chartered

# SCB SÁNG TẠO & ĐỔI MỚI

- THAY ĐỔI TRONG XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG
- SÁNG TẠO VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, MANG LẠI TRẢI NGHIỆM KHÁC BIỆT
- PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO – THAY ĐỔI ĐỂ DẪN ĐẦU
- HÌNH ẢNH SCB NỖ LỰC PHÁT TRIỂN VÀ HOÀN THIỆN





THAY ĐỔI CHÍNH MÌNH TRONG XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

Trong bối cảnh phát triển của kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0, không thể phủ nhận tầm quan trọng cũng như sự tác động khác biệt của công nghệ, một trong những nền tảng hoạt động quan trọng, góp phần gia tăng vị thế của Ngân hàng trên thị trường tài chính. SCB xác định việc đẩy mạnh đầu tư công nghệ là xu hướng tất yếu.

Năm 2018 SCB đã nỗ lực không ngừng trong việc đầu tư và áp dụng những nền tảng công nghệ hiện đại trên thế giới vào hầu hết các hoạt động, nghiệp vụ của Ngân hàng. Từ đó, góp phần mang đến những sản phẩm, dịch vụ hiện đại, đa dạng và trải nghiệm tốt nhất cho người dùng, từng bước nâng cao năng lực quản lý, tính an toàn bảo mật và gia tăng giá trị lâu dài cho Khách hàng và SCB.

**NÂNG CẤP VÀ GOLIVE THÀNH CÔNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG LÒI (CORE BANKING) VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ (DIGITAL BANKING), PHIÊN BẢN MỚI NHẤT FLEXCUBE 12.4 CỦA ORACLE**

Việc nâng cấp hệ thống Core Banking và Internet Banking vốn được xem là huyết mạch của Ngân hàng, là hoạt động tất yếu phải triển khai. Hệ thống được nâng cấp không chỉ giúp SCB nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn góp phần gia tăng thêm tiện ích cho Khách hàng trong mọi giao dịch. Hệ thống mới hoạt động nhanh chóng, ổn định và an toàn hơn hệ thống cũ, sẽ mang đến nhiều tiện ích thiết thực trong công tác quản trị và vận hành của SCB cũng như hoạt động giao dịch của Khách hàng.

Việc nâng cấp hệ thống lên phiên bản mới với kiến trúc mở giúp SCB có thể dễ dàng tích hợp với các hệ thống khác, qua đó có thể chủ động vận hành và phát triển hệ thống mới phù hợp với các thay đổi trong hoạt động kinh doanh của SCB. Hệ thống lõi Core Banking và Digital Banking được nâng cấp cũng là nền tảng để SCB đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường tài chính, góp phần đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng.

SCB đầu tư hệ thống công nghệ thông tin nhằm mang đến những tiện ích mới nhất cho Khách hàng. Các quy trình nghiệp vụ sẽ được tự động hóa, thao tác trên màn hình được rút gọn, các giao dịch được xử lý nhanh chóng, rút ngắn thời gian giao dịch tại quầy của Khách hàng. Ngoài ra, hệ thống giúp Giao dịch viên có thể hỗ trợ Khách hàng điều chỉnh kịp thời và tránh xảy ra sai sót trong công tác quản lý dữ liệu, hoạt động phòng tránh rủi ro, bảo mật an toàn thông tin cho Khách hàng cũng được tăng cường. Hệ thống mới cũng sẽ hỗ trợ đồng nhất giao diện Digital Banking trên mọi trình duyệt và thiết bị điện tử, giúp Khách hàng thoải mái và dễ dàng thực hiện mọi thao tác.



**TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG DỰ ÁN TREASURY - FIS FRONT ARENA, ĐÁNH DẤU SỰ PHÁT TRIỂN MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ**

Với mong muốn nâng cao năng lực quản trị của Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng, tháng 06/2018 vừa qua, SCB đã triển khai thành công và chính thức golive dự án Treasury - Fis Front Arena. Đây là dự án trọng điểm, được SCB đặc biệt chú trọng và ưu tiên triển khai từ năm 2017.

Hiện nay, SCB là một trong những Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành hệ thống Treasury theo chuẩn quốc tế. Đây là một cột mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển mới của SCB trong hoạt động kinh doanh tiền tệ, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng trên thị trường tài chính. Với việc vận hành hệ thống Treasury sẽ giúp SCB tận dụng được các cơ hội thị trường, đồng thời quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh tiền tệ để mang về lợi nhuận tối đa cho Ngân hàng, đáp ứng các yêu cầu về quản trị, phù hợp quy mô hoạt động cũng như tốc độ phát triển không ngừng của SCB.

**RA MẮT WEBSITE MỚI GIA TĂNG TIỆN ÍCH CHO KHÁCH HÀNG**

Sau quá trình triển khai nâng cấp, đổi mới, ngày 27/03/2018, SCB chính thức ra mắt Website mới với nhiều tính năng và tiện ích như: giao diện thiết kế hiện đại, đẹp mắt; tương thích với mọi thiết bị, dễ dàng thao tác; hỗ trợ tối ưu hóa từ khóa trên công cụ tìm kiếm,... góp phần gia tăng sự thuận tiện cho Khách hàng khi theo dõi và cập nhật các thông tin sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại mới nhất trên Website.

- Giao diện Website mới của SCB được thiết kế đơn giản, sinh động, cách trình bày khoa học, có hệ thống và thân thiện hơn với người dùng, giúp Khách hàng, Đối tác tìm kiếm thông tin cần thiết nhanh chóng và dễ dàng, thuận lợi hơn trong việc tìm hiểu về các sản phẩm và dịch vụ SCB đang cung cấp, cũng như nhận được sự tư vấn trực tiếp từ nhân viên ngân hàng.
- Ngoài ra, Website mới của SCB tương thích với mọi thiết bị truy cập của người dùng như máy vi tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, giúp giao diện Website nhất quán trên mọi thiết bị và người dùng không phải tốn thời gian tìm hiểu lại khi truy cập Website từ các thiết bị khác nhau.
- Thông qua cách thức truyền tải dữ liệu HTTPS (Hypertext Transfer Protocol Secure) mã hóa kết nối giữa máy tính và Website, các thông tin Khách hàng khi đăng nhập Website sẽ được đảm bảo an toàn, bảo mật. Đặc biệt, Website mới còn cho phép Khách hàng cá nhân và Doanh nghiệp đăng ký mở tài khoản tiền gửi, tiết kiệm, đăng ký mở thẻ, hay các dịch vụ ngân hàng điện tử như Mobile Banking, Internet Banking.
- Bên cạnh đó, khi truy cập Website SCB bằng thiết bị di động có định vị GPS, Khách hàng sẽ dễ dàng tìm thấy thông tin của những điểm giao dịch cũng như máy ATM SCB ở vị trí gần nhất.

Với những nỗ lực trong việc đưa đến giá trị cao nhất cho Khách hàng và Đối tác, Website mới với giao diện thân thiện sẽ mở ra một kênh thông tin nhanh chóng, hiệu quả và tiện lợi, giúp Khách hàng thu thập được thông tin mong muốn qua Website cũng dễ dàng như khi đến gặp Nhân viên tư vấn tại các điểm giao dịch của Ngân hàng.





**NÂNG CẤP HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TRONG BƯỚC ĐẦU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG**

Ngân hàng điện tử SCB được ra mắt như một bài toán chiến lược trên thị trường hiện nay, phù hợp với định hướng phát triển Ngân hàng bán lẻ hiện đại cũng như xu hướng ứng dụng ngày càng cao công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ. Điều này không chỉ giúp Khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại để thực hiện các giao dịch cần thiết mà còn giúp SCB nâng cao khả năng cạnh tranh của mình với các đối thủ. Nhằm nâng cao việc cung cấp các dịch vụ trọn gói và khuyến khích Khách hàng trải nghiệm, năm qua SCB đã nâng cấp, triển khai nhiều tính năng mới đối với sản phẩm Ngân hàng Điện tử để phục vụ Khách hàng.

DỊCH VỤ	NÂNG CẤP DỊCH VỤ, GIA TĂNG LỢI ÍCH CHO KHÁCH HÀNG
Nâng cấp dịch vụ Mobile Banking	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng mức độ trải nghiệm công nghệ tiên tiến: Khách hàng có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng mã QR, hoặc cũng có thể bảo mật và xác nhận bằng dấu vân tay.</li> <li>- Dễ dàng thực hiện giao dịch mọi lúc mọi nơi thông qua ứng dụng được cài đặt trên điện thoại, máy tính bảng.</li> <li>- Ứng dụng điện thoại được thiết kế với giao diện thân thiện, thao tác dễ dàng và tích hợp cùng các tiện ích đa dạng cũng như liên tục được SCB cập nhật để mang đến trải nghiệm tốt nhất cho Khách hàng.</li> </ul>
Dịch vụ SMS Banking	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi đăng ký SMS Banking, tất cả những biến động về số dư đều được thông báo qua tin nhắn. Bên cạnh đó, Khách hàng còn dễ dàng tra cứu thông tin về tài khoản, theo dõi tỉ giá, lãi suất hoặc cũng có thể dùng để nạp tiền đi động trả trước, thanh toán cước điện thoại trả sau với cú pháp đơn giản, dễ nhớ.</li> <li>- Ngoài ra, Khách hàng còn có thể tra cứu trạm ATM gần nhất hoặc nhận những tin tức khuyến mãi hấp dẫn từ SCB thông qua SMS Banking.</li> </ul>
Dịch vụ Internet Banking	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Với Internet Banking, Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch tra cứu, thanh toán hoặc gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn thông qua bất kỳ thiết bị nào có Internet. Hơn nữa, Khách hàng có thể chuyển khoản hoặc chuyển tiền trong, ngoài SCB với số tiền lên đến 10 tỷ đồng/ngày.</li> <li>- Tăng mức độ an toàn cao và nhiều lớp. Việc xác nhận sẽ được thực hiện qua tin nhắn SMS hoặc mã token, tùy vào lựa chọn của Khách hàng.</li> </ul>
Tích hợp ví điện tử và ứng dụng thanh toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SCB chủ động nâng cấp hệ thống Ngân hàng điện tử nhằm tăng khả năng tích hợp với các đối tác ví điện tử và ứng dụng thanh toán với mục tiêu tối ưu hóa trải nghiệm của Khách hàng. Các ứng dụng được triển khai trong năm 2018 của SCB bao gồm QR Code, Samsung Pay, ví điện tử Moca (ứng dụng Grab) và ví điện tử AirPay (ứng dụng Foody và Shopee).</li> </ul>



**ĐƯA VÀO VẬN HÀNH PHÂN HỆ MUA SẴM (PO) TRÊN ERP VỚI NHIỀU TÍNH NĂNG NỔI TRỘI**

Nhằm cập nhật chính xác và kịp thời dữ liệu ngân sách, hệ thống hóa tất cả các giao dịch mua sắm để hình thành nên các hàng hóa, tài sản trên toàn hàng, tháng 08/2018, sau quá trình triển khai, Phân hệ mua sắm (PO) trên ERP đã được chính thức đưa vào vận hành. Việc áp dụng quy trình khép kín tự động trong công tác quản lý đơn hàng mua sắm giúp SCB theo dõi công việc một cách chủ động và nhanh chóng, tránh thất thoát tài sản, nâng cao hiệu quả công việc của các đơn vị.



**SCB 03 NĂM LIÊN TIẾP ĐẠT CHỨNG CHỈ PCI DSS VỚI CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN NGHIÊM NGẶT NHẤT VỀ AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG HOẠT ĐỘNG THẺ**

Đây là chứng chỉ cao nhất về an ninh, bảo mật trong lĩnh vực phát hành và chấp nhận thẻ thanh toán, được thiết lập bởi Hội đồng Tiêu chuẩn bảo mật thẻ thanh toán (Payment Card Industry Security Standards Council). Với chứng nhận đạt **"Chứng chỉ bảo mật PCI DSS phiên bản 3.2.1"**, SCB khẳng định cam kết và quyết tâm trong việc đảm bảo cao nhất an ninh, bảo mật giao dịch của Khách hàng và Đối tác, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín của SCB trên thị trường tài chính.

Việc tuân thủ các chuẩn mực về bảo mật của PCI DSS giúp SCB đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ khi được xử lý và lưu trữ tại Ngân hàng, hạn chế các lỗ hổng bảo mật và rủi ro bị đánh cắp thông tin. Đồng thời, SCB có thể giảm thiểu các rủi ro về tổn thất tài chính cùng các thông tin quan trọng của Ngân hàng và Khách hàng, giúp Khách hàng có thể an tâm khi sử dụng và giao dịch bằng thẻ của SCB cũng như các sản phẩm, dịch vụ tài chính khác.

**SCB vinh dự nhận**

**CHỨNG CHỈ ĐẠT TIÊU CHUẨN BẢO MẬT, AN NINH THẺ THEO CHUẨN PCI DSS PHIÊN BẢN 3.2.1**

Do Tổ chức Đánh giá Quốc tế Controlcase bình chọn



SÁNG TẠO VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ  
MANG LẠI CHO KHÁCH HÀNG SỰ TRẢI NGHIỆM KHÁC BIỆT

Với mục tiêu thu hút Khách hàng, không ngừng gia tăng lợi ích và sự gắn bó của Khách hàng, SCB đã không ngừng đổi mới, mang lại những sản phẩm, dịch vụ mới tạo ra sự trải nghiệm khác biệt cho Khách hàng.



TRiển KHAI SẢN PHẨM "CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI SCB NGẮN HẠN"

Ngày 15/05/2018, SCB chính thức triển khai sản phẩm "Chứng chỉ tiền gửi SCB ngắn hạn" giúp Khách hàng tối đa hóa lợi nhuận và linh hoạt sử dụng nguồn vốn. Tính đến 31/12/2018, sản phẩm đã huy động được gần 20.000 tỷ đồng, đóng góp 1/3 tổng tăng trưởng huy động với số lượng Khách hàng tham gia lên tới hơn 24.000 Khách hàng. Đến nay sức hút sản phẩm vẫn chưa hề giảm nhiệt khi tiếp tục nhận được sự quan tâm và ủng hộ của đông đảo Khách hàng, bởi tính năng ưu việt đến từ chính sách lãi suất và tính thanh khoản của sản phẩm, giúp Khách hàng có thể chủ động nguồn tiền đồng thời vẫn nhận được lợi ích tối ưu.

Cụ thể, sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi của SCB đưa ra nhiều lựa chọn cho Khách hàng với 06 mệnh giá: 100 triệu đồng, 200 triệu đồng, 500 triệu đồng, 1 tỷ đồng, 2 tỷ đồng và

5 tỷ đồng. Song song đó, với kỳ hạn 189 ngày và hình thức linh lãi cuối kỳ, Khách hàng sẽ được hưởng mức lãi suất ưu đãi 6,8%/năm. Hơn nữa, chủ sở hữu chứng chỉ tiền gửi SCB ngắn hạn còn được tự do chuyển nhượng dưới các hình thức mua, bán, cho, tặng, trao đổi... mà vẫn được hưởng mức lãi suất cạnh tranh so với các hình thức gửi tiết kiệm thông thường cùng kỳ hạn.

Chính vì những lợi ích và tính năng vượt trội như vậy, vừa qua, sản phẩm chứng chỉ tiền gửi của SCB đã được Tạp chí Global Banking and Finance Review vinh danh ở hạng mục giải thưởng "Chứng chỉ tiền gửi tốt nhất Việt Nam năm 2018". Bên cạnh đó, cũng chính sản phẩm này, SCB đón nhận thêm giải thưởng "Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" từ Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG.



CUNG CẤP SẢN PHẨM DỊCH VỤ THEO GÓI

Đi cùng với tôn chỉ "Mọi dịch vụ - Một điểm đến SCB" trong 02 năm trở lại đây, SCB đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng các sản phẩm tài chính trọn gói, ứng dụng công nghệ nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng, đồng thời góp phần gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng.

Quản lý chặt chẽ tài khoản, thực hiện nhanh chóng mọi giao dịch, tiết kiệm thời gian và chi phí luôn là mong muốn của Khách hàng khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ từ Ngân hàng. Hiểu được điều đó, SCB đã thiết kế những sản phẩm "đo ni đóng giày", gói sản phẩm tích hợp các tính năng trên eBanking không chỉ đáp ứng các nhu cầu giao dịch tài chính đa dạng, Khách hàng còn có cơ hội nhận nhiều ưu đãi hấp dẫn, cụ thể:

- Đối với Khách hàng cá nhân, SCB triển khai gói Tài khoản 3X gồm gói Tài khoản thông thường, gói Tài khoản Đa năng và gói Tài khoản Lộc phát, kết hợp 3 sản phẩm dịch vụ: Tài khoản thanh toán, Dịch vụ eBanking (SMS Banking và/hoặc Mobile Banking và/hoặc Internet Banking) và Thẻ thanh toán quốc tế SCB MasterCard Debit. Với gói tài khoản 3X, Khách hàng được hỗ trợ quản lý tài khoản và dòng tiền một cách chặt chẽ, giúp Khách hàng có thể thoải mái thực hiện các giao dịch trên Internet Banking và Mobile Banking mọi lúc mọi nơi, cũng như theo dõi kịp thời mọi biến động tài khoản qua SMS Banking, giúp Khách hàng có thêm thời gian và sự an tâm để tận hưởng cuộc sống.

- Đối với Khách hàng doanh nghiệp, SCB mang đến gói "Tài khoản S-Pro", ra đời trên nền tảng tích hợp tài khoản thanh toán và các dịch vụ tiện ích, là sự kết hợp 4 sản phẩm dịch vụ bao gồm: SMS Banking, Internet Banking, Thẻ thanh toán quốc tế dành cho doanh nghiệp (SCB C - Mastercard Debit) và Dịch vụ nhận sổ phụ qua email. Với gói sản phẩm này, SCB mang lại giải pháp giúp Doanh nghiệp quản lý tài chính một cách hiệu quả, kiểm soát được dòng tiền ra vào trên tài khoản thanh toán ngay khi có phát sinh giao dịch và/hoặc kiểm soát theo định kỳ hàng ngày/tuần/tháng phù hợp nhu cầu quản lý kinh doanh, thực hiện các giao dịch chuyển tiền, thanh toán cho đối tác trong cùng hệ thống SCB hoặc liên ngân hàng mọi lúc, mọi nơi một cách an toàn và nhanh chóng. Bên cạnh đó, với Thẻ thanh toán quốc tế SCB C-Mastercard, doanh nghiệp có thể thanh toán chi phí tiếp khách, công tác trong và ngoài nước tại hàng triệu điểm chấp nhận thẻ trên thế giới, mua sắm hàng hóa, công cụ lao động trên tất cả website thương mại điện tử như Amazon, Lazada.vn, Microsoft Store,...

Với tính năng tiện ích cùng nhiều ưu đãi được triển khai, SCB đã mang lại giá trị thực sự cho Khách hàng. Việc tăng số lượng giao dịch của mỗi Khách hàng là minh chứng cho sự tin tưởng và sử dụng các sản phẩm của SCB, góp phần gia tăng lợi ích lâu dài cho Ngân hàng, đưa thương hiệu SCB - Ngân hàng hiện đại vươn rộng ra thị trường hơn nữa.

ĐA DẠNG PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN CHO CHỦ THẺ

SCB triển khai thêm phương thức "Thanh toán Contactless - Thanh toán một chạm", cho phép chủ thẻ đơn giản hóa quá trình thanh toán. Với công nghệ trên, Khách hàng không cần đưa thẻ cho người bán hàng để quét qua máy POS như phương thức truyền thống, mà chỉ cần một thao tác chạm hoặc vẫy nhẹ thẻ trước màn hình máy POS là

đã có thể thực hiện thanh toán. Công nghệ thanh toán Contactless sẽ tăng thêm sự an toàn và bảo mật cho Khách hàng khi có thể tự quản lý thẻ của mình trong lúc thực hiện giao dịch, tránh được các trường hợp bị mất, làm giả thẻ hoặc bị sao chép thông tin.

TRiển KHAI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Từ ngày 01/08/2018, SCB triển khai phát hành "Hóa đơn điện tử" trên toàn hệ thống, mang lại giải pháp hóa đơn hiệu quả, tiết kiệm, an toàn. Đồng thời, với mong muốn cung cấp các dịch vụ trọn gói và khuyến khích Khách hàng trải nghiệm, SCB triển khai tính năng tra cứu hóa đơn điện tử trên Internet Banking dành cho Khách hàng tổ chức, giúp Doanh nghiệp thuận tiện trong hạch toán kế toán, đối chiếu dữ liệu, qua đó giảm rủi ro và chi phí liên quan đến hóa đơn.





PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO  
THAY ĐỔI ĐỂ DẪN ĐẦU

Nhìn lại chặng đường của SCB giai đoạn 2012 - 2018, cùng với những thay đổi mạnh mẽ về chiến lược hoạt động kinh doanh của SCB "Trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam", công tác Quản trị nguồn nhân lực tại SCB cũng đã có những bước chuyển mình để thích ứng với định hướng trên, từ đó tạo ra nhiều cơ hội nghề nghiệp mang tính thử thách và hấp dẫn. Các chương trình đào tạo đối với các cấp quản lý được SCB chú trọng thực hiện trong năm qua.

**CHƯƠNG TRÌNH "PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO"**

Trong năm 2018, để nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị điều hành, SCB đã hợp tác với Công ty Crestcom International, là tổ chức đào tạo phát triển kỹ năng lãnh đạo hàng đầu của Mỹ triển khai chương trình đào tạo "Phát triển năng lực Lãnh đạo" cho đội ngũ Lãnh đạo cấp trung và cấp cao thuộc các đơn vị Chi nhánh và Hội sở của SCB.

Chương trình không chỉ hỗ trợ phát triển và làm giàu các kỹ năng lãnh đạo cho đội ngũ lãnh đạo SCB, mà qua đây, CBNV sẽ được đánh thức tiềm năng lãnh đạo và hiểu rõ hơn năng lực của bản thân, từ đó nâng cao nhận thức về các giá trị trong công việc và trong cuộc sống.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO "NGƯỜI KẾ NHIỆM"  
(SCB NEXT GENERATION - SNG)**

Với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự có thể đảm nhiệm các vị trí Lãnh đạo trong tương lai, chương trình SNG được xây dựng nhằm hoàn thiện và phát huy tối đa năng lực của CBNV SCB. Không chỉ tạo ra nhiều cơ hội thăng tiến cho nhân sự nội bộ tại SCB, góp phần tạo động lực để mỗi CBNV cố gắng hơn trong công việc, chương trình SNG còn là con đường nhanh nhất giúp các nhân sự trẻ và đầy tiềm năng trong nội bộ SCB chạm đến thành công trong lộ trình nghề nghiệp.





HÌNH ẢNH SCB NỖ LỰC HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN

HÌNH ẢNH NGÂN HÀNG CHUYÊN NGHIỆP, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐƯỢC THAY ĐỔI, NÂNG TẦM VỊ THẾ CỦA SCB TRONG NHẬN THỨC CỦA KHÁCH HÀNG.

Với những nỗ lực chủ động thay đổi và hoàn thiện Chất lượng dịch vụ trong năm 2018, SCB vinh dự đón nhận giải thưởng

**"DỊCH VỤ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM 2018"**

do Tạp chí Global Business Outlook bình chọn. Định hướng trong năm 2019, Chất lượng dịch vụ SCB không chỉ gói gọn trong khuôn khổ Dịch vụ Khách hàng mà sẽ được triển khai Toàn hàng với mục tiêu toàn thể CBNV SCB sẽ là những dấu ấn tích cực và luôn chủ động để làm hài lòng Khách hàng.



CÔNG TÁC CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Xác định "Khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động", SCB luôn không ngừng nỗ lực hoàn thiện, nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ Khách hàng. Các yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả phục vụ Khách hàng, đặc biệt là yếu tố con người luôn được SCB quan tâm và không ngừng cải thiện thông qua các giải pháp cụ thể như:

Thứ nhất, SCB chú trọng công tác đào tạo nhân sự, đảm bảo tỷ lệ 100% CBNV được đào tạo hiệu quả qua các lớp nghiệp vụ về sản phẩm và kỹ năng chăm sóc Khách hàng. Với sự chia sẻ và giảng dạy từ các chuyên gia, CBNV SCB được trang bị những kiến thức từ căn bản cho đến quy trình phục vụ Khách hàng chuyên nghiệp.

Thứ hai, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong công tác phục vụ Khách hàng, SCB đã áp dụng Bộ tiêu chuẩn dành cho nhân viên và Đơn vị giao dịch, tạo sự đồng nhất cho mọi CBNV trong từng cử chỉ, ngôn ngữ giao tiếp, tác phong phục vụ... Những yếu tố trên góp phần mang đến cảm giác thân thiện, thoải mái cũng như giúp Khách hàng cảm nhận sự quan tâm tích cực từ SCB.

Thứ ba, để hoạt động quy chuẩn chất lượng dịch vụ được hiệu quả, SCB cũng đặc biệt chú trọng đến công tác giám sát. Các kênh giám sát như camera, Khách hàng bí mật, bộ phận quản lý chất lượng dịch vụ... luôn được khai thác triệt để và liên tục. Đây là căn cứ để SCB đánh giá kết quả thực hiện, ghi nhận điểm chưa phù hợp, qua đó có những giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo Khách hàng nhận được sự quan tâm và chăm sóc tận tình mọi lúc mọi nơi.

Thứ tư, SCB thường xuyên lắng nghe ý kiến phản hồi và đo lường sự hài lòng của Khách hàng như khảo sát ý kiến Khách hàng qua Hotline, ghi nhận phản hồi qua fanpage SCB hoặc email [chamsockhachhang@scb.com.vn](mailto:chamsockhachhang@scb.com.vn), qua đó có giải pháp điều chỉnh và nâng cao chất lượng dịch vụ phù hợp.

Cuối cùng, SCB kết hợp triển khai nhiều biện pháp cải tiến Quy trình chất lượng dịch vụ, tinh giản thủ tục và rút ngắn thời gian giao dịch với mong muốn mang đến trải nghiệm tốt nhất tới Khách hàng khi giao dịch tại SCB.



○ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ

SCB đa dạng hóa sản phẩm thông qua việc triển khai giới thiệu sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn và kênh đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp giúp Khách hàng mở rộng các kênh đầu tư với lãi suất ưu đãi và chính sách chuyển nhượng linh hoạt hơn các sản phẩm tiền gửi trung dài hạn.

Song song với việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đơn lẻ, trong năm 2018, SCB đã giới thiệu đến Khách hàng các gói sản phẩm dịch vụ với mong muốn khuyến khích Khách hàng gia tăng trải nghiệm từ các dịch vụ đa dạng như:

- Gói **"Tài khoản Đa năng"** kết hợp 3 sản phẩm: Tài khoản thanh toán, dịch vụ eBanking (SMS/Mobile/Internet Banking) và thẻ thanh toán quốc tế SCB Mastercard Debit nhằm mang đến cho Khách hàng giải pháp tài chính trọn gói, đáp ứng các nhu cầu tài chính cơ bản và thường xuyên nhất.
- Gói **"Tài khoản S-Pro"** kết hợp 04 sản phẩm dịch vụ bao gồm: SMS Banking, Internet Banking, Thẻ thanh toán quốc

tế dành cho Khách hàng doanh nghiệp và dịch vụ nhận sổ phụ qua email, giúp Khách hàng dễ dàng quản lý tài khoản và dòng tiền một cách chi tiết, chính xác và kịp thời.

- Kết hợp sản phẩm **"Tiết kiệm Đặc Lợi Tài"** và Gói Tài khoản thanh toán, gia tăng ưu đãi lãi suất tiền gửi lên đến 0,08%/năm, giúp Khách hàng tối đa hóa lợi ích.
- Thực hiện liên kết sản phẩm Bảo hiểm và các Kênh tọa đàm về sức khỏe nhằm giúp Khách hàng nâng cao hiểu biết về chăm sóc sức khỏe và các biện pháp phòng chống rủi ro tài chính.

Bên cạnh đó, SCB tiếp tục mở rộng các đối tác liên kết để gia tăng tiện ích cho khách hàng. Trong năm, SCB triển khai dịch vụ hóa đơn điện tử, chữ ký số; sử dụng QR Code trên sổ tiết kiệm nhằm tăng tính bảo mật; cùng với đó, đẩy mạnh các phương thức thanh toán thông minh không cần thẻ và tiền mặt như Samsung Pay, QR Pay, liên kết thanh toán ví điện tử...

● CÁC TIỆN ÍCH KHÁC

SCB chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới hoạt động nhằm mang hình ảnh thương hiệu đến gần hơn với Khách hàng. Năm 2018, SCB đã hoàn tất đưa vào khai trương hoạt động 02 Chi nhánh và 09 Phòng giao dịch tại một số tỉnh/thành phố, đồng thời liên tiếp di dời hàng loạt Đơn vị kinh doanh. Các trụ sở mới đều được đặt tại các khu vực trung tâm, giao thông thuận tiện, được đầu tư khang trang, hiện đại, theo mô hình văn phòng giao dịch đa năng, góp phần gia tăng sự tương tác giữa Khách hàng với Nhân viên giao dịch, mang lại những ấn tượng và trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng.

Bên cạnh việc đầu tư vào cơ sở vật chất, SCB hướng đến mục tiêu phục vụ khách hàng mọi lúc, mọi nơi thông qua việc phát triển các kênh phân phối hiện đại. Hệ thống ngân hàng điện tử được SCB ứng dụng công nghệ và nâng cấp tính năng, gia tăng sự trải nghiệm cho Khách hàng, không những giúp Khách hàng tiết kiệm được chi phí giao dịch mà còn gia tăng khả năng cạnh tranh của SCB.



**SCB**  
**PREMIER**  
Đẳng cấp vượt trội





SCB LÀ NƠI PHÁT TRIỂN CỦA MỖI CÁ NHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Năm 2018, SCB vinh dự ghi tên vào danh sách "Top 5 Ngân hàng Việt có môi trường làm việc tốt nhất", là minh chứng cho những nỗ lực bền bỉ của SCB trong công tác phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ chế phúc lợi, cũng như nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp tại SCB, giúp CBNV có thể phát huy tốt nhất năng lực và kỹ năng chuyên môn của mình. Năm 2018, SCB tập trung tuyển dụng nhân sự mới, nâng số lượng CBNV lên 7.258 người với tỷ lệ nhân sự kinh doanh chiếm 44%. Đây là nguồn lực quý giá của SCB trong hành trình phát triển trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, năng động hàng đầu Việt Nam trong những năm tới.

ĐƯỢC GHI NHẬN SỰ CỐNG HIẾN

SCB ghi nhận sự cống hiến của CBNV thông qua việc truyền thông rõ ràng lộ trình nghề nghiệp, các kỹ đánh giá năng lực - năng ngạch định kỳ 06 tháng/cuối năm và bổ nhiệm Lãnh đạo nhằm khuyến khích CBNV nỗ lực đóng góp trách nhiệm với tổ chức. Trong năm 2018, SCB tiếp tục triển khai Bộ chỉ tiêu KPIs cho Bộ phận Hỗ trợ Kinh doanh và đánh giá Bộ chỉ tiêu KPIs chi tiết đến từng CBNV Hội sở.

Bên cạnh đó, SCB triển khai dự án xây dựng Bộ KPIs cho đội ngũ kinh doanh theo định hướng kinh doanh mới dự kiến áp dụng từ ngày 01/01/2019 và hoàn tất công tác triển khai giao và đánh giá hiệu suất CBNV tại ĐVKD và Hội sở theo bộ KPIs của từng chức danh. Việc triển khai KPIs cho CBNV tại ĐVKD và Hội sở được xem là thành công bước đầu của SCB trong việc xây dựng năng lực cốt lõi hướng đến hiệu quả cho toàn bộ CBNV.

ĐƯỢC CHÚ TRỌNG ĐẾN YẾU TỐ TINH THẦN

SCB ngày càng chú trọng đến yếu tố tinh thần cho CBNV thông qua việc cải thiện không gian phòng họp, xây dựng văn hóa đọc sách, các chương trình nội bộ ngày càng được tổ chức chuyên nghiệp và có tính quy mô cao. SCB trân trọng những giá trị do CBNV tạo ra và đóng góp cho SCB. Theo đó, SCB đẩy mạnh xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại với chế độ phúc lợi hợp lý và hài hòa lợi ích giữa SCB và CBNV như: ngoài thực hiện các chính sách đối với CBNV theo Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, SCB còn bổ sung thêm một số chính sách phúc lợi tài chính và phi tài chính về bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe bằng dịch vụ cao cấp, thưởng các dịp Lễ

Tết, thường thành tích cuối năm, phụ cấp tiền ăn giữa ca, trợ cấp đột xuất cho CBNV khi gặp khó khăn, tổ chức cho CBNV tham quan, nghỉ mát dưỡng sức - giao lưu gắn kết, tặng quà cho CBNV các dịp sinh nhật, tổ chức ngày hội lớn như Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Ngoài ra, SCB cũng chú trọng công tác xây dựng văn hóa SCB và bước đầu đem lại kết quả khả quan thông qua hiệu quả từ các công cụ như truyền thông nội bộ, bản tin SCB và các cuộc thi/ hoạt động văn hóa - văn nghệ khuyến khích CBNV giao lưu, học hỏi lẫn nhau và tạo sự gắn kết giữa các Đơn vị.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CỞI MỞ VÀ KHUYẾN KHÍCH CBNV PHÁT TRIỂN BẢN THÂN

Năm 2018, SCB tích cực triển khai nhiều chương trình phát triển con người cho nhiều cấp bậc/ chức danh như Chương trình đào tạo lãnh đạo, khóa học nghiệp vụ cho các chức danh kinh doanh trực tiếp và các khóa học kỹ năng mềm cho toàn thể CBNV. Song song đó, SCB đã thành lập Học viện SCB trực thuộc Khối Quản trị Nguồn nhân lực nhằm chuyên môn hóa công tác đào tạo, phát triển CBNV SCB với mục tiêu hướng tới là tạo ra một môi trường, một hệ sinh thái mang đậm tinh thần tự học hỏi, nâng cao tri thức cả chuyên môn lẫn những kỹ năng quan trọng nhằm đạt được hiệu quả trong công việc.



# KHẮNG ĐỊNH VỊ THẾ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH
- ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN LIÊN TỤC VÀ VỮNG MẠNH
- ĐI CÙNG VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG



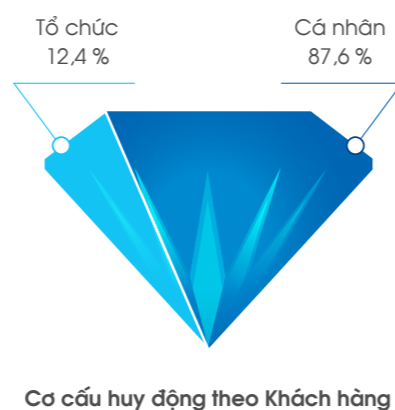


KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 MINH CHỨNG CHO VỊ THẾ SCB

HUY ĐỘNG VỐN TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH, LÀM NỀN TẢNG ĐƯA SCB PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với những nỗ lực trong công tác duy trì cải tiến các sản phẩm tiền gửi đặc trưng, đa dạng kỳ hạn huy động phù hợp với nhu cầu vốn nhàn rỗi của Khách hàng đã mang lại kết quả tích cực đến hoạt động huy động vốn của SCB. Cụ thể, tính đến 31/12/2018 huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế đạt 418.338 tỷ đồng, tăng 18,4% so với cuối năm 2017. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của SCB ổn định qua các năm và cao hơn mức trung bình của toàn ngành ngân hàng.

Trong đó, huy động KHCN năm 2018 đạt những bước tiến ấn tượng nhờ việc triển khai sản phẩm mới "Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn SCB" và chủ trương cơ cấu lại danh mục sản phẩm huy động KHCN, điều này đã tác động tích cực đến kết quả tăng trưởng huy động vốn của Ngân hàng, cụ thể tăng trưởng huy động từ KHCN năm 2018 đạt 50.936 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng ổn định 16,1%. Huy động KHDN trong năm vừa qua cũng ghi nhận mốc tăng trưởng đáng kể, đạt 14.076 tỷ đồng với tỷ lệ tương ứng là 38,0%. Những cố gắng trong công tác quản lý, phát triển sản phẩm và chủ trương tập trung vào phân khúc Khách hàng mục tiêu đã giúp SCB đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2018.



SONG HÀNH VỚI CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG, HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG GHI NHẬN NHIỀU TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC TRONG NĂM 2018

Tiếp tục định hướng trở thành Ngân hàng Bán lẻ đa năng hiện đại, trong năm 2018, SCB với chủ trương đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu liên tục đổi mới của Khách hàng. Cụ thể, SCB tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán lẻ theo hướng tinh gọn thủ tục, đa dạng nhiều đối tượng, hướng đến nhu cầu của Khách hàng. Các sản phẩm tín dụng đã triển khai trong năm 2018 tập trung vào phân khúc Cho vay bổ sung vốn kinh doanh/ đầu tư tài sản và Cho vay tiêu dùng/ mua xe/ mua nhà. Trong năm 2018, điểm sáng tín dụng SCB tập trung ở sản phẩm "Cho vay mua nhà ở, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng nhà ở, cải tạo nhà ở", đây là sản phẩm truyền thống được nhiều Khách hàng đón nhận vì đáp ứng được nhu cầu và tâm lý an cư lạc nghiệp của đại đa số người dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, SCB đã tích cực triển khai chính sách tín dụng KHCN năm 2018, tập trung vào 03 mảng chính Cho vay mua nhà, Cho vay mua xe và Cho vay nông nghiệp nông thôn, đồng thời chú trọng giảm lược thời gian và thủ tục giải ngân thông qua công tác hỗ trợ tín dụng tập trung. Việc triển khai các chính sách thúc đẩy hoạt động cho vay đã tác động tích cực lên kết quả cho vay của SCB, đưa dư nợ cho vay Khách hàng năm 2018 của SCB lên tới 301.892 tỷ đồng, với mức tăng ròng đạt 35.391 tỷ đồng tương đương tỷ lệ tăng trưởng 13,3% so với năm 2017.

Song song đó, trong năm 2018, SCB tiếp tục nâng cao các tiêu chuẩn/quy định trong phòng ngừa và kiểm soát rủi ro; nâng cao chất lượng thẩm định, thực hiện nghiêm túc quy trình cấp tín dụng; đồng thời đẩy mạnh thu hồi đối với các khoản nợ quá hạn, nợ xấu. Nhờ vậy, SCB duy trì tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu ở mức rất thấp so với quy định, lần lượt là 0,61% và 0,42%.





TĂNG TỐC THU NGOÀI LÃI

Thu ngoài lãi năm 2018 ghi nhận những dấu mốc tăng trưởng ấn tượng với tỷ trọng đóng góp hơn 25% tổng thu nhập hoạt động, đạt mức 1.746 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2017 từ các hoạt động kinh doanh Bảo hiểm, Thẻ, Ngân hàng điện tử, Thanh toán quốc tế, Kinh doanh ngoại hối và Kinh doanh tiền tệ, từng bước đưa SCB tiến gần mới mục tiêu nâng cao tỷ trọng của hoạt động Thu ngoài lãi trong cấu phần Thu nhập của Ngân hàng. Cụ thể, trong năm 2018, Thu dịch vụ đến từ hoạt động Bảo hiểm tăng 25%, Thu nhập từ hoạt động Thẻ & Ngân hàng điện tử tăng gấp 02 lần và Thu thuần từ Thanh toán quốc tế đạt 130% so với năm 2017. Những con số tăng trưởng tích cực này bước đầu minh chứng cho bước đi đúng đắn của SCB trong công tác chuyển đổi cơ cấu tài chính với trọng tâm là mô hình kinh doanh theo hướng tăng Thu ngoài lãi.



**TĂNG 122 %**

**BẢO HIỂM SCB 2018 SÁNG TẠO TRONG CHIẾN LƯỢC TIẾP CẬN KHÁCH HÀNG**

Năm 2018 là một năm ghi nhận sự phát triển vượt bậc trong hoạt động kinh doanh Bảo hiểm hợp tác Manulife, doanh số phí Bảo hiểm tăng 122% so với năm 2017. Để đạt thành tích đó SCB đã không ngừng cố gắng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chăm sóc Khách hàng và chú trọng lựa chọn tư vấn giải pháp phù hợp nhất đến từng Khách hàng.

Năm 2018 ghi nhận hình ảnh SCB tích cực triển khai các buổi tọa đàm về sức khỏe nhằm giúp Khách hàng hiểu được tầm quan trọng của các sản phẩm Bảo hiểm trong cuộc sống, trong đó nổi bật là buổi tọa đàm **"Sống khỏe - Sống vui - Sống để yêu thương"** kết hợp với Bệnh viện FV tại Windsor Plaza, nhằm chia sẻ và tư vấn về cách phòng chống bệnh tim mạch. Chuỗi sự kiện đã thu hút hơn 200 Khách hàng tham gia, trở thành kênh nối kết hữu hiệu giữa SCB và Khách hàng, giúp Khách hàng nâng cao hiểu biết về chăm sóc sức khỏe và các biện pháp phòng chống rủi ro tài chính.

Những thành tựu Bảo hiểm đạt được trong năm 2018 là minh chứng mạnh mẽ cho bước đi chiến lược đầy khôn ngoan và sáng tạo của SCB trong việc chú trọng vào phân khúc Khách hàng tiềm năng, từ đó góp phần gia tăng vị thế và khả năng cạnh tranh của SCB trên thị trường Bancassurance.

**TĂNG 150 %**

**HOẠT ĐỘNG THẺ & NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ SỰ BỨT PHÁ CỦA CHẤT VÀ LƯỢNG**

**Hoạt động Thẻ**

Năm 2018 là một năm cực kỳ thành công của SCB, cả trong việc nâng cao số lượng thẻ phát hành và doanh số sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Số lượng thẻ tín dụng phát hành đạt 27.100 thẻ, tăng 150% so với thực hiện năm 2017, đồng thời, doanh số sử dụng thẻ tín dụng ghi nhận mức tăng trưởng gấp 1,97 lần so với năm 2017. Không chỉ đạt thành tựu trong hoạt động thẻ tín dụng quốc tế, năm 2018 SCB cũng tích cực phát triển hoạt động thẻ thanh toán. Số lượng phát hành thẻ thanh toán (bao gồm thẻ ghi nợ nội địa và thẻ thanh toán quốc tế) năm 2018 đạt 96.737 thẻ, tăng 1,44 lần so với năm 2017.

Tháng 11/2018, SCB đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng có Doanh số giao dịch nước ngoài tăng trưởng tốt nhất" do Tổ chức thẻ Quốc tế Visa trao tặng. Với việc nhận giải thưởng quan trọng này, SCB tự hào vì đã được ghi nhận những nỗ lực không ngừng trong hoạt động thẻ; khẳng định uy tín SCB trên thị trường đồng thời là động lực để SCB nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ trong thời gian tới.

Với những cố gắng không ngừng trong năm 2018, SCB đã đạt được kết quả nhất định trong hoạt động kinh doanh thẻ, góp phần hoàn thành mục tiêu của Toàn hàng và là bước đệm vững chãi cho năm 2019 đạt được nhiều thành công hơn.

**Ngân hàng điện tử**

Năm 2018, các dịch vụ của mảng Ngân hàng điện tử thuộc SCB ngày càng phát triển vượt trội hơn so với những

**TĂNG 30 %**

**THANH TOÁN QUỐC TẾ**

năm trước. Số lượng Khách hàng tham gia Internet Banking và Mobile Banking tăng trưởng với con số ấn tượng nhờ những cải tiến, nâng cấp các kênh Ngân hàng điện tử nhằm phục vụ Khách hàng một cách tốt nhất.

Song song đó, SCB đồng thời chú trọng mở rộng các dịch vụ tiện ích, điển hình là dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7 tại quầy và bổ sung thêm nhà cung cấp mới là EVN Hồ Chí Minh vào dịch vụ thanh toán hóa đơn, đảm bảo cao nhất sự tiện ích của Khách hàng khi giao dịch tại SCB.

Năm 2018 đánh dấu một năm rõ nét của việc SCB liên kết với các ví điện tử và ứng dụng thanh toán. SCB là một trong những Ngân hàng đầu tiên liên kết với ứng dụng thanh toán mang thương hiệu tầm quốc tế là Samsung Pay. Bên cạnh đó, SCB còn bổ sung thêm vào kết nối với đối tác Moca luồng liên kết ví điện tử nhằm giúp Khách hàng dễ dàng thực hiện thanh toán dịch vụ của Grab với Grab by Moca (thông qua luồng liên kết thẻ với ví điện tử Moca). Ngoài ra, SCB cũng đã triển khai liên kết với hai ví điện tử là Airpay (dùng để thanh toán cho ứng dụng Foody và Shopee) và VNPT Pay.

Trong thời gian tới, SCB sẽ tiếp tục phát triển thêm các tiện ích thanh toán như việc triển khai kết nối với các ví điện tử khác, hoàn thiện hệ thống nhằm tối ưu hóa nhu cầu Khách hàng. Các ứng dụng số mới phục vụ sâu sát từng đối tượng Khách hàng để đảm bảo mang đến những dịch vụ tiện ích nhất và đủ sức cạnh tranh được với thị trường cũng được SCB chú trọng phát triển.

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế và kiểu hối cũng như chuyên môn hóa, chuẩn hóa và tập trung hóa hoạt động tài trợ thương mại của toàn Ngân hàng trong năm 2018, SCB chủ động xây dựng các sản phẩm được thiết kế trọn gói cho từng đối tượng Khách hàng, cụ thể các gói sản phẩm dành cho Khách hàng cá nhân tập trung vào mục đích thanh toán chi phí học tập ở nước ngoài, định cư, trợ cấp thân nhân, chuyển thu nhập về nước, chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài; và sản phẩm trọn gói dành cho Khách hàng doanh nghiệp nhằm hỗ trợ Khách hàng có các giải pháp tài chính phù hợp. Nhờ những nỗ lực trong công tác Thanh toán quốc tế, doanh số hoạt động trong năm 2018 đạt gần 3,9 tỷ USD, tăng 125% so với cùng kỳ năm trước; phí dịch vụ lên tới 196 tỷ đồng, đạt 130% so với năm trước. Đồng thời, SCB cũng là một trong những Ngân hàng có tỷ lệ điện đạt chuẩn trên 90% theo đánh giá từ các Ngân hàng đại lý.

Với lợi thế về mạng lưới điểm giao dịch và quan hệ đại lý rộng khắp cùng với tiêu chí hoạt động **"Thuận tiện - An toàn - Nhanh chóng"**, SCB cam kết mang đến cho Khách hàng sự an tâm và hài lòng về tính chuyên nghiệp cũng như thái độ phục vụ tận tình. Năm 2019, SCB sẽ triển khai thêm nhiều sản phẩm tiện ích và chọn lựa hơn cho Khách hàng như chuyển tiền ra nước ngoài và nhận kiểu hối qua kênh Digital Banking, đẩy mạnh việc tài trợ xuất nhập khẩu cho Khách hàng thông qua các sản phẩm mới và gói tài trợ nhiều ưu đãi. Song song đó, để nhận được nhiều hơn sự ủng hộ của Khách hàng, SCB cũng sẽ triển khai nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn để hỗ trợ Khách hàng doanh nghiệp mới, tri ân những Khách hàng đã tin cậy và đồng hành cùng SCB.





770 TỶ ĐỒNG

TĂNG 29 %

KINH DOANH TIỀN TỆ

Đối với hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ, năm 2018 đánh dấu nhiều diễn biến phức tạp của thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu thế giới cũng như trong nước nên thanh khoản thị trường trái phiếu năm 2018 giảm sút mạnh so với năm 2017. Với tư cách là thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), thành viên đầu thầu trái phiếu Chính Phủ của Bộ Tài chính đồng thời cũng là thành viên tạo lập thị trường của Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), SCB đã có những đóng góp tích cực cho toàn thị trường trái phiếu cũng như nỗ lực không ngừng trong công tác tìm kiếm những cơ hội đầu tư kinh doanh mới cho SCB.

Đối với hoạt động kinh doanh vốn, trên cơ sở phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2017, năm 2018 SCB tiếp tục tận dụng những thế mạnh sẵn có để mở rộng thêm mối quan hệ với các TCTD trong và ngoài nước, tiếp tục duy trì doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng. Điều này đã góp phần tích cực trong việc tạo thanh khoản tốt trên thị trường, thúc đẩy hoạt động kinh doanh tiền tệ của SCB trong năm 2018.

Tổng lợi nhuận SCB trong năm 2018 từ hoạt động Kinh doanh tiền tệ tự doanh lên tới 770 tỷ đồng.

Trên nền tảng những thành quả đã đạt được trong thời gian qua, năm 2019 với mục tiêu tiếp tục nâng cao hình ảnh của SCB trên thị trường và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, SCB sẽ tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác bền vững với các định chế tài chính, tăng cường hoạt động giao dịch, kinh doanh và định hướng triển khai các sản phẩm chứng khoán phái sinh cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.

KINH DOANH NGOẠI HỐI

Thị trường tài chính toàn cầu trong năm 2018 xảy ra nhiều sự kiện nổi bật và bất ngờ, khiến cho thị trường liên tục biến động như FED liên tục tăng lãi suất, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung,... dẫn đến đồng USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt trên thế giới. Trong nước, tỷ giá USD/VND cũng tăng gần 3%. Những biến động khó lường này đã ảnh hưởng đến các nhu cầu giao dịch ngoại tệ của Khách hàng. Nhìn nhận những biến đổi trên thị trường tài chính năm 2018, SCB đẩy mạnh phát triển các sản phẩm phái sinh như kỳ hạn và hoán đổi với kỳ hạn lên đến 365 ngày để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng vốn ngoại tệ và phương án sản xuất kinh doanh dài hạn của Khách hàng trên nền tảng lợi thế nguồn ngoại tệ dồi dào. Các sản phẩm của SCB giúp cho Khách hàng tự chủ trước các biến động của thị trường với chi phí hợp lý. Những bước đi chủ động trong năm 2018 đã góp phần đưa lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh ngoại hối của SCB đạt 113 tỷ đồng, với mức tăng trưởng 29% so với năm 2017.

Bên cạnh đó, SCB cũng chú trọng danh mục sản phẩm đa dạng dành cho đối tượng Khách hàng cá nhân. Tất cả các nhu cầu giao dịch ngoại tệ hợp pháp kiểu hối, du lịch, thanh toán chi phí chữa bệnh nước ngoài, học phí, sinh hoạt phí, định cư, trợ cấp, cho biếu tặng thân nhân nước ngoài... đều được SCB đáp ứng với thủ tục giao dịch đơn giản và tỷ giá cạnh tranh tại thời điểm giao dịch.

Ngoài ra, trong năm 2018, SCB đã không ngừng trang bị, nâng cấp hệ thống giao dịch hiện đại như Reuters và Bloomberg, đưa vào sử dụng hệ thống hệ thống Treasury - Fis Front Arena trong hoạt động giao dịch ngoại tệ nhằm xử lý nhanh, chính xác, hạn chế rủi ro trong giao dịch. Cũng trong năm 2018, SCB cũng đã đưa sản phẩm thanh toán xuất nhập khẩu bằng đồng CNY nhằm giúp Khách hàng có thêm nhiều lựa chọn thanh toán khi giao dịch.

ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN LIÊN TỤC VÀ VỮNG MẠNH



KIỆN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC

Đi cùng định hướng phát triển hoạt động theo mô hình quản trị hiện đại, chuyên môn hóa nghiệp vụ, rút gọn công tác vận hành, SCB đã thực hiện nâng cấp, kiện toàn cơ cấu tổ chức nhằm đẩy mạnh việc vận hành hoạt động kinh doanh, nâng cao công tác quản trị điều hành, sẵn sàng tâm thế chinh phục các mục tiêu trong năm 2019.

Bắt đầu trong công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, SCB tiến hành giản lược Trung tâm trong công tác điều hành, từng bước thiết lập quan hệ trực tiếp giữa lãnh đạo và nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu ra quyết định nhanh chóng và hạn chế bất cân xứng thông tin, đảm bảo hoạt động kinh doanh được diễn ra xuyên suốt và hiệu quả.

Với việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Khối Ngân hàng bán lẻ, Khối Doanh nghiệp, và thành lập mới Khối Ngân hàng giao dịch Quốc tế, Khối Thẻ & Ngân hàng số, các hoạt động kinh doanh trực tiếp sẽ được đảm bảo hỗ trợ tốt nhất theo từng phòng ban nghiệp vụ chuyên môn, góp phần thúc đẩy tiến độ kinh doanh của Ngân hàng. Song song đó, SCB tiến hành nâng cấp, thành lập mới các Khối, Phòng chuyên trách nghiệp vụ hỗ trợ tín dụng nhằm nâng cao công tác hỗ trợ kinh doanh Toàn hàng, đảm bảo sự vận hành xuyên suốt và kịp thời.

Đối với mục tiêu chuyên môn hóa công tác quản trị nhân sự và đào tạo năng lực CBNV, SCB đã thực hiện nâng cấp và thành lập Khối Quản trị Nguồn nhân lực theo mô hình mới nhằm tiếp cận với những xu hướng quản trị nhân sự hiện đại, tiên tiến và nâng cao năng lực cạnh tranh với các tổ chức tín dụng khác.

Ngoài ra, trong năm 2018, SCB đã hoàn thành việc triển khai mô hình Ngân quỹ tập trung tại Khu vực TP.HCM, góp phần giảm thiểu công tác vận hành kho quỹ của đơn vị kinh doanh, từng bước nâng cao hiệu quả trong hoạt động kho quỹ, cải thiện khả năng sử dụng nguồn lực của SCB.



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018, SCB tiếp tục vận hành có cải tiến mô hình 03 vòng bảo vệ với thông điệp mỗi cán bộ nhân viên là một cán bộ quản lý rủi ro. Trên cơ sở đó, SCB đã hoàn thành cơ bản những mục tiêu chiến lược quản lý rủi ro như:

- (1) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức trong quản lý rủi ro,
- (2) Xây dựng đội ngũ có kỹ năng quản lý rủi ro,
- (3) Hoàn thiện hệ thống kiểm soát,
- (4) Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu rủi ro,
- (5) Phát triển văn hóa rủi ro,

(6) Xác định các rủi ro trọng yếu và nguyên tắc quản lý các rủi ro trọng yếu,

(7) Xây dựng khẩu vị rủi ro phù hợp và liên kết với chiến lược kinh doanh, xây dựng hệ thống hạn mức rủi ro.

Tiếp tục tiếp cận phương thức quản trị rủi ro theo định hướng Basel II, SCB đã từng bước chuẩn bị các cơ sở dữ liệu, hệ thống hóa các quy trình nghiệp vụ, tăng cường đầu tư phát triển và ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý rủi ro với mong muốn nâng cao năng lực quản trị của SCB trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng, cũng như thị trường tài chính ngày càng cạnh tranh.

Bên cạnh đó, SCB cũng thành lập các Hội đồng như Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO) đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018.

Nhận diện và đánh giá các nguy cơ, rủi ro tiềm tàng, rủi ro còn lại sau giảm thiểu rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ và hầu hết các hoạt động tại SCB theo hướng phát triển rà soát thường xuyên toàn bộ nghiệp vụ và đi sâu vào chi tiết. Cảnh báo và có đề xuất cụ thể đối với các đơn vị đột xuất hoặc định kỳ tháng để kịp thời điều chỉnh phù hợp.



LOẠI RỦI RO	HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO TẠI SCB
Rủi ro tín dụng	<p>Hoạt động tín dụng là hoạt động kinh doanh chính tại SCB và SCB luôn nhận diện được các rủi ro tín dụng có thể xảy ra với ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao công tác quản lý chất lượng tín dụng đi đôi với quy mô tăng trưởng tín dụng, đảm bảo tuân thủ các chỉ số an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</li> <li>Thường xuyên rà soát dữ liệu để theo dõi và đánh giá các tài sản có điều chỉnh theo rủi ro tín dụng; cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ nhằm ứng dụng mô hình mới phù hợp với các chuẩn mực và đáp ứng yêu cầu của Basel II mà các ngân hàng Việt Nam đang hướng tới.</li> </ul>
Rủi ro vận hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường sự phối hợp giữa các Đơn vị kinh doanh toàn hàng trong công tác quản lý rủi ro.</li> <li>Tích cực thực hiện việc rà soát, cập nhật, ban hành các văn bản chính sách, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động tại các Đơn vị.</li> <li>SCB đã xây dựng chương trình dữ liệu tổn thất (LEM) và nghiên cứu áp dụng khung tự đánh giá theo Basel II (RCOSA).</li> <li>Ứng dụng Hệ thống Treasury quản lý giao dịch kinh doanh tiền tệ tập trung, tự động từ lúc nhập liệu đến hạch toán, thực hiện thanh toán (Front office - Middle office - Back office) nên giảm thiểu sai sót, giảm thời gian xử lý so với trước đây; ứng dụng Hệ thống Siron để kiểm soát và ngăn chặn những rủi ro về rửa tiền và gian lận tài chính có thể gây tổn thất cho Ngân hàng, tối thiểu hóa các ảnh hưởng với chất lượng và tốc độ xử lý giao dịch nhờ việc tự động hóa hệ thống. Mọi thao tác đều được lưu vết trên hệ thống phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán. Do vậy, các rủi ro vận hành được quản lý và giảm thiểu.</li> <li>Văn hóa quản lý rủi ro cũng được chú trọng nâng cao thông qua các khóa đào tạo, hội thảo truyền thông, phát động chương trình tuần lễ văn hóa rủi ro của SCB. Tổ chức các cuộc thi "Nghĩ khác - làm mới" hướng CBNV thực hiện tự đánh giá rủi ro, tự đánh giá hiệu lực kiểm soát của các quy trình hệ thống và công cụ hỗ trợ, qua đó đề xuất các sáng kiến cải tiến nhằm hướng đến cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp hơn và giảm thiểu rủi ro cho hoạt động ngân hàng.</li> </ul>
Rủi ro thị trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng hiệu quả cấu phần Quản lý rủi ro thị trường trên Hệ thống Treasury để đánh giá giá trị thị trường của từng giao dịch trong các danh mục, đo lường độ nhạy của danh mục, tính VAR... và hầu hết các hạn mức tự doanh đều có thể cài đặt trên hệ thống nên việc phân tích, theo dõi có thể thực hiện liên tục, kịp thời; từ đó có thể cảnh báo sớm các rủi ro do biến động của tỷ giá hay lãi suất.</li> </ul>
Rủi ro thanh khoản	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của SCB luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ Khả năng chi trả và tỷ lệ Dự trữ thanh khoản trong hoạt động thường nhật của Ngân hàng. Bên cạnh đó, SCB quản lý sát sao, chặt chẽ biến động cung cầu vốn hàng ngày của Ngân hàng, đảm bảo hài hòa giữa an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh.</li> <li>Hướng tới việc đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro thanh khoản, SCB đã chủ động hoàn thiện khung quản lý rủi ro thanh khoản, triển khai và cải tiến các công cụ quản trị khe hở thanh khoản có tích hợp mô hình hành vi khách hàng, dấu hiệu cảnh báo sớm và xây dựng kế hoạch dự phòng tương ứng.</li> </ul>
Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>SCB đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, quy định nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế. SCB đã tiến hành đo lường, quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, độ nhạy thu nhập lãi thuần và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu, sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.</li> </ul>

Với những nỗ lực trong công tác quản trị nguồn - sử dụng nguồn, năm qua tất cả các tỷ lệ an toàn hoạt động của SCB đều được cải thiện đáng kể và tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) luôn duy trì ở mức trên 9%, tính đến ngày 31/12/2018, hệ số CAR đạt 9,69%, đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH GIAO DỊCH, GIẢM THIỂU RỦI RO

Nhằm mục tiêu hiện đại hóa hệ thống công nghệ ngân hàng, rút ngắn thời gian giao dịch và giảm thiểu rủi ro, SCB đã liên tục cố những bước chuyển mới giúp tối ưu hóa quy trình giao dịch thông qua:

- Tiếp nhận, tư vấn, ghi nhận thông tin Khách hàng trên Tablet đã thay thế cho quá trình phục vụ Khách hàng truyền thống là bước tiến mới của SCB so với các Ngân hàng khác.
- Nâng cấp hệ thống Core banking giúp tăng cường xử lý và quản lý nguồn dữ liệu khổng lồ, quy trình giao dịch vận hành nhanh chóng, chính xác giúp SCB nâng cao chất lượng giao dịch, rút ngắn quy trình và tăng tính trải nghiệm với Khách hàng.
- Giảm thiểu thời gian phát hành và giao nhận thẻ, đồng thời thực hiện nhập liệu và phê duyệt thẻ tín dụng quốc tế tập trung, từ đó mang đến một làn gió mới trong công tác hoàn thiện chất lượng dịch vụ của SCB.





**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN LIỀN TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG**

"*Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn*" là cam kết của SCB đối với cộng đồng bên cạnh việc nỗ lực phát triển kinh doanh hiệu quả. Trong suốt thời gian hoạt động và phát triển, SCB luôn duy trì và ngày càng nhân rộng các hoạt động an sinh xã hội, hoạt động cộng đồng.

Năm 2018, Ngân hàng đã đóng góp hơn 20 tỷ đồng cho các hoạt động như: Giáo dục, chăm lo cho người nghèo, chăm sóc trẻ em cơ nhỡ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và tài trợ các chương trình đồng hành cùng Doanh nghiệp Việt với muốn đóng một phần trách nhiệm vào sự phát triển cộng đồng, xã hội. Đây cũng là truyền thống văn hóa mà SCB đã và đang cố gắng duy trì, phát huy cùng tập thể CBNV trong nhiều năm qua.

**AN SINH XÃ HỘI**

Với chủ trương tạo điều kiện tốt nhất giúp cho các bạn học sinh/sinh viên có cơ hội tiếp cận những chương trình, công nghệ hiện đại hơn trong giáo dục, SCB chú trọng đến giáo dục, đầu tư phát triển thế hệ tương lai của Đất nước. Đây chính là động lực để học sinh/sinh viên phát huy tinh thần đạt được thành tích cao trong học tập, nâng cao chất lượng đào tạo và đầu ra của trường.

**Hỗ trợ Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc tại Tỉnh Đồng Tháp**

Ngân hàng SCB đã hỗ trợ chi phí 2 tỷ đồng với mong muốn chung tay cùng chính quyền địa phương giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó hiếu học, góp phần ươm mầm những tài năng trẻ cho Đất nước.

**SCB An Giang trao học bổng "SCB tiếp sức tới trường 2018"**

SCB đã phối hợp với Liên đoàn Lao động Tỉnh An Giang trao 51 suất học bổng Tôn Đức Thắng và quà "Tiếp sức tới trường" cho các con em công nhân viên, công nhân viên chức - lao động của Tỉnh đang có thành tích học tập cao và hoàn cảnh khó khăn nhân dịp khai giảng năm học mới 2018 - 2019.

**SCB Chi nhánh Sông Hàn trao học bổng khuyến học**

SCB Chi nhánh Sông Hàn phối hợp với lãnh đạo Chi nhánh Đà Nẵng tổ chức trao 150 suất học bổng cho học sinh vượt khó học giỏi. SCB mong rằng những suất học bổng sẽ tiếp thêm động lực, động viên và khuyến khích các em học sinh vượt qua khó khăn, tiếp tục nỗ lực học tập tốt.

**SCB trao tặng thiết bị giảng dạy cho trường THCS tại Tỉnh Long An**

Ngày 24/10/2018, SCB đồng hành cùng Báo Công an TP.HCM trao tặng 04 bộ máy tính và 02 máy in với tổng trị giá 50 triệu đồng cho Trường THCS Lê Quang Thắm. Với thiết bị giảng dạy này, SCB mong đóng góp một phần trách nhiệm xã hội giúp thầy cô và các em học sinh nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần đạt thành tích học tập tốt hơn.

**SCB trao học bổng cho sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

Ngày 17/11/2018, SCB đã trao các suất học bổng với tổng trị giá 20 triệu cho sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có hoàn cảnh khó khăn và thành tích xuất sắc trong học tập.



Với tinh thần tương thân tương ái, sẽ chia trách nhiệm vì cộng đồng, đặc biệt mong muốn chung tay góp sức mang đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn cho những hoàn cảnh khó khăn và kèm may mắn, CBNV SCB đã tổ chức nhiều hoạt động từ thiện, thăm hỏi, tặng quà tại nhiều địa phương trên toàn quốc.

**SCB Khánh Hòa tặng quà cho trẻ em mồ côi**

Ngày 11/12/2018, tại làng trẻ SOS Nha Trang, SCB Khánh Hòa đã đến thăm và tặng phần quà trị giá 100 triệu đồng cho trẻ em mồ côi với mong muốn góp phần chăm lo đời sống và mang lại niềm vui dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019 cho các em.

**Đồng hành cùng chương trình "Bình Chánh nghĩa tình - Kết nối yêu thương"**

SCB đã đồng hành cùng chương trình "Bình Chánh nghĩa tình - Kết nối yêu thương", với số tiền tài trợ là 1 tỷ đồng. Chương trình do UBND Huyện Bình Chánh phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đài truyền hình TP.HCM tổ chức vào ngày 25/11/2018. Không chỉ làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần cho người dân với sự góp mặt của nhiều nghệ sỹ nổi tiếng, thông qua chương trình đã góp phần mang đến một dịp Tết ấm áp, hạnh phúc hơn.

**Chương trình "Trung thu yêu thương"**

Từ ngày 16/08/2018 - 31/08/2018, SCB tổ chức chương trình "Trung thu yêu thương" với sự chung tay của các Khách hàng, SCB đã quyên góp được 1,9 tỷ đồng vào "Quỹ quà tặng cho trẻ em nghèo" và thực hiện tặng quà cho các em nhỏ tại 28 Tỉnh/Thành trên cả nước, giúp các em có một mùa Trung thu thật vui vẻ và ấm áp.

Các hoạt động mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc như Quỹ vì người nghèo Huyện Hóc Môn, Huyện Bình Chánh, chương trình chăm lo phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn vui đón Tết Cổ truyền của dân tộc, hay các hoạt động hỗ trợ kinh phí cho đồng bào lũ lụt Tỉnh Nghệ An... được thực hiện thường xuyên, liên tục, như là một chuỗi hoạt động không thể thiếu đối với SCB.



**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT**

- SCB đồng hành cùng hội thảo **"Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam"**

Với mong muốn hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh trên, tại TP.HCM, SCB đã đồng hành cùng chương trình Hội thảo "Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam" với vai trò là nhà tài trợ chính. Chương trình đã mang đến nhiều thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp thông qua các chủ đề:

- Kinh tế vĩ mô Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt;
- Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến các doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Những vấn đề pháp lý mà doanh nghiệp cần quan tâm trong bối cảnh hiện nay;
- Giải pháp vốn dành cho doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.

- SCB phối hợp TBKTSG tổ chức tọa đàm **"Doanh nghiệp nhỏ tìm vốn "rẻ" ở đâu?"**

Ngày 18/07/2018, tại Hội trường Thời báo Kinh tế Sài Gòn, quận 1, TPHCM, SCB đã phối hợp với Thời báo Kinh tế Sài Gòn tổ chức tọa đàm với chủ đề "Doanh nghiệp nhỏ tìm vốn "rẻ" ở đâu?". Tọa đàm đã thu hút hơn 150 người gồm: Quản lý doanh nghiệp, diễn giả và phóng viên báo đài. Trong khuôn khổ tọa đàm, các doanh nghiệp đã nhận được những gợi ý về giải pháp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhóm doanh nghiệp đang đóng góp rất lớn cho tăng trưởng kinh tế nhưng lại rất khó tồn tại và phát triển bền vững.

- SCB tham gia hỗ trợ phát triển Nông nghiệp nông thôn Việt Nam

Ngày 18/05/2018, tại Hà Nội, SCB đã tham gia "Hội thảo xúc tiến thương mại, công nghệ và thu hút vốn cho phát triển Hợp tác xã Việt Nam" do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam kết hợp với Viện Kinh tế Nông nghiệp Hữu cơ tổ chức. Trong khuôn khổ chương trình, SCB cùng với Liên minh HTX Việt Nam và Viện Kinh tế Nông nghiệp Hữu cơ đã tiến hành ký kết hợp tác chiến lược ba bên nhằm cung cấp tín dụng ưu đãi dành cho các Hợp tác xã thành viên. Đồng thời, SCB và Ngân hàng Agricultural Bank of Taiwan cũng tham gia ký kết hợp tác hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam.

Tổng Giám đốc Võ Tấn Hoàng Văn chia sẻ tại chương trình "SCB mang đến lãi suất ưu đãi và cạnh tranh so với các gói vay thông thường nhằm hỗ trợ các thành viên HTX an tâm sản xuất kinh doanh. Đồng thời, với hơn 6.5 triệu xã viên cùng lợi thế của Việt Nam về nông nghiệp và sức lao động, chúng tôi tin sẽ dễ dàng chuyển thành cơ hội kinh doanh tốt. Chúng tôi mong muốn trong 2-3 năm nữa đây sẽ là mảng kinh doanh quan trọng của SCB".



- SCB cũng tham gia "Hội chợ xúc tiến thương mại cho các Hợp tác xã năm 2018" được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 18/5 đến hết ngày 20/5/2018. Tại hội chợ, SCB đã giới thiệu đến các Khách hàng những gói sản phẩm dịch vụ đa dạng cùng lãi suất ưu đãi như cho vay bổ sung vốn kinh doanh, cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn và đặc biệt là các chính sách tài trợ nhập khẩu hàng hóa từ Đài Loan,...



**TÍCH CỰC TRONG CÁC PHONG TRÀO, HOẠT ĐỘNG THI ĐUA TẠI ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG**

- SCB Chi nhánh Quảng Ninh vinh dự đón nhận Cờ thi đua, Bằng khen từ Chủ tịch UBND Tỉnh Quảng Ninh vì những thành tích xuất sắc trong công tác và phong trào thi đua năm 2018.
- SCB tham gia giải giao hữu Bóng đá với UBND Phường 01, Quận 05, TP.HCM ngày 24/11/2018 nhằm nâng cao phong trào thể dục thể thao, tạo tinh thần hưng phấn cho CBNV sau giờ làm việc và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, tạo cơ hội giao lưu học hỏi với UBND Phường 01, Quận 05, TP.HCM.
- Đi cùng Lãnh đạo địa phương, tài trợ kinh phí góp phần xây dựng hình ảnh nhân các dịp Lễ tết. SCB tích cực đồng hành với sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội Việt Nam qua các hoạt động tài trợ kinh phí như Chương trình trang trí ánh sáng nghệ thuật đường phố tại các tuyến đường lớn Hà Nội, TP.HCM và chương trình Countdown Light 2019.



Các hoạt động triển khai với mục đích mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho các bạn sinh viên thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm từ Lãnh đạo SCB và cơ hội tuyển dụng trực tiếp.

- SCB đào tạo hướng nghiệp ngành ngân hàng cho sinh viên Đại học Tôn Đức Thắng

Nằm trong thỏa thuận hợp tác được ký ngày 14/11/2018, giữa SCB và các trường Đại học về hoạt động đào tạo và dịch vụ, SCB đã phối hợp với trường Đại học Tôn Đức Thắng tổ chức đào tạo hướng nghiệp về ngành ngân hàng cho hơn 500 sinh viên của trường, giúp các sinh viên có cái nhìn rõ hơn về xu hướng phát triển và mô hình hoạt động ngành ngân hàng trong giai đoạn hiện nay, các vị trí trong ngân hàng và lộ trình phát triển của một nhân viên ngân hàng, mang lại cơ hội nghề nghiệp cho các sinh viên của trường và xây dựng nguồn nhân lực tương lai cho SCB.

- Tổ chức "Ngày hội tuyển dụng SCB 2018"

Ngày 28/07/2018, tại Trung tâm hội nghị 272, số 272, Võ Thị Sáu, Q3, TP.HCM, SCB đã tổ chức thành công chương trình **"Ngày hội tuyển dụng SCB 2018"** với chủ đề với chủ đề **"Đ dẫn lối thành công"**. Chương trình thu hút sự tham gia của gần 300 sinh viên khối ngành kinh tế tài chính khu vực TP. HCM, giúp các em được trang bị thêm kiến thức và kỹ năng từ những chia sẻ trải nghiệm thực tế của các Lãnh đạo SCB, qua đó có cái nhìn rõ ràng hơn về công việc mà các em đang theo đuổi trên ghế nhà trường.

- SCB tài trợ tọa đàm **"Du học Mỹ 0 đồng, săn học bổng cùng chuyên gia"**

Ngày 22/12/2018, SCB đồng hành cùng Viện đào tạo quốc tế - Đại học Quốc gia TP.HCM với vai trò nhà tài trợ chính, nhằm hỗ trợ các giải pháp tài chính cho các sinh viên có mong muốn du học.



**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2019**  
SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH VƯỢT XA





SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH VƯƠN XA  
CHIẾN LƯỢC 2019

Cùng với các nhận định về nền kinh tế và xu hướng ngành ngân hàng tại Việt Nam năm tới, định hướng hoạt động kinh doanh năm 2019 của SCB như sau:

- Hướng đến hình ảnh Ngân hàng bán lẻ đa năng** có tốc độ tăng trưởng doanh thu mỗi năm tối thiểu đạt 30% và lấy hệ thống trải nghiệm Khách hàng làm nền tảng, tăng nguồn thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng; phát triển dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng hiện đại một cách an toàn, hiệu quả, phát triển dịch vụ thông qua: dịch vụ mới, dịch vụ gắn với công nghệ, tăng cường hoạt động bán hàng, phát triển nền tảng Khách hàng và các loại hình dịch vụ cơ bản, tăng trưởng thu phí dịch vụ ít nhất 50%. Phát triển tín dụng mới, đặc biệt là tín dụng cá nhân, doanh nghiệp SMEs và tín dụng nông nghiệp và nông thôn.
- Cấu trúc lại tổ chức của các Đơn vị kinh doanh theo mô hình Vùng** để thúc đẩy các Đơn vị chủ động và tích cực phát triển, tạo hiệu quả kinh doanh vượt trội trong các năm tiếp theo.
- Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin** đồng thời đẩy mạnh sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và tăng sức cạnh tranh trong thời đại công nghệ số:

  - Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ để đáp ứng yêu cầu về quản trị, phát triển sản phẩm mới và phòng ngừa rủi ro. Công nghệ thông tin cung cấp các giải pháp tối ưu hóa nguồn lực hoạt động, nâng cao năng lực quản trị, tin học hoá các quy trình hoạt động, tài liệu lưu trữ, tự động hoá tối đa các công việc thủ công nhằm tiết kiệm nhân lực cũng như hạn chế rủi ro tác nghiệp do con người; cung cấp các báo cáo một cách tin cậy, chính xác và nhanh chóng phục vụ công tác quản trị như: kiểm soát, hậu kiểm và hỗ trợ ra quyết định, nhanh chóng chuyển đổi các dịch vụ ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số nhằm đáp ứng nhu cầu của Khách hàng trong thời đại công nghệ đang làm thay đổi hành vi của Khách hàng.
  - Với sự thành lập Khối Thẻ và Ngân hàng số, trong năm 2019 SCB tập trung đẩy mạnh sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số. Góp phần:
    - Đảm bảo vận hành hoạt động của hệ thống và ngân hàng số xuyên suốt, đồng bộ, tối ưu hiệu suất; giám sát, quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định của các Tổ chức thẻ Quốc tế và Ngân hàng Nhà nước.
    - Không ngừng nâng cấp, cải tiến quy trình và chất lượng hệ thống, phần mềm nghiệp vụ.
    - Tăng cường hợp tác với các đối tác đẩy mạnh đặc tính sản phẩm dịch vụ ngân hàng số; xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ trên các kênh phân phối thẻ và ngân hàng số; mở rộng dịch vụ tài chính, ngân hàng trên nền tảng số.
- Với mục tiêu phát triển nâng tầm mảng Giao dịch quốc tế**, năm 2019 SCB thành lập Khối Ngân hàng Giao dịch Quốc tế nhằm tập trung phát triển các hoạt động Tài trợ thương mại, Thanh toán Quốc tế và Kiều hối:



- Đảm bảo vận hành, tác nghiệp tập trung, quản lý chất lượng và rủi ro các hoạt động giao dịch quốc tế, đảm bảo tuân thủ quy định của SCB, quy định pháp luật Việt Nam và Quốc tế.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ Tài trợ thương mại, Thanh toán Quốc tế và Kiều hối, cải tiến phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của Khách hàng và gia tăng cạnh tranh.
- Phát triển các kênh phân phối, xây dựng Chiến lược kinh doanh, phát triển quan hệ đối tác. Từ đó chuyên môn hóa, đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh từ mảng Giao dịch Quốc tế, tối ưu hóa nguồn thu cho Ngân hàng.
- Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý rủi ro, kiểm tra/kiểm soát nội bộ** một cách đồng bộ, hiệu quả và chuyên nghiệp; từng bước áp dụng các nguyên tắc, chuẩn mực Basel II vào công tác quản lý rủi ro phù hợp với thực tiễn kinh doanh tại SCB. Mục tiêu trong năm 2019 là áp dụng các nguyên tắc và mô hình quản trị rủi ro theo Basel II tại SCB:

  - Năm 2019 sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kiện toàn bộ máy nhân sự quản lý rủi ro theo hướng nâng cao, chuẩn hóa dữ liệu rủi ro, xây dựng công cụ tự động hóa hỗ trợ cho các báo cáo quản lý rủi ro, báo cáo đánh giá về vốn nhằm đảm bảo SCB có thể ra quyết định quản trị hiệu

quả và chủ động trong công tác quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động của SCB.

- SCB quyết tâm triển khai Basel II theo lộ trình cụ thể, từng bước áp dụng các nguyên tắc, chuẩn mực của Basel II vào công tác quản lý rủi ro, đảm bảo một cách vững chắc hiệu quả kinh doanh làm cơ sở để SCB không ngừng đột phá, tăng sức cạnh tranh để tạo nên sự khác biệt trên thị trường:

  - SCB thu thập dữ liệu phục vụ cho yêu cầu tính toán vốn thử nghiệm, thành lập Ban triển khai Dự án "Thực hiện chuẩn mực an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN" và dự tính thời gian triển khai dự án trong vòng 30 tuần đầu năm 2019.
  - Hoàn chỉnh hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước đặt ra vào năm 2019.
- Gia tăng nhận diện thương hiệu:**

  - Xây dựng và quản lý Bộ nhận diện thương hiệu chuẩn của SCB, tiếp tục đồng bộ cơ sở vật chất, không gian giao dịch tại tất cả các đơn vị theo quy chuẩn thương hiệu mới.
  - Xây dựng kế hoạch mở rộng phạm vi hoạt động của Ngân hàng trong năm 2019 bằng cách phân bổ lại mạng

lưới hoạt động hiện có đến những địa bàn, địa phương chưa có đơn vị kinh doanh của SCB nhưng có tiềm năng phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng. Thường xuyên đánh giá hoạt động mạng lưới, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp trong công tác quy hoạch mạng lưới, phát huy tối đa việc đầu tư mạng lưới hiện hữu, gia tăng hình ảnh SCB đến với Khách hàng trên cả nước.

- Nâng cấp Khối Quản trị và Phát triển Thương hiệu nhằm tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu: nghiên cứu, tìm kiếm và triển khai các hoạt động phù hợp với chiến lược phát triển thương hiệu nhằm tối đa hóa hình ảnh SCB trước công chúng cũng như chuyển tải đúng thông điệp, giá trị cốt lõi của SCB đến nhóm Khách hàng mục tiêu; xây dựng, thực hiện và kiểm soát các hoạt động liên quan đến quảng bá thương hiệu và quảng bá sản phẩm dịch vụ, tăng cường các kênh quảng bá, đặc biệt là các phương tiện kỹ thuật số (*website SCB, fanpage...*).

- Năm 2019 và những thay đổi trong hệ thống lương** thể hiện sự ghi nhận của SCB đối với từng đóng góp của mỗi CBNV:

- Với hệ thống lương 3P đang áp dụng, mục tiêu của SCB là hướng đến đảm bảo CBNV có thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của cá nhân, đồng thời đảm bảo sự công bằng nội bộ và thị trường trong cơ chế trả lương, qua đó đảm bảo khả năng thu hút, giữ chân, cũng như tạo động lực cho người lao động. Hệ thống lương 3P đã mang lại những hiệu quả đáng ghi nhận trong việc thúc đẩy hiệu suất làm việc, khích lệ và động viên tinh thần làm việc của CBNV SCB trong thời gian qua.

- Với mục tiêu trên và không ngừng nâng cao vị thế của SCB đối với mỗi người lao động, năm 2019, cơ chế chính sách tiền lương của SCB sẽ tiếp tục có những điều chỉnh và thay đổi để góp phần mang lại nhiều giá trị hướng đến CBNV của SCB. Trong đó, SCB thực hiện điều chỉnh cơ chế lương, xây dựng cơ chế đánh giá đơn vị và chi trả lương vượt kế hoạch lợi nhuận để thúc đẩy các đơn vị thực hiện kế hoạch kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Qua những điều chỉnh trong quy chế tiền lương năm 2019, SCB mong muốn tạo ra một cơ chế chính sách tiền lương tiên tiến, hiện đại, phù hợp và có khả năng thích ứng linh hoạt với tình hình phát triển của thị trường, một cơ chế lương mới với phạm vi áp dụng rộng hơn và công bằng hơn. Cơ chế tiền lương mới sẽ góp phần khích thích tinh thần làm việc và nâng cao hiệu suất làm việc của CBNV trên toàn hệ thống. Thông điệp SCB mong muốn truyền tải đến toàn thể CBNV qua việc điều chỉnh cơ chế lương trong năm 2019 là SCB đã thật sự hành động để có thể kịp thời ghi nhận những đóng góp và cống hiến của toàn thể CBNV, vì SCB hiểu rằng những ghi nhận kịp thời này sẽ là động lực mạnh mẽ để CBNV luôn đồng hành và sát cánh cùng SCB hướng đến những giá trị bền vững và lâu dài.

Và đây cũng là những cột mốc quan trọng để đánh dấu sự chuyển mình của SCB không chỉ dừng lại trong hoạt động kinh doanh mà còn chú trọng đến các khía cạnh khác trong công tác quản trị với tinh thần **"SCB - Tăng tốc để dẫn đầu"**.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

- BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT





**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (gọi tắt là "Ngân hàng") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông <b>Đình Văn Thành</b>	<b>Chủ tịch</b>	
Ông <b>Chiêm Minh Dũng</b>	Phó Chủ tịch thường trực	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018)
Ông <b>Henry Sun Ka Ziang</b>	Phó Chủ tịch	
Ông <b>Tạ Chiêu Trung</b>	Phó Chủ tịch	
Ông <b>Võ Tấn Hoàng Văn</b>	Thành viên	
Ông <b>Nguyễn Văn Thanh Hải</b>	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Bà <b>Nguyễn Thị Phương Loan</b>	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018)
Ông <b>Nguyễn Tiến Thành</b>	Thành viên độc lập	

**BAN KIỂM SOÁT**

Bà <b>Phạm Thu Phong</b>	<b>Trưởng ban</b>
Bà <b>Võ Thị Mười</b>	Thành viên
Ông <b>Trần Chấn Nam</b>	Thành viên
Ông <b>Vũ Mạnh Tường</b>	Thành viên

**BAN ĐIỀU HÀNH**

Ông <b>Võ Tấn Hoàng Văn</b>	<b>Tổng Giám đốc</b>	
Ông <b>Diệp Bảo Châu</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Nguyễn Văn Thanh Hải</b>	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018)
Ông <b>Lại Quốc Tuấn</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Lê Minh Huấn</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Nguyễn Đức Hiếu</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Chiêm Minh Dũng</b>	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2018)
Ông <b>Nguyễn Anh Phước</b>	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2018)
Ông <b>Hoàng Minh Hoàn</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
	<b>Giám đốc Tài chính</b>	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
Ông <b>Lưu Quốc Thắng</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
Ông <b>Lê Thiết Hùng</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
	Giám đốc Khối Pháp chế và xử lý nợ	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)
Bà <b>Nguyễn Phương Hồng</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2018)
Ông <b>Phạm Thống Nhất</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2018)
Ông <b>Bùi Anh Dũng</b>	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2018)
Ông <b>Nguyễn Văn Hùng</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
Ông <b>Vũ Đức Hưng</b>	<b>Giám đốc khối Quản trị nguồn nhân lực</b>	(bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018)
Bà <b>Đoàn Quế Thanh</b>	<b>Giám đốc khối Vận hành</b>	(bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2018)
Ông <b>Đặng Đức Huy</b>	<b>Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ</b>	(bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và các công ty con và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 690/VN1A-HC-BC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 74 đến 141, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

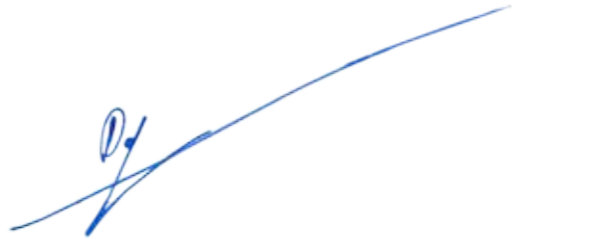
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**LÊ ĐÌNH TỬ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0488-2018-001-1  
 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM  
 Ngày 29 tháng 3 năm 2019  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**ĐỖ HỒNG DƯƠNG**  
**Kiểm toán viên**  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2393-2015-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>6</b>	<b>2.555.584</b>	<b>2.655.088</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")</b>	<b>7</b>	<b>4.886.943</b>	<b>9.235.546</b>
<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>	<b>8</b>	<b>28.268.931</b>	<b>24.048.346</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	28.268.931	23.997.568
Cho vay các TCTD khác	8.2	-	50.778
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>9</b>	<b>25.839</b>	<b>61.926</b>
Chứng khoán kinh doanh		38.987	71.678
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(13.148)	(9.752)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản tài sản tài chính khác</b>	<b>19</b>	<b>65.189</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay Khách hàng</b>		<b>299.174.219</b>	<b>264.150.725</b>
Cho vay Khách hàng	10	301.892.246	266.500.992
Dự phòng rủi ro cho vay Khách hàng	12	(2.718.027)	(2.350.267)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>11</b>	<b>11.755</b>	<b>11.755</b>
Mua nợ		12.374	12.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(619)	(619)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>59.509.118</b>	<b>73.818.751</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		31.933.460	43.179.631
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		32.398.035	34.146.232
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(4.822.377)	(3.507.112)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>26.486</b>	<b>28.626</b>
Đầu tư dài hạn khác		26.688	28.788
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(202)	(162)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>3.881.323</b>	<b>3.982.821</b>
Tài sản cố định hữu hình	15.1	1.593.907	1.667.376
Nguyên giá TSCĐ		2.567.245	2.554.900
Hao mòn TSCĐ		(973.338)	(887.524)
Tài sản cố định vô hình	15.2	2.287.416	2.315.445
Nguyên giá TSCĐ		2.557.441	2.517.313
Hao mòn TSCĐ		(270.025)	(201.868)
<b>Tài sản Có khác</b>	<b>16</b>	<b>110.548.129</b>	<b>66.038.164</b>
Các khoản phải thu		62.474.362	24.202.072
Các khoản lãi, phí phải thu		48.308.565	41.664.912
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	6.554	4.543
Tài sản Có khác		798.738	716.957
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(1.040.090)	(550.320)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>508.953.516</b>	<b>444.031.748</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị : Triệu VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ NHNN	17	5.134.323	38.134
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>18</b>	<b>55.689.576</b>	<b>64.387.247</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	26.336.789	24.567.175
Vay các TCTD khác	18.2	29.352.787	39.820.072
<b>Tiền gửi của Khách hàng</b>	<b>19</b>	<b>384.914.010</b>	<b>346.402.517</b>
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	20	-	37.444
Phát hành giấy tờ có giá	21	33.424.218	6.924.000
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>22</b>	<b>13.213.853</b>	<b>10.712.081</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		10.271.070	8.613.921
Các khoản phải trả và công nợ khác		2.942.783	2.098.160
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>492.375.980</b>	<b>428.501.423</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn của TCTD</b>	<b>24</b>	<b>15.249.373</b>	<b>14.312.486</b>
Vốn điều lệ		15.231.688	14.294.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		45	45
Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
Vốn khác		9.437	9.437
<b>Quỹ của TCTD</b>		<b>494.370</b>	<b>467.604</b>
Lợi nhuận chưa phân phối		671.402	591.603
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	162.391	158.632
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>16.577.536</b>	<b>15.530.325</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>508.953.516</b>	<b>444.031.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị : Triệu VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo lãnh vay vốn		50.436	74.531
Cam kết mua ngoại tệ		860.291	1.608.907
Cam kết bán ngoại tệ		280.087	1.407.219
Cam kết giao dịch hoán đổi		22.059.197	26.557.088
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		5.006.002	274.896
Bảo lãnh khác		4.978.887	12.030.115
Các cam kết khác (*)		13.758	1.218.130
	<b>45</b>	<b>33.248.658</b>	<b>43.170.886</b>

(\*) Số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày bổ sung các cam kết khác theo yêu cầu của việc áp dụng Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 (xem thêm tại Thuyết minh số 3).

**THÁI KHÁNH VÂN**  
Giám đốc Kế toán

**NGUYỄN VĂN HÙNG**  
Kế toán trưởng



**VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị : Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	32.684.649	26.640.738
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(29.777.966)	(24.749.315)
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>2.906.683</b>	<b>1.891.423</b>
1. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.984.259	1.510.784
2. Chi phí hoạt động dịch vụ		(684.830)	(639.682)
<b>II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>28</b>	<b>1.299.429</b>	<b>871.102</b>
<b>III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>29</b>	<b>692</b>	<b>12.849</b>
<b>IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>14.038</b>	<b>15.499</b>
<b>V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>31</b>	<b>423.523</b>	<b>610.271</b>
1. Thu nhập từ hoạt động khác		2.633.444	1.047.050
2. Chi phí từ hoạt động khác		(754.490)	(57.271)
<b>VI. Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>32</b>	<b>1.878.954</b>	<b>989.779</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>33</b>	<b>8.312</b>	<b>6.135</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>34</b>	<b>(4.140.889)</b>	<b>(3.343.188)</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>2.390.742</b>	<b>1.053.870</b>
<b>X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>12</b>	<b>(2.161.944)</b>	<b>(889.878)</b>
<b>XI. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>228.798</b>	<b>163.992</b>
<b>XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>35</b>	<b>(54.653)</b>	<b>(38.467)</b>
<b>XIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>35</b>	<b>2.011</b>	<b>(1.065)</b>
<b>XIV. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>176.156</b>	<b>124.460</b>
Phân phối cho:			
Các cổ đông phổ thông của Ngân hàng		169.154	120.256
Các cổ đông không kiểm soát	24	7.002	4.204
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>36</b>	<b>62</b>	<b>40</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị : Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	26.742.228	22.081.153
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(28.206.976)	(23.291.416)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.330.157	869.421
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	497.318	705.091
Chi phí từ hoạt động khác	2.045.688	(54.188)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	76.002	125.260
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.790.072)	(3.226.200)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(39.914)	(29.835)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>(1.345.569)</b>	<b>(2.820.714)</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
Thay đổi các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(176.452)	1.185.877
Thay đổi các khoản về kinh doanh chứng khoán	19.056.043	(3.784.464)
Thay đổi các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(65.189)	-
Thay đổi các khoản cho vay Khách hàng	(68.713.770)	(58.546.465)
Thay đổi nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	-	(274.624)
Thay đổi khác về tài sản hoạt động	(11.952.526)	1.052.388
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
Thay đổi các khoản nợ NHNN	5.096.189	(5.595.208)
Thay đổi các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	(8.697.671)	34.485.383
Thay đổi tiền gửi của Khách hàng	38.511.493	51.250.284
Thay đổi phát hành giấy tờ có giá	25.713.218	-
Thay đổi các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(37.444)	(134.874)
Thay đổi khác về công nợ hoạt động	574.233	395.539
Thay đổi các quỹ của Ngân hàng	(3.532)	8.487
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(2.040.977)</b>	<b>17.221.609</b>

**THÁI KHÁNH VÂN**  
Giám đốc Kế toán

**NGUYỄN VĂN HÙNG**  
Kế toán trưởng



**VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Mua sắm tài sản cố định	(186.274)	(111.413)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	87.847	6.381
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	3.600	43.818
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	2.100	40.600
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	8.352	6.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(84.375)</b>	<b>(14.596)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	936.887	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có	3.821.000	679.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có	(3.034.000)	(265.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát	(2.509)	(1.539)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>1.721.378</b>	<b>412.461</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(403.974)</b>	<b>17.619.474</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh số 37)</b>	<b>35.461.207</b>	<b>17.847.078</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	-	(5.345)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 37)</b>	<b>35.057.233</b>	<b>35.461.207</b>

**THÁI KHÁNH VÂN**  
Giám đốc Kế toán

**NGUYỄN VĂN HÙNG**  
Kế toán trưởng



**VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 283/GP-NHNN được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") ngày 26 tháng 12 năm 2011, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0311449990 cấp ngày 28 tháng 12 năm 2011 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng; cung ứng các phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thu tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước ("NHNN") dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật; tham gia thị trường tiền tệ như đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; ủy thác, nhận ủy thác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN; tu vấn ngân hàng, tài chính; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; đại lý bảo hiểm; dịch vụ môi giới tiền tệ; hoạt động mua nợ và đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 15.231.688 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14.294.801 triệu đồng).

**Mạng lưới hoạt động**

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có năm mươi (50) chi nhánh và một trăm tám mươi chín (189) phòng giao dịch tại các Tỉnh và thành phố trên cả nước.

**Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 7.258 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.428 người).

**Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Sài Gòn</b>	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0312083851 ngày 11 tháng 12 năm 2012.	Quản lý nợ, mua bán nợ, xác định giá trị tài sản, khai thác và quản lý tài sản.	<b>100,00%</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long</b>	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 059614 ngày 02 tháng 8 năm 1995.	Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.	<b>81,80%</b>

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị Triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu (*Thuyết minh số 24*), chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu (*Thuyết minh số 36*) và chỉ tiêu tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND (*Thuyết minh số 50*), Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, trừ các thay đổi sau:

*Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ("Thông tư 14") quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với Khách hàng.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 14 quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với Khách hàng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Theo đó, việc dự thu lãi cho hoạt động cấp tín dụng và dự chi lãi cho hoạt động nhận tiền gửi giữa tổ chức tín dụng với Khách hàng được thực hiện trên cơ sở một năm là 365 ngày.

*Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ("Thông tư 19") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 ("Thông tư 36") của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 19 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36 ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 02 năm 2018. Theo đó, các cam kết khác được trình bày trên "**Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**" bao gồm hạn mức tín dụng chưa sử dụng mà Ngân hàng có quyền hủy ngang hoặc tự động hủy ngang khi Khách hàng vi phạm điều kiện hủy ngang hoặc suy giảm khả năng thực hiện nghĩa vụ, hạn mức tín dụng chưa sử dụng của thẻ tín dụng và các cam kết khác.

*Thông tư số 16/2018/TT-BTC ("Thông tư 16") hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

Các thay đổi của Thông tư 16 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung về cách quản lý và sử dụng đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay;
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận doanh thu từ kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu); và
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận chi phí.

Thông tư 16 có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và thay thế Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

*Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ("Thông tư 22") sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 ("Quyết định 479") và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16") của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.*

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 22 sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479 ngày 29 tháng 4 năm 2004 và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16 ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư 22 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Ban điều hành Ngân hàng đã áp dụng tất cả các thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban điều hành Ngân hàng cũng đã thực hiện đánh giá số liệu so sánh trên báo cáo tài chính riêng theo Thông tư 22. Theo đó, những ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính do việc thay đổi chính sách tỷ giá là không trọng yếu. Do đó, Ban điều hành Ngân hàng không cần thực hiện trình bày lại số liệu so sánh do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách tỷ giá này.

## 4. CÁC NỘI DUNG PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ("NHNN") ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU

Theo Đề án tái cơ cấu cho giai đoạn 5 năm từ năm 2015 đến năm 2019, NHNN đã phê duyệt cho phép Ngân hàng tiếp tục thực hiện các nội dung chưa hoàn thành của Đề án tái cơ cấu cho giai đoạn 2012 - 2014 và một số nội dung hoạt động của Ngân hàng có liên quan đến việc ghi nhận các nghiệp vụ, lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Cho phép cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay thuộc Đề án tái cơ cấu đã được NHNN phê duyệt trong giai đoạn tái cơ cấu 2012 - 2014;
- Cho phép tiếp tục cho vay xử lý các khoản lãi dự thu đối với một số dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Tiếp tục cho vay hoàn thiện một số dự án dở dang theo Đề án tái cơ cấu;
- Cho phép trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo năng lực tài chính.

Ngân hàng đang trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện các nội dung đã được phê duyệt trên cho NHNN.

## 5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### 5.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 5.2 Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc niên độ kế toán nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (*xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại Thuyết minh số 44*). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc niên độ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc niên độ kế toán để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc tỷ giá giao ngay bình quân của tất cả các lần thay



đổi tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 5.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và báo cáo tài chính của các công ty do Ngân hàng kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Ngân hàng và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 5.4 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 5.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Ngân hàng trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### 5.6 Công cụ tài chính phái sinh

Công cụ tài chính phái sinh của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ.

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục "Các khoản lãi, phí phải thu" hoặc "Các khoản lãi, phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch này sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá trung tâm Đô la Mỹ do NHNN công bố và tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng và các công ty con với các ngoại tệ khác. Tại thời điểm cuối năm tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng kỳ hạn được hạch toán vào khoản mục "Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 5.7 Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định hiện hành sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

### 5.8 Thu nhập phí dịch vụ và hoa hồng

Phí dịch vụ và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp nhận trước và phân bổ theo đường thẳng. Phí hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

### 5.9 Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu lãi của các chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu.

### 5.10 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc năm tài chính trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã ghi nhận.

#### Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### 5.11 Doanh thu, chi phí hoạt động bảo hiểm, ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được công ty con của Ngân hàng - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ("Thông tư 50") hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (a) Hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (b) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (c) Hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên (bao gồm cả thời gian gia hạn) không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Công ty chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận, nếu Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định tại mục d, điểm 1.1, khoản 1, điều 21, Thông tư 50, hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Công ty không được thỏa thuận với bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và các kỳ phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm tại ngày cuối năm tài chính được ghi nhận vào "Phải trả khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho Khách hàng theo đề nghị của Khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong mục "Tài sản Có khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 50. Tại thời điểm cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm hiện tại tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm**

*(i) Nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Tại thời điểm cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm hiện tại tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

*(ii) Nhận tái bảo hiểm*

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi Công ty nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và Công ty đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và Công ty nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm hiện tại tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**Các quỹ dự phòng nghiệp vụ**

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50 của Bộ Tài chính và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính ("Công văn 792") về việc xác nhận việc đăng ký trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

**a. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:**

*(i) Dự phòng phí chưa được hưởng*

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giá định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

*(ii) Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

*(iii) Dự phòng dao động lớn*

Theo Công văn 792, dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm và mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") - Hợp đồng bảo hiểm, các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến Chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 50 và Công văn 792. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trích lập theo tỉ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

**b. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:**

*(i) Dự phòng toán học:*

Theo Công văn 792, dự phòng toán học áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn trên một (1) năm và được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/8). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giá định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng toán học} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Công ty tính dự phòng toán học theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp tính theo từng ngày). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giá định là có hiệu lực vào cuối ngày đó. Dự phòng toán học được tính theo công thức sau:

$$\text{Phí bảo hiểm} \times \frac{\text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

$$\text{Dự phòng toán học} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \frac{\text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

*(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:*

Theo Công văn 792, dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng có thời hạn dưới một (1) năm và được trích lập như sau: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/24). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một tháng cụ thể được giá định là có hiệu lực vào giữa tháng đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

*(iii) Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.



- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc Khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm tài chính, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Theo Công văn 792, dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập mỗi năm với mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

### 5.12 Doanh thu và chi phí bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN (“Quyết định 59”) của Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015, doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN (“Thông tư 09”) của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Quyết định 59 và Thông tư 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

**Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:**

- Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng;
- Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm.

**Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.**

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

### 5.13 Các khoản cho vay và dự phòng rủi ro tín dụng

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (“Thông tư 09”) của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;

- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh Ngân hàng và các công ty con nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cho vay Khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay Khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong Thông tư 02.

Ngân hàng đã trích lập dự phòng các khoản cho vay Khách hàng một cách phù hợp theo Thông tư 02, Thông tư 09 và theo các nội dung phê duyệt của NHNN đối với Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh số 4).

Dự phòng cụ thể được tính trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Trường hợp một Khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của Khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của Khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Theo Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư 02 được sửa đổi bởi Khoản 11, Điều 1 của Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ mà việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh;
- Ngân hàng đáp ứng được quy định của NHNN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Ngân hàng có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay Khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay Khách hàng như đã được phân loại hiện tại. Đối với một khoản nợ, việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện 01 (một) lần. Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Các khoản nợ được phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính cho mục đích trích lập dự phòng rủi ro.

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài và các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

*Xử lý rủi ro tín dụng*

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu Khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

*Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng*

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

**5.14 Hoạt động mua nợ**

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh số 5.13.

**5.15 Nghiệp vụ bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ("VAMC")**

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ tuân thủ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2013 về "Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của Khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay Khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".

**5.16 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán Nợ, chứng khoán Vốn, chứng khoán khác được mua và Ngân hàng có ý định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 như được trình bày tại Thuyết minh số 5.13.

**5.17 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán Nợ và chứng khoán Vốn mà Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn thì Ngân hàng không được là cổ đông sáng lập; hoặc không được là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán Vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán Nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản hợp nhất. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/du dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản hợp nhất.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng được trích lập dự phòng theo Thông tư 02. Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

**5.18 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

**Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành**

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của Khách hàng vay chưa trả tại thời điểm bán trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 ("Thông tư 14") của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư 14, hằng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{(m-1)})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- $X_{(m-1)}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- $Y$  là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- $n$  là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- $m$  là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp  $(Z_m + X_{(m-1)}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ( $X_{(m)}$ ) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

**Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác**

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.



Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán Nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng được trích lập dự phòng theo Thông tư 02. Chứng khoán không được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do Bộ Tài chính ban hành. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

*Phân loại lại*

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng và các công ty con.

**5.19 Góp vốn, đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

**Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**5.20 Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

**5.21 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	4 - 10

**5.22 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ba năm đến tám năm.

**5.23 Các khoản phải thu**

*Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng*

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản Có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh số 5.13.

*Các khoản nợ phải thu khác*

Các khoản phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong năm.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**5.24 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng và các công ty con và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**5.25 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu Ngân hàng Nhà nước.

5.26 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của Khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng khác, của Khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

5.27 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ mà Ngân hàng và các công ty con đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.28 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu: Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

**Trợ cấp thôi việc tự nguyện:** Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 18 tháng 6 năm 2012, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa tháng lương bình quân. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được Ngân hàng chi trả trợ cấp thôi việc.

**Trợ cấp mất việc:** Theo Điều 49 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc, mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 48 và Điều 49 của Bộ Luật Lao động là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân thủ theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 về việc hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động, các ngân hàng được hạch toán trực tiếp vào chi phí quản lý doanh nghiệp khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động ngay khi phát sinh.

**Trợ cấp thất nghiệp:** Theo Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5.29 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (*bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có*) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng và các công ty con có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng và các công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.30 Vốn và các quỹ

• **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

• **Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

• **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

• **Các quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;

- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, và không có quy định mức tối đa;

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty con của Ngân hàng (*Công ty*). Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ Công ty theo quy định hiện hành.

- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ này được trích lập vào thời điểm cuối năm tài chính.

5.31 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng không chịu rủi ro

Ngân hàng có thực hiện các hoạt động ủy thác quản lý giữ hộ tài sản. Các tài sản giữ hộ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng chịu rủi ro

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để thực hiện cho vay lại đối với Khách hàng. Ngân hàng ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay Khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại Khách hàng được thực hiện theo quy định của NHNN và được trình bày tại Thuyết minh số 5.13.

5.32 Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào, Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của Khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (*gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng*) vào các nhóm theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cam kết.



5.33 Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

5.34 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và các công ty con (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - Có góp vốn vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
  - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng và các công ty con trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

5.35 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấu trúc và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

5.36 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

- **Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Ngân hàng bao gồm tiền mặt và vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, chứng khoán kinh doanh, cho vay Khách hàng, hoạt động mua nợ, chứng khoán đầu tư, góp vốn và đầu tư dài hạn khác, bất động sản đầu tư và tài sản tài chính khác.
- **Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của Khách hàng, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngân hàng và các công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cùng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Đồng thời, Thông tư 210 cũng không có hướng dẫn việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

6. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	1.570.193	1.506.783
Tiền mặt bằng ngoại tệ	938.715	1.088.994
Vàng	46.676	59.311
	<b>2.555.584</b>	<b>2.655.088</b>

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Tiền gửi thanh toán tại NHNN</b>		
Bằng VND	4.864.849	7.615.137
Bằng ngoại tệ	22.094	1.620.409
	<b>4.886.943</b>	<b>9.235.546</b>

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm.

Số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng được xác định bằng số dư bình quân tiền gửi phải dự trữ bắt buộc của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng cho từng nhóm kỳ hạn và loại tiền. Số dư bình quân tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước không được thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc được áp dụng như sau:

Loại tiền và kỳ hạn	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%

Trong năm, Ngân hàng đã tuân thủ với các thông báo của NHNN về dự trữ bắt buộc.

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác	28.268.931	23.997.568
Cho vay các TCTD khác	-	50.778
	<b>28.268.931</b>	<b>24.048.346</b>

8.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>26.888.671</b>	<b>22.220.073</b>
Bằng VND	21.334.441	20.254.041
Bằng ngoại tệ	5.554.230	1.966.032
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>1.380.260</b>	<b>1.777.495</b>
Bằng VND	654.225	431.995
Bằng ngoại tệ	726.035	1.345.500
	<b>28.268.931</b>	<b>23.997.568</b>

Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH") tại các TCTD khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VND	21.334.441	20.254.041
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	5.000.592	1.025.292
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	553.640	940.740
	<b>26.888.671</b>	<b>22.220.073</b>

Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH") tại các TCTD khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VND	654.225	431.995
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	726.035	1.345.500
	<b>1.380.260</b>	<b>1.777.495</b>

Mức lãi suất của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00% - 1,00%	0,00% - 1,00%
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00% - 1,80%	0,00% - 0,15%
Tiền gửi CKH bằng VND	4,70% - 10,50%	5,50% - 11,50%
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,01% - 2,90%	1,60% - 2,60%

8.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Bằng VND	-	50.778
	-	<b>50.778</b>

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bằng VND	-	5,00%

8.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác

Chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Nợ đủ tiêu chuẩn</b>	<b>1.380.260</b>	<b>1.828.273</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	1.380.260	1.777.495
Cho vay các TCTD khác	-	50.778

9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành (đã niêm yết)	34.161	66.852
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành (chưa niêm yết)	4.826	4.826
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(13.148)	(9.752)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>25.839</b>	<b>61.926</b>

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	301.862.914	266.465.942
Các khoản trả thay Khách hàng	26.378	25.514
Cho vay chiết khấu các giấy tờ có giá khác	2.954	7.036
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	-	2.500
	<b>301.892.246</b>	<b>266.500.992</b>

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay Khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay Khách hàng bằng VND	5,00% - 17,50%	3,50% - 17,50%
Cho vay Khách hàng bằng ngoại tệ	3,25% - 8,00%	2,50% - 8,50%



Các khoản cho vay được phân tích như sau:

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND		Triệu VND	
Nợ đủ tiêu chuẩn	300.046.093		264.815.166	
Nợ cần chú ý	579.716		494.729	
Nợ dưới tiêu chuẩn	139.628		188.001	
Nợ nghi ngờ	198.201		193.363	
Nợ có khả năng mất vốn	928.608		809.733	
	<b>301.892.246</b>		<b>266.500.992</b>	

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND		Triệu VND	
Nợ ngắn hạn	100.688.555		109.438.206	
Nợ trung hạn	116.425.801		75.383.955	
Nợ dài hạn	84.777.890		81.678.831	
	<b>301.892.246</b>		<b>266.500.992</b>	

10.3 Phân tích dư nợ theo tiền tệ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND		Triệu VND	
Cho vay bằng VND	301.311.125		265.560.085	
Cho vay bằng ngoại tệ	581.121		940.907	
	<b>301.892.246</b>		<b>266.500.992</b>	

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Hệ kinh doanh và cá nhân	114.890.562	38,06	111.161.485	41,71
Công ty cổ phần khác	180.238.044	59,70	143.734.218	53,94
Công ty TNHH khác	4.291.684	1,42	8.260.981	3,10
Doanh nghiệp tư nhân	1.512.498	0,50	1.842.206	0,69
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	753.519	0,25	702.725	0,26
Công ty TNHH Nhà nước	9.127	0,00	3.422	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và Hiệp hội	48.675	0,02	63.540	0,03
Công ty Nhà nước	42.033	0,02	619.242	0,23
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	92.972	0,03	105.986	0,04
Công ty Cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	7.531	0,00	4.042	0,00
Khác	5.781	0,00	3.145	0,00
	<b>301.892.246</b>	<b>100,00</b>	<b>266.500.992</b>	<b>100,00</b>

10.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Hoạt động dịch vụ khác	201.643.181	66,79	181.040.476	67,93
Xây dựng	83.920.317	27,80	69.296.898	26,00
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.643.797	1,21	4.886.716	1,83
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.528.023	1,50	4.099.065	1,54
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.337.439	1,11	3.091.908	1,16
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.252.215	0,75	2.416.053	0,91
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1.506.919	0,50	446.376	0,17
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	18.206	0,01	24.310	0,01
Vận tải kho bãi	666.312	0,22	654.225	0,25
Công nghiệp chế biến và chế tạo	266.459	0,09	469.602	0,18
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	61.836	0,02	27.526	0,01
Khai khoáng	6.439	0,00	6.221	0,00
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	12.095	0,00	8.278	0,00
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	6.121	0,00	5.586	0,00
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	2.165	0,00	6.662	0,00
Giáo dục và đào tạo	14.891	0,00	19.205	0,01
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4.205	0,00	607	0,00
Thông tin và truyền thông	960	0,00	412	0,00
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	666	0,00	866	0,00
	<b>301.892.246</b>	<b>100,00</b>	<b>266.500.992</b>	<b>100,00</b>

11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Mua nợ bằng VND	12.374	12.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (Thuyết minh số 12)	(619)	(619)
	<b>11.755</b>	<b>11.755</b>

Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc đã mua	12.289	12.289
Lãi của khoản nợ đã mua	56	56
	<b>12.345</b>	<b>12.345</b>

Kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2018 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng cần phải trích lập của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu VND	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Dự phòng chung Triệu VND	Tổng số dự phòng Triệu VND
Nợ có khả năng mất vốn	12.374	619	-	619

## 12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	13.6	4.806.697	3.492.106
Dự phòng rủi ro cho vay Khách hàng		2.718.027	2.350.267
Dự phòng hoạt động mua nợ	11	619	619
Dự phòng cho trái phiếu chưa niêm yết		15.680	15.006
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	16.5	998.949	520.030
		<b>8.539.972</b>	<b>6.378.028</b>

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	13.6	1.314.591	122.991
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay Khách hàng		367.760	503.072
Số trích lập dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		750	-
Số hoàn nhập dự phòng cho trái phiếu chưa niêm yết		(76)	(900)
Số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	16.5	478.919	264.715
<b>Tổng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>2.161.944</b>	<b>889.878</b>

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2018, Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 10 của Thông tư 02 và Thông tư 09 của NHNN và theo Đề án tái cơ cấu được NHNN phê duyệt cho giai đoạn 2015 - 2019 như sau:

	Dư nợ Triệu VND	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Dự phòng chung Triệu VND	Tổng số dự phòng Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	298.634.560	-	2.239.756	2.239.756
Nợ cần chú ý	1.296.330	19.485	9.725	29.210
Nợ dưới chuẩn	131.686	7.215	988	8.203
Nợ nghi ngờ	252.502	32.866	1.892	34.758
Nợ có khả năng mất vốn	945.954	406.100	-	406.100
	<b>301.261.032</b>	<b>465.666</b>	<b>2.252.361</b>	<b>2.718.027</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm nay như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Dự phòng chung Triệu VND	Tổng cộng dự phòng Triệu VND
Số dư đầu năm	325.225	2.025.042	2.350.267
Số trích lập dự phòng trong năm	195.224	1.233.803	1.429.027
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(54.783)	(1.006.484)	(1.061.267)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>465.666</b>	<b>2.252.361</b>	<b>2.718.027</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu VND	Dự phòng chung Triệu VND	Tổng cộng dự phòng Triệu VND
Số dư đầu năm	503.111	1.608.414	2.111.525
Số trích lập dự phòng trong năm	182.044	594.381	776.425
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(95.600)	(177.753)	(273.353)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(264.330)	-	(264.330)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>325.225</b>	<b>2.025.042</b>	<b>2.350.267</b>

## 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>31.906.320</b>	<b>43.152.491</b>
Do Chính phủ phát hành	30.706.044	41.852.159
Do các TCTD khác trong nước phát hành	1.200.276	1.300.332
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>27.140</b>	<b>27.140</b>
Do các TCTD khác trong nước phát hành	18.140	18.140
Do các TCKT trong nước phát hành	9.000	9.000
	<b>31.933.460</b>	<b>43.179.631</b>
Dự phòng chung chứng khoán sẵn sàng để bán	(9.752)	(9.002)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>31.923.708</b>	<b>43.170.629</b>
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - theo mệnh giá, trong đó:</b>	<b>32.398.035</b>	<b>34.146.232</b>
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>5.712.852</b>	<b>10.297.425</b>
Do các TCTD khác trong nước phát hành	5.621.331	9.695.905
Do các TCKT trong nước phát hành	91.521	601.520
Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(5.928)	(6.004)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>5.706.924</b>	<b>10.291.421</b>
<b>Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</b>		
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	26.685.183	23.848.807
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(4.806.697)	(3.492.106)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>21.878.486</b>	<b>20.356.701</b>
<b>Tổng cộng giá trị thuần</b>	<b>59.509.118</b>	<b>73.818.751</b>



13.1 Chứng khoán Nợ đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá Triệu VND	Giá trị sổ sách Triệu VND	Mệnh giá Triệu VND	Giá trị sổ sách Triệu VND
Chứng khoán Nợ do Chính phủ phát hành - Trái phiếu Chính phủ (a)	30.395.873	30.706.044	41.545.273	41.852.159
Chứng khoán Nợ do TCTD trong nước phát hành (b)	1.200.000	1.200.276	1.300.000	1.300.332
	<b>31.595.873</b>	<b>31.906.320</b>	<b>42.845.273</b>	<b>43.152.491</b>
Dự phòng chung trái phiếu chưa niêm yết đầu tư sẵn sàng để bán		(9.752)		(9.002)
		<b>31.896.568</b>		<b>43.143.489</b>

(a) Trái phiếu Chính phủ bằng VND có thời hạn từ 3 năm đến 15 năm và có lãi suất từ 3,40%/năm đến 9,30%/năm, lãi được trả hàng năm.

(b) Chứng khoán Nợ do TCTD trong nước phát hành là các trái phiếu ngân hàng có thời hạn từ 2 năm đến 7 năm với lãi suất trái phiếu bình quân từ 7,40%/năm đến 9,25%/năm, lãi được trả hàng năm.

13.2 Chứng khoán Vốn đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	18.140	18.140
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	9.000	9.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	9.000	9.000
	<b>27.140</b>	<b>27.140</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán Vốn sẵn sàng để bán	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>27.140</b>	<b>27.140</b>

13.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá Triệu VND	Giá trị sổ sách Triệu VND	Mệnh giá Triệu VND	Giá trị sổ sách Triệu VND
<b>Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành</b>				
Kỳ phiếu ngân hàng (a)	5.620.000	5.621.331	9.644.000	9.645.905
Trái phiếu Công ty Tài chính	-	-	50.000	50.000
<b>Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành</b>				
Trái phiếu Công ty	91.521	91.521	601.520	601.520
	<b>5.711.521</b>	<b>5.712.852</b>	<b>10.295.520</b>	<b>10.297.425</b>
<b>Dự phòng trái phiếu chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>(5.928)</b>		<b>(6.004)</b>
Dự phòng chung		(4.425)		(4.501)
Dự phòng cụ thể		(1.503)		(1.503)
		<b>5.706.924</b>		<b>10.291.421</b>

(a) Đây là các kỳ phiếu ghi danh do ngân hàng trong nước phát hành bằng VND, có thời hạn 6 tháng và lãi suất 7,10%/năm.

13.4 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành dùng để mua các khoản nợ xấu của Ngân hàng, có kỳ hạn 5 năm đến 10 năm với lãi suất 0%. Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số dư đầu năm	23.848.807	14.552.769
Tăng trong năm (Thuyết minh số 37)	8.109.000	12.762.438
Tất toán trong năm	(5.272.624)	(3.466.400)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26.685.183</b>	<b>23.848.807</b>

13.5 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Nợ đủ tiêu chuẩn</b>	<b>6.911.625</b>	<b>11.596.254</b>
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành (Thuyết minh số 13.1 và 13.3)	6.821.607	10.996.237
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành (Thuyết minh số 13.3)	90.018	600.017
<b>Nợ có khả năng mất vốn (Thuyết minh số 13.3)</b>	<b>1.503</b>	<b>1.503</b>
	<b>6.913.128</b>	<b>11.597.757</b>

13.6 Dự phòng chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.507.112</b>	<b>3.409.043</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.002	33.025
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	6.004	6.903
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12)	3.492.106	3.369.115
<b>Trích/(hoàn nhập) trong năm</b>	<b>1.315.265</b>	<b>98.069</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh số 31)	750	(13.729)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)(Thuyết minh số 12)	(76)	(899)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12)	1.314.591	122.991
Sử dụng dự phòng để xử lý chứng khoán	-	(10.294)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.822.377</b>	<b>3.507.112</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.752	9.002
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	5.928	6.004
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12)	4.806.697	3.492.106

13.7 Tình trạng niêm yết của chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ - <i>Đã niêm yết</i>	30.706.044	41.852.159
Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành - <i>Chưa niêm yết</i>	1.200.276	1.300.332
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành - <i>Chưa niêm yết</i>	18.140	18.140
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành - <i>Chưa niêm yết</i>	9.000	9.000
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước <i>phát hành - Chưa niêm yết</i>	5.621.331	9.695.905
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành ( <i>bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</i> ) - <i>Chưa niêm yết</i>	26.776.704	24.450.327
	<b>64.331.495</b>	<b>77.325.863</b>

14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Đầu tư dài hạn khác	26.688	28.788
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(202)	(162)
	<b>26.486</b>	<b>28.626</b>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc Triệu VND	Sở hữu của Ngân hàng %	Giá gốc Triệu VND	Sở hữu của Ngân hàng %
Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	9.900	5,69	9.900	5,69
Công ty CP Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	7.962	6,64	7.962	6,64
Công ty CP Sài Gòn Kim Liên	7.326	9,90	7.326	9,90
Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	-	-	2.100	2,49
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	1.500	1,00	1.500	1,00
	<b>26.688</b>		<b>28.788</b>	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(202)		(162)	
	<b>28.486</b>		<b>28.626</b>	

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

15.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý Triệu VND	TSCĐ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	1.741.505	621.812	138.623	33.286	19.674	2.554.900
Mua trong năm	1.451	48.256	11.576	2.577	3.990	67.850
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.251	-	-	-	-	16.251
Thanh lý, nhượng bán	(2.026)	(52.635)	(5.594)	(3.111)	(1.792)	(65.158)
Giảm khác	(6.305)	(263)	-	(30)	-	(6.598)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.750.876</b>	<b>617.170</b>	<b>144.605</b>	<b>32.722</b>	<b>21.872</b>	<b>2.567.245</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	420.921	326.306	106.378	24.545	9.374	887.524
Khấu hao trong năm	51.696	85.778	9.013	2.375	3.412	152.274
Thanh lý, nhượng bán	(1.424)	(50.183)	(4.555)	(2.988)	(1.649)	(60.799)
Tăng giảm khác	(5.582)	(174)	-	95	-	(5.661)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>465.611</b>	<b>361.727</b>	<b>110.836</b>	<b>24.027</b>	<b>11.137</b>	<b>973.338</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.320.584	295.506	32.245	8.741	10.300	1.667.376
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.285.265</b>	<b>255.443</b>	<b>33.769</b>	<b>8.695</b>	<b>10.735</b>	<b>1.593.907</b>

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
- Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	182.405	211.830
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	228	314.291
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	327.117	310.078



15.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Tài sản khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	2.193.502	321.989	1.822	2.517.313
Mua trong năm	57.200	44.973	-	102.173
Thanh lý, nhượng bán	(58.562)	(9.064)	-	(67.626)
Tăng khác	5.581	-	-	5.581
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.197.721</b>	<b>357.898</b>	<b>1.822</b>	<b>2.557.441</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	21.494	180.158	216	201.868
Khấu hao trong năm	2.503	68.773	364	71.640
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.064)	-	(9.064)
Tăng khác	5.581	-	-	5.581
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.578</b>	<b>239.867</b>	<b>580</b>	<b>270.025</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	2.172.008	141.831	1.606	2.315.445
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.168.143</b>	<b>118.031</b>	<b>1.242</b>	<b>2.287.416</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.624 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.344 triệu đồng).

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Các khoản phải thu, trong đó:		62.474.363	24.202.072
<i>Các khoản phải thu</i>	16.1	62.356.481	24.082.087
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	16.2	93.279	102.335
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		24.602	17.650
Các khoản lãi, phí phải thu	16.3	48.308.565	41.664.912
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		6.554	4.543
Tài sản Có khác	16.4	798.738	716.957
		<b>111.588.219</b>	<b>66.588.484</b>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.5	(1.040.090)	(550.320)
		<b>110.548.129</b>	<b>66.038.164</b>

16.1 Các khoản phải thu

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Các khoản phải thu nội bộ</b>	<b>206.122</b>	<b>274.686</b>
<b>Các khoản phải thu bên ngoài</b>	<b>62.150.359</b>	<b>23.807.401</b>
Phải thu từ việc cho chuộc lại và chuyển nhượng tài sản gán nợ dài hạn (a)	9.047.639	9.452.104
Phải thu từ việc chuyển nhượng các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán trả chậm (b)	7.548.000	7.548.000
Phải thu từ bán nợ (c)	829.437	829.437
Phải thu từ bán các khoản nợ mua lại từ VAMC (d)	2.813.617	3.512.460
Phải thu từ bán nợ (e)	33.197.041	1.309.480
Phải thu từ chuyển nhượng tài sản gán nợ phát sinh trong năm 2018 (f)	234.000	-
Phải thu từ bán kỳ phiếu (g)	2.002.693	-
Phải thu từ bán nợ cho VAMC (h)	790.357	-
Chờ thu để thanh toán UPAS L/C	4.663.513	37.644
Tạm ứng nghiệp vụ đầu tư	-	350.000
Phải thu hoạt động bảo hiểm của Bảo Long	282.996	225.505
Phải thu từ chuyển nhượng quyền mua TS	140.000	170.000
Ký quỹ thẻ quốc tế	180.797	57.047
Phải thu từ các hợp đồng bán tài sản	18.752	28.226
Tạm ứng bồi thường nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long	10.680	32.970
Tạm ứng chi phí kinh doanh Bảo Long	18.231	14.787
Tạm ứng thuế TNDN	526	5.952
Ký quỹ bảo hiểm	12.000	12.000
Tạm ứng thuế GTGT	-	4.853
Các khoản phải thu khác	360.080	216.936
	<b>62.356.481</b>	<b>24.082.087</b>

- (a) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ cho chuộc lại và bán tài sản gán nợ được thanh toán chậm trong vòng 5 năm, bắt đầu từ năm 2014. Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng các bất động sản.
- (b) Đây là các khoản phải thu từ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần liên quan đến các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu ("repo") ký kết ngày 28 tháng 11 năm 2014 với thời hạn thanh toán trong vòng 8 năm. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng cổ phiếu công ty.
- (c) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ cho bên thứ ba, được thanh toán chậm trong vòng 5 năm, bắt đầu từ ngày 04 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2017, Khách hàng đã được Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh lịch thanh toán cho các khoản phải thu này, đồng thời Ngân hàng cũng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định (Thuyết minh số 16.5).
- (d) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ đã mua lại từ VAMC cho các bên thứ ba, được thanh toán chậm. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo của chính khoản nợ đã bán.
- (e) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ trả chậm cho các bên thứ ba trong năm 2018 và 2017. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo của chính khoản nợ đã bán.
- (f) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ thanh lý tài sản đảm bảo cho bên thứ ba để cản trừ nghĩa vụ nợ theo hình thức trả chậm và được đảm bảo bằng chính tài sản thanh lý.
- (g) Đây là các khoản phải thu phát sinh từ nghiệp vụ bán kỳ phiếu do tổ chức tín dụng phát hành, trước đây Ngân hàng nắm giữ cho bên thứ ba, được thanh toán chậm.
- (h) Đây là khoản phải thu VAMC phát sinh từ nghiệp vụ bán nợ cho VAMC theo giá thị trường, được thanh toán chậm.

16.2 Mua sắm tài sản cố định

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Công trình tại 1F Thái Hà, Hà Nội	90.000	90.000
Các khoản khác	3.279	12.335
	<b>93.279</b>	<b>102.335</b>

Các tài sản trên đã được Ngân hàng ký hợp đồng mua, thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng.

16.3 Các khoản lãi, phí phải thu

Đây là số tiền lãi dự thu của các khoản cho vay có thời hạn trả lãi hàng tháng, hàng quý, hàng năm, trên một năm và vào cuối thời hạn của hợp đồng tín dụng, số tiền lãi dự thu theo thời hạn thanh toán được trình bày chi tiết tại *Thuyết minh 44.3 - Rủi ro thanh khoản*.

16.4 Tài sản Có khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Bất động sản cầm trả nợ vay chờ xử lý (a)	215.000	215.000
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm của Bảo Long	275.199	167.615
Bất động sản cầm trả nợ vay (b)	63.156	76.332
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	161.049	123.977
Góp vốn vào dự án	-	41.000
Ủy thác đầu tư (c)	30.000	30.000
Tài sản viết nợ đã chuyển quyền sở hữu	10.818	10.818
Tài sản Có khác	43.516	52.215
	<b>798.738</b>	<b>716.957</b>

(a) Đây là bất động sản mà Ngân hàng đã nhận để cầm trả nợ từ Khách hàng, và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục còn lại để chuyển nhượng cho bên thứ ba.

(b) Bất động sản cầm trả nợ vay là các tài sản thế chấp Ngân hàng nhận để cầm trả nợ theo luật định, và Khách hàng hoặc bên bảo lãnh (*chủ sở hữu tài sản*) chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu các tài sản này cho Ngân hàng.

(c) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư ký ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam cho mục đích thực hiện việc quản lý và đầu tư vốn theo chiến lược đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, danh mục đầu tư đã thực hiện bao gồm:

Loại chứng khoán	Số lượng	Giá giao dịch (VND)	Tổng giá trị giao dịch (Triệu VND)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	67.500	21.100	1.424
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons	32.000	117.000	3.744
	<b>99.500</b>		<b>5.168</b>

16.5 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Kết quả phân loại nợ các tài sản Có khác tại ngày 30 tháng 11 năm 2018 như sau:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	33.303.997	3.512.460
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.705.160	-
Nợ nghi ngờ	160.000	-
Nợ có khả năng mất vốn	829.437	829.437
	<b>36.998.594</b>	<b>4.341.897</b>

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác tại ngày 30 tháng 11 năm 2018 bao gồm:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Dự phòng rủi ro tín dụng ( <i>Thuyết minh số 12</i> )	998.949	520.030
<i>Dự phòng chung</i>	271.269	21.843
<i>Dự phòng cụ thể</i>	727.680	498.187
Dự phòng tài sản Có khác	41.141	30.290
	<b>1.040.090</b>	<b>550.320</b>

Thay đổi dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số dư đầu năm	550.320	291.695
Số trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm ( <i>Thuyết minh số 12</i> )	478.919	264.715
Sử dụng dự phòng để xử lý nợ phải thu khó đòi	(1.329)	(8.913)
Số trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác ( <i>Thuyết minh số 34</i> )	12.180	2.823
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.040.090</b>	<b>550.320</b>

17. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Vay chiết khấu và tái chiết khấu giấy tờ có giá	5.103.732	-
Vay tái cấp vốn cho vay hỗ trợ nhà ở	30.591	35.834
Vay tái cấp vốn hỗ trợ người nuôi tôm và cá tra	-	2.300
	<b>5.134.323</b>	<b>38.134</b>

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác	26.336.789	24.567.175
Vay các TCTD khác	29.352.787	39.820.072
	<b>55.689.576</b>	<b>64.387.247</b>



18.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Bằng VND	21.088.564	20.019.475
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Bằng VND	3.275.800	4.458.000
Bằng ngoại tệ	1.972.425	89.700
	<b>26.336.789</b>	<b>24.567.175</b>

18.2 Vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Vay các TCTD trong nước bằng VND	-	700.000
Vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	4.663.513	6.763
Vay các TCTD nước ngoài khác bằng ngoại tệ	16.315	75.824
Vay chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác (*)	24.672.959	39.037.485
	<b>29.352.787</b>	<b>39.820.072</b>

(\*) Vay chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác là các hợp đồng mua bán kỳ hạn giấy tờ có giá, kỳ hạn từ nửa tháng đến 4 tháng với lãi suất từ 4,30%/năm đến 5,40%/năm.

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	12.058.188	8.448.210
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.247.264	7.290.709
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	20.195	42.766
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	21.285	26.247
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	47.552.966	32.226.832
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	72.915	86.193
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	315.879.563	290.743.184
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.432.064	4.598.698
<b>Tiền ký quỹ</b>		
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	127.990	2.703.783
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	147.020	219
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	323.683	83.948
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	30.877	151.728
	<b>384.914.010</b>	<b>346.402.517</b>

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của Khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00% - 1,00%	0,00% - 1,00%
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	1,00%	1,00%
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi CKH bằng VND	1,00% - 8,90%	1,00% - 8,55%
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	1,00% - 10,00%	1,00% - 8,60%
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00% - 2,00%	0,00%
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00% - 1,52%	0,00% - 2,42%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp Khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

19.2 Thuyết minh theo đối tượng Khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>42.667.570</b>	<b>35.757.158</b>
Công ty Nhà nước	3.001.576	2.247.531
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	718.986	1.155.517
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	12.976	7.764
Công ty TNHH khác	20.696.189	12.423.094
Công ty CP có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với Công ty trong Điều lệ của Công ty	73.849	84.002
Công ty CP khác	9.729.526	8.481.700
Công ty hợp danh	29.308	2.135
Doanh nghiệp tư nhân	11.887	9.569
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.046.664	8.492.180
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	383.457	509.076
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	2.963.152	2.829.577
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>340.834.226</b>	<b>309.377.101</b>
<b>Tiền gửi của các đối tượng khác</b>	<b>1.412.214</b>	<b>1.268.258</b>
	<b>384.914.010</b>	<b>346.402.517</b>

**20. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH**

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá cuối năm)	
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.795.631	113.190	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	20.968.488	-	48.001
<b>Số thuần</b>		<b>65.189</b>	
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.471.695	-	12.916
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	26.558.526	-	24.528
<b>Số thuần</b>			<b>37.444</b>

**21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ**

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>26.273.218</b>	<b>4.254.000</b>
Dưới 12 tháng	18.613.218	-
Từ 05 năm trở lên	7.660.000	4.254.000
<b>Trái phiếu</b>	<b>51.000</b>	<b>2.670.000</b>
Từ 05 năm trở lên	51.000	2.670.000
<b>Kỳ phiếu</b>	<b>7.100.000</b>	-
Dưới 12 tháng	7.100.000	-
	<b>33.424.218</b>	<b>6.924.000</b>

Đây là các giấy tờ có giá được phát hành cho cá nhân dưới hình thức ghi sổ có chứng chỉ, thời hạn 6 tháng đến 7 năm, lãi trả sau định kỳ hàng năm với lãi suất được điều chỉnh hàng năm.

**22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC**

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	10.271.070	8.613.921
Các khoản phải trả và công nợ khác	2.937.783	2.098.160
	<b>13.208.853</b>	<b>10.712.081</b>

Các khoản phải trả và công nợ khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>		
Các khoản phải trả công nhân viên	392.680	245.960
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	171.197	113.060
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>		
Dự phòng trong nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long	842.580	801.108
Phải trả trong nghiệp vụ bảo hiểm của Bảo Long	263.312	175.018
Chờ thanh toán mua tài sản cố định	164.934	177.378
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	385.914	83.836
Doanh thu chờ phân bổ	73.848	20.912
Chờ thanh toán trong nghiệp vụ thẻ	113.075	206.196
Thuế khác và các khoản phải trả ngân sách nhà nước	14.630	1.700
Phải trả thuế giá trị gia tăng	17.461	14.704
Phải trả cổ đông	4.527	3.793
Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp	387.070	5.406
Các khoản phải trả chờ thanh toán	20.135	186.013
Các khoản phải trả khác	91.420	63.076
	<b>2.942.783</b>	<b>2.098.160</b>

**23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	(Tạm ứng)/ Phải nộp đầu năm Triệu VND	Điều chỉnh khác Triệu VND	Phát sinh trong năm		(Tạm ứng)/ Phải nộp cuối năm Triệu VND
			Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	
Thuế giá trị gia tăng	14.637	-	130.727	(128.256)	17.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(547)	765	53.888	(39.914)	14.192
Thuế thu nhập cá nhân	8.395	-	103.561	(102.201)	9.755
	<b>22.485</b>	<b>765</b>	<b>288.176</b>	<b>(270.371)</b>	<b>41.055</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng và các công ty con trong năm nay được thể hiện trong bảng dưới đây:



Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
14.294.801	95.912	(87.709)	9.437	4.370	303.075	157.039	3.120	45	591.603	15.371.693
Góp thêm vốn	936.887	-	-	-	-	-	-	-	-	936.887
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	169.154	169.154
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(62.589)	(62.589)
Tạm trích quỹ trong năm	-	-	-	239	15.476	7.858	3.193	-	(26.766)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	100	-	(100)	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.231.688</b>	<b>(87.709)</b>	<b>9.437</b>	<b>4.709</b>	<b>318.551</b>	<b>164.797</b>	<b>6.313</b>	<b>45</b>	<b>671.402</b>	<b>16.415.145</b>

Trong năm, Ngân hàng và công ty con trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 88/NQ-ĐHĐCĐ, 18 ngày 28 tháng 3 năm 2018. Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng và các công ty con trong năm trước được thể hiện trong bảng dưới đây:

Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Cổ phiếu quỹ Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
14.294.801	95.912	(87.709)	-	3.750	292.633	151.508	1.238	45	530.506	15.282.684
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	120.256	120.256
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.539)	(1.539)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(53.630)	(53.630)
Chênh lệch phát sinh do mua thêm phần sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	26.784	26.784
Công ty con tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	9.437	-	-	-	-	-	(11.995)	(2.558)
Chi phí phát hành tăng vốn của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(304)	(304)
Tạm trích quỹ trong năm	-	-	-	620	10.442	5.531	1.882	-	(18.475)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.294.801</b>	<b>95.912</b>	<b>(87.709)</b>	<b>4.370</b>	<b>303.075</b>	<b>157.039</b>	<b>3.120</b>	<b>45</b>	<b>591.603</b>	<b>15.371.693</b>

Chi tiết cổ phần của Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm Cổ phần	Số đầu năm Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	1.523.168.810	1.429.480.104
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	1.523.168.810	1.429.480.104
Cổ phần phổ thông	1.523.168.810	1.429.480.104
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	4.385.457	4.385.457
Cổ phần phổ thông	4.385.457	4.385.457
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.518.783.353	1.425.094.647
Cổ phần phổ thông	1.518.783.353	1.425.094.647
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

Ngân hàng chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Ngân hàng.

Trong năm 2018, Ngân hàng đã chào bán riêng lẻ thành công 93.688.706 cổ phần phổ thông. Theo đó tổng số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng là 1.523.168.810 cổ phần, và vốn điều lệ tăng lên mức 15.231.688.100.000 VND.

## 24.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12, Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng. Việc trích lập các quỹ căn cứ theo kết quả kinh doanh của năm tài chính như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa	Mục đích
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% mức vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không khống chế	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh
Các quỹ khác	Theo quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm	Không quy định	Theo quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm

## 24.3 Cổ tức

Trong năm, Ngân hàng không thông báo và không thực hiện việc phân chia cổ tức cho các cổ đông của Ngân hàng.

## 25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số dư đầu năm	158.632	178.724
Phân chia lợi nhuận trong năm	7.002	4.204
Bảo Long chia cổ tức bằng tiền mặt	(3.243)	-
Ngân hàng mẹ mua thêm phần sở hữu Bảo Long trong năm	-	(26.784)
Chia sẻ chi phí phát hành tăng vốn của Bảo Long	-	(70)
Bảo Long tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	-	2.558
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>162.391</b>	<b>158.632</b>

**26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập lãi cho vay Khách hàng và các TCTD khác	29.468.846	23.195.736
Thu nhập lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ	2.919.015	3.141.364
Thu nhập lãi tiền gửi	269.779	258.822
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	27.005	32.695
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	4	12.121
	<b>32.684.649</b>	<b>26.640.738</b>

**27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	26.987.951	23.352.898
Trả lãi tiền vay	1.197.960	789.353
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.575.781	572.674
Chi phí lãi khác	16.274	34.390
	<b>29.777.966</b>	<b>24.749.315</b>

**28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>		
Hoạt động bảo hiểm	787.589	845.235
Dịch vụ thanh toán	642.515	361.482
Hoạt động bảo lãnh và ngân quỹ	5.023	4.746
Dịch vụ đại lý	246.904	97.070
Thu phí dịch vụ khác	302.228	202.251
	<b>1.984.259</b>	<b>1.510.784</b>
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>		
Hoạt động bảo hiểm	(37.280)	(131.276)
Dịch vụ thanh toán	(240.295)	(87.478)
Hoạt động bảo lãnh và ngân quỹ	(9.038)	(8.660)
Dịch vụ đại lý	(7.113)	(7.429)
Chi phí dịch vụ khác	(391.104)	(404.839)
	<b>(684.830)</b>	<b>(639.682)</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.299.429</b>	<b>871.102</b>

**29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	541.316	213.318
Thu từ kinh doanh vàng	507	4.906
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	204.366	235.745
	<b>746.189</b>	<b>453.969</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(190.216)	(135.271)
Chi về kinh doanh vàng	(3.123)	(1.852)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(552.158)	(303.997)
	<b>(745.497)</b>	<b>(441.120)</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>692</b>	<b>12.849</b>

**30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31.834	23.852
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(14.400)	(13.132)
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.396)	4.779
	<b>14.038</b>	<b>15.499</b>

**31. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	571.327	816.423
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(128.823)	(198.224)
Chi phí về giao dịch chứng khoán	(18.981)	(21.657)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 13.6)	-	13.729
	<b>423.523</b>	<b>610.271</b>



**32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>2.633.444</b>	<b>1.047.050</b>
Thu nhập lãi trả chậm từ các khoản nợ	1.965.027	-
Lãi thu hồi được từ nợ xấu đã bán cho VAMC	325.478	-
Thu nhập từ bán nợ	121.193	913.900
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	170.277	125.260
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	24.926	1.207
Tiền thu bồi thường do không thực hiện hợp đồng	4.106	-
Thu nhập khác	22.437	6.683
<b>Chi phí từ hoạt động khác</b>	<b>(754.490)</b>	<b>(57.271)</b>
Chi bán nợ và xử lý tài sản gắn nợ	(737.537)	(436)
Chi phí thanh lý bất động sản đầu tư	-	(52.079)
Chi phí khác	(16.953)	(4.756)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.878.954</b>	<b>989.779</b>

**33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Cổ tức và lợi nhuận nhận được trong năm	1.555	6.019
Thu nhập từ thoái vốn Quỹ đầu tư Việt Nam	6.757	-
Hoàn nhập dự phòng khoản vốn góp, đầu tư dài hạn	-	116
	<b>8.312</b>	<b>6.135</b>

**34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí</b>	<b>7.140</b>	<b>6.884</b>
<b>Chi phí cho nhân viên</b>	<b>1.897.591</b>	<b>1.395.267</b>
- Chi lương và phụ cấp	1.689.652	1.223.444
- Các khoản chi đóng góp theo lương	116.904	100.920
- Chi ăn ca cho nhân viên	60.674	51.089
- Chi trang phục	25.283	15.204
- Chi trợ cấp	2.294	2.403
- Chi khác cho nhân viên	2.784	2.207
<b>Chi về tài sản</b>	<b>620.839</b>	<b>542.644</b>
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định, bất động sản đầu tư	223.962	205.941
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng tài sản	118.873	102.624
- Chi phí bảo hiểm tài sản	6.930	5.871
- Chi phí thuê văn phòng	200.010	166.728
- Chi phí công cụ và dụng cụ lao động	71.064	61.480
<b>Chi cho hoạt động quản lý công vụ</b>	<b>110.181</b>	<b>83.981</b>
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	80.314	62.126
- Công tác phí	29.867	21.854
<b>Chi phí bảo hiểm tiền gửi của Khách hàng</b>	<b>500.234</b>	<b>435.168</b>
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>992.684</b>	<b>876.421</b>
- Chi phí quản lý chung	558.474	500.355
- Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	194.967	163.992
- Chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi	175.140	156.185
- Chi phí vật liệu giấy tờ in	48.413	44.588
- Chi phí thông tin liên lạc	8.409	7.199
- Chi phí đào tạo	7.281	4.103
- Chi phí dự phòng, góp vốn đầu tư dài hạn	40	-
<b>Chi phí dự phòng rủi ro khác (Thuyết minh số 16.5)</b>	<b>12.180</b>	<b>2.823</b>
	<b>4.140.889</b>	<b>3.343.188</b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.888	36.771
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	765	1.696
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>54.653</b>	<b>38.467</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được ước tính như sau:

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>228.798</b>	<b>163.992</b>
Các điều chỉnh do thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính	19.477	8.161
<b>Lợi nhuận trước thuế sau các điều chỉnh do hợp nhất báo cáo tài chính</b>	<b>248.275</b>	<b>172.153</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		
<b>Trừ:</b>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(21.108)	(14.692)
Điều chỉnh khác	(21)	(10)
<b>Cộng:</b>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	42.291	26.404
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>269.437</b>	<b>183.855</b>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>269.437</i>	<i>183.855</i>
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm của Ngân hàng và các công ty con theo thuế suất hiện hành</b>	<b>53.888</b>	<b>36.771</b>

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Ngân hàng và công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Triệu VND)		Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Triệu VND)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 50	3.019	634	2.385	(79)
Lương hiệu quả cho nhân viên	-	-	-	(1.000)
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	832	832	-	15
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	831	616	215	162
Dự phòng khác	-	527	(527)	-
Chi phí trích trước	142	276	(134)	(157)
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	632	560	72	(6)
Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng nhà đất của năm trước chưa được ghi nhận vào thu nhập	797	797	-	-
Trích dự phòng trái phiếu Vinashin	301	301	-	-
Chi phí trả cho Direct Money	-	-	-	-
<b>Tài sản/Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>6.554</b>	<b>4.543</b>	<b>2.011</b>	<b>(1.065)</b>

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	169.154	120.256
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (triệu đồng) (*)	(79.444)	(62.589)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	89.710	57.667
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.442.805.685	1.425.094.647
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>62</b>	<b>40</b>

(\*) Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ngân hàng ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 là 01 tháng lương bình quân năm 2018.

**37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền mặt và vàng	2.555.584	2.655.088
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.886.943	9.235.546
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác (Thuyết minh số 8.1)	26.888.671	22.220.073
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các TCTD khác (Thuyết minh số 8.1)	726.035	1.350.500
	<b>35.057.233</b>	<b>35.461.207</b>

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:</b>		
Bán nợ cho VAMC và nhận về trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh số 13.4)	(8.109.000)	(12.762.438)
Tất toán trái phiếu đặc biệt	1.410.985	2.706.680
Phải thu trả chậm từ xử lý bán nợ xấu và thu nhập từ nghiệp vụ này	306.000	913.900
Chi phí từ nghiệp vụ bán nợ	(437.537)	-
Bán nợ phải thu trả chậm	(33.197.041)	(1.309.480)
	<b>(40.026.593)</b>	<b>(10.451.338)</b>



**38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN**

	Năm nay	Năm trước
<b>I. Số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)</b>	<b>6.798</b>	<b>5.957</b>
<b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)</b>		
1. Tổng quỹ lương đã chi	1.276.020	997.534
2. Thu nhập khác	129.144	190.728
3. Tổng thu nhập (3=1+2)	1.405.164	1.188.262
4. Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	15,64	13,95
5. Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	17,23	16,62

**39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG**

	Trong nước Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	27.715.291	553.640	28.268.931
Chứng khoán kinh doanh - gộp	38.987	-	38.987
Cho vay Khách hàng - gộp	301.892.246	-	301.892.246
Hoạt động mua nợ - gộp	12.374	-	12.374
Chứng khoán đầu tư - gộp	64.331.495	-	64.331.495
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	26.688	-	26.688
<b>Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	55.673.261	16.315	55.689.576
Tiền gửi của Khách hàng	384.914.010	-	384.914.010
Phát hành giấy tờ có giá	33.424.218	-	33.424.218
<b>Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
	33.458.829	-	33.458.829

**40. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

40.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

	Miền Nam Triệu VND	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>						
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	119.776.382	11.934.384	1.893.555	133.604.321	(100.919.672)	32.684.649
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(119.037.329)	(10.042.753)	(1.617.556)	(130.697.638)	100.919.672	(29.777.966)
Thu nhập lãi thuần	739.063	1.891.631	275.999	2.906.683	-	2.906.683
Các khoản thu nhập ngoài lãi	3.698.881	(141.934)	68.001	3.624.948	-	3.624.948
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>4.437.934</b>	<b>1.749.697</b>	<b>344.000</b>	<b>6.531.631</b>	<b>-</b>	<b>6.531.631</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(3.274.490)</b>	<b>(701.642)</b>	<b>(164.757)</b>	<b>(4.140.889)</b>	<b>-</b>	<b>(4.140.889)</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.163.444	1.048.055	179.243	2.390.742	-	2.390.742
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.112.630)	(27.569)	(21.745)	(2.161.944)	-	(2.161.944)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(949.186)</b>	<b>1.020.486</b>	<b>157.498</b>	<b>228.798</b>	<b>-</b>	<b>228.798</b>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(52.642)	-	-	(52.642)	-	(52.642)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>(1.001.828)</b>	<b>1.020.486</b>	<b>157.498</b>	<b>176.156</b>	<b>-</b>	<b>176.156</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>						
<b>TÀI SẢN</b>						
Tiền mặt và tiền gửi tại NHNN	6.885.374	437.552	119.601	7.442.527	-	7.442.527
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	28.268.642	48	241	28.268.931	-	28.268.931
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	65.087	102	-	65.189	-	65.189
Chứng khoán kinh doanh	25.839	-	-	25.839	-	25.839
Cho vay Khách hàng	289.301.411	6.416.727	3.456.081	299.174.219	-	299.174.219
Hoạt động mua nợ	11.755	-	-	11.755	-	11.755
Đầu tư	59.535.604	-	-	59.535.604	-	59.535.604
Tài sản khác	(42.707.116)	140.586.065	16.659.221	114.538.170	(108.718)	114.429.452
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>341.386.596</b>	<b>147.440.494</b>	<b>20.235.144</b>	<b>509.062.234</b>	<b>(108.718)</b>	<b>508.953.516</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Các khoản nợ NHNN	5.134.323	-	-	5.134.323	-	5.134.323
Tiền gửi và vay các TCTD khác	49.174.028	6.515.548	-	55.689.576	-	55.689.576
Tiền gửi của Khách hàng	239.382.631	127.726.936	17.804.443	384.914.010	-	384.914.010
Phát hành giấy tờ có giá	23.842.704	7.810.514	1.771.000	33.424.218	-	33.424.218
Nợ phải trả khác	8.453.356	4.367.011	502.204	13.322.571	(108.718)	13.213.853
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>325.987.042</b>	<b>146.420.009</b>	<b>20.077.647</b>	<b>492.484.698</b>	<b>(108.718)</b>	<b>492.375.980</b>

40.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Điều hành của Ngân hàng xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng là huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

41. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

41.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

(a) Loại hình và giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp của Khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Bất động sản	432.613.069	376.910.649
Chứng từ có giá	31.645.121	33.759.802
Phương tiện vận chuyển	5.292.694	4.444.742
Hàng hóa lưu kho	1.515.417	1.763.513
Máy móc, thiết bị	257.767	314.375
Tài sản khác	124.653.708	68.771.790
	<b>595.977.776</b>	<b>485.964.871</b>

(b) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác:

	Giá trị mệnh giá	
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Chứng từ có giá (mệnh giá)	-	50.000

41.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản, giấy tờ có giá của Ngân hàng và các công ty con được đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ (Thuyết minh số 13.1, mục a)	29.850.404	38.486.063
	<b>29.850.404</b>	<b>38.486.063</b>

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của Ngân hàng là quản lý rủi ro một cách hiệu quả trong giới hạn cho phép. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính bao gồm nhận tiền gửi của Khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết đã trở thành hoạt động mang tính then chốt của Ngân hàng. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các khoản cho vay các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau, bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ, cũng như các cam kết ngoại bảng như bảo lãnh và thư tín dụng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro.

Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả quy trình tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế chủ yếu thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tài sản dưới dạng các công cụ tài chính chất lượng cao, các tài sản tiền và tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

43. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do Khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi Khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi Khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi Khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay Khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác và tiền gửi của Khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 8, Thuyết minh số 9, Thuyết minh số 11, Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20.

43.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

43.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày Triệu VND	91-180 ngày Triệu VND	181 - 360 ngày Triệu VND	Trên 360 ngày Triệu VND
Cho vay Khách hàng	289.075	18.903	50.543	232.910

Cho vay Khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay Khách hàng bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

44.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng phát sinh do:

- Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.



Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt và vàng; các khoản đầu tư/kinh doanh chứng khoán Vốn; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại NHNN được xem như là khoản mục chịu lãi rủi ro lãi suất dưới một (1) tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian định lại lãi suất thực tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính của từng loại chứng khoán.
  - Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay Khách hàng; các khoản nợ NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD, khoản mục tiền gửi của Khách hàng và một số khoản mục trong tài sản có khác được xác định như sau:
    - Các khoản mục có lãi suất cố định hoặc phí cố định (có tính chất như lãi suất) trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
    - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
  - Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
  - Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro dựa trên thời gian định lại lãi suất theo quy định trên hợp đồng (nếu có) hoặc thời gian đáo hạn thực tế của giao dịch.

• Với quan điểm thận trọng cho rằng huy động từ Thị trường 1 đã đến hạn trước thời điểm chốt số liệu (nhưng Khách hàng chưa đến tất toán) là các nghĩa vụ nợ mà Ngân hàng và các công ty con phải ưu tiên với mức độ cao nhất để thanh toán cho đối tác hoặc Khách hàng. Theo đó, toàn bộ số dư của các món huy động này được Ngân hàng và các công ty con đặt lại kỳ tái định giá ngay để đảm bảo đo lường kịp thời và đầy đủ tác động của thay đổi lãi suất thị trường đến lợi nhuận của Ngân hàng.

**Chính sách lãi suất của Ngân hàng:**

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng.

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường, và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của ban lãnh đạo, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNN. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.

Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Hội sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với Khách hàng trong từng năm đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục.

Công cụ quản lý, điều hành lãi suất của Ngân hàng:

- Điều chỉnh thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay tương ứng với kỳ hạn đánh giá lại của nguồn vốn. Kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép;
  - Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường, lãi suất cho vay phải được xây dựng trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng;
  - Điều hành qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ Fund Transfer Pricing ("FTP").

Với kinh nghiệm và khả năng nhạy bén trong quản trị điều hành, Ngân hàng đã điều hành thận trọng, linh hoạt cơ chế lãi suất tiền gửi, tiền vay đảm bảo an toàn, hiệu quả, tăng trưởng quy mô và mở rộng thị phần.

44.1 Rủi ro lãi suất (Tiếp theo)

Tài sản	Kỳ hạn định lại lãi suất							Tổng cộng Triệu VND	
	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 6 tháng Triệu VND	Từ 6 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND		Trên 5 năm Triệu VND
Tiền mặt và vàng	-	2.555.584	-	-	-	-	-	-	2.555.584
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.886.943	-	-	-	-	-	4.886.943
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	27.443.191	371.280	292.402	-	162.058	-	28.268.931
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	38.987	-	-	-	-	-	38.987
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	65.189
Cho vay Khách hàng - gộp	1.846.153	-	136.434.738	105.568.591	10.226.418	45.281.246	2.535.100	-	301.892.246
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	26.712.322	399.996	1.184.363	4.529.503	5.984.259	11.606.500	13.914.552	64.331.495
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	26.688	-	-	-	-	-	-	26.688
Tài sản cố định	-	3.881.323	-	-	-	-	-	-	3.881.323
Tài sản Có khác - gộp (*)	3.009.456	73.170.569	3.279.992	863.118	10.138.701	17.474.128	3.664.629	-	111.600.593
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.855.609</b>	<b>106.411.675</b>	<b>172.483.847</b>	<b>107.987.352</b>	<b>25.187.024</b>	<b>68.739.633</b>	<b>17.968.287</b>	<b>13.914.552</b>	<b>517.547.979</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ NHNN	-	-	5.103.732	2.908	13.500	14.183	-	-	5.134.323
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	37.193.000	13.431.717	663.729	4.401.130	-	-	55.689.576
Tiền gửi của Khách hàng	-	-	71.076.984	65.509.617	102.062.727	96.778.082	49.486.525	75	384,914,010
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.362.600	2.276.500	9.995.300	9,078,818	7,711,000	-	33,424,218
Các khoản nợ khác	-	13,213,853	-	-	-	-	-	-	13,213,853
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	<b>13,213,853</b>	<b>117,736,316</b>	<b>81,220,742</b>	<b>112,735,256</b>	<b>110,272,213</b>	<b>57,197,525</b>	<b>75</b>	<b>492,375,980</b>
<b>Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>4,855,609</b>	<b>93,197,822</b>	<b>54,747,531</b>	<b>26,766,610</b>	<b>(87,548,232)</b>	<b>(41,532,580)</b>	<b>(39,229,238)</b>	<b>13,914,477</b>	<b>25,171,999</b>

(\*) Bao gồm số dư hoạt động mua nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

44.1 Rủi ro lãi suất (Tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế trong một tháng tiếp theo và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng trong năm như sau:

	Tăng/(giảm) điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (trong một tháng tiếp theo) Triệu VND	Ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu Triệu VND
Quy đổi	+10	2.281	352.000
Quy đổi	-10	(2.281)	(352.000)

Mức tăng/(giảm) điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

44.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND, một phần là vàng, Đô la Mỹ, Đồng Euro và các ngoại tệ khác. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được trình bày tại *Thuyết minh số 50*.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại thời điểm cuối năm như sau:

	EUR được quy đổi Triệu VND	USD được quy đổi Triệu VND	Vàng được quy đổi Triệu VND	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt và vàng	89.137	646.375	46.676	203.204	985.392
Tiền gửi tại NHNN	-	22.094	-	-	22.094
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	121.243	6.050.808	-	108.216	6.280.267
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	326.504	2.652.775	-	690.611	3.669.890
Cho vay Khách hàng - gộp	-	573.942	7.179	-	581.121
Tài sản Có khác - gộp	2.591	4.909.679	-	4.659	4.916.929
<b>Tổng tài sản</b>	<b>539.475</b>	<b>14.855.673</b>	<b>53.855</b>	<b>1.006.690</b>	<b>16.455.693</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	6.652.253	-	-	6.652.253
<i>Trong đó: tiền gửi và vay các TCTD nước ngoài</i>	-	16.315	-	-	16.315
Tiền gửi của Khách hàng	530.441	7.434.400	-	986.584	8.951.425
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	13.679	13.679
Các khoản nợ khác - gộp	5.093	56.082	-	20.200	81.375
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>535.534</b>	<b>14.142.735</b>	<b>-</b>	<b>1.020.463</b>	<b>15.698.732</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>3.941</b>	<b>712.938</b>	<b>53.855</b>	<b>(13.773)</b>	<b>756.961</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>290.758</b>	<b>857.698</b>	<b>-</b>	<b>700.355</b>	<b>1.848.811</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>294.699</b>	<b>1.570.636</b>	<b>53.855</b>	<b>686.582</b>	<b>2.605.772</b>

44.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNN được xếp vào loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi Khách hàng của Ngân hàng theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn và khả năng thanh khoản của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay Khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là từ một đến năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được coi là trên 5 năm do phần lớn Tài sản cố định của Ngân hàng là nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của Khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.



44.3 Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Quá hạn			Trong hạn					Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
	Đến 3 tháng Triệu VND	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND			
<b>Tài sản</b>										
Tiền mặt và vàng	-	-	2.555.584	-	-	-	-	-	-	2.555.584
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.886.943	-	-	-	-	-	-	4.886.943
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	27.443.191	371.280	292.402	162.058	-	-	-	28.268.931
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	38.987	-	-	-	-	-	-	38.987
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	65.189	-	-	-	-	-	65.189
Cho vay khách hàng - gộp	579.716	1.266.437	16.864.048	24.785.501	149.344.890	36.497.705	72.553.949	-	-	301.892.246
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	31.933.460	600.000	5.091.349	14.336.393	12.370.293	-	-	64.331.495
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	26.688	-	-	-	26.688
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	3.881.323	-	-	3.881.323
Tài sản Có khác - gộp (*)	1.860.247	1.149.209	6.520.994	6.114.889	44.533.841	31.535.761	19.885.652	-	-	111.600.593
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.439.963</b>	<b>2.415.646</b>	<b>90.243.207</b>	<b>31.936.859</b>	<b>199.262.482</b>	<b>82.558.605</b>	<b>108.691.217</b>			<b>517.547.979</b>
<b>Nợ phải trả</b>										
Các khoản nợ NHNN	-	-	5.103.732	2.908	27.683	-	-	-	-	5.134.323
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	37.193.000	13.431.717	5.064.859	-	-	-	-	55.689.576
Tiền gửi của Khách hàng	-	-	71.076.984	65.509.617	198.840.809	49.486.525	75	-	-	384.914.010
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.362.600	2.276.500	19.074.118	83.000	7.628.000	-	-	33.424.218
Các khoản nợ khác	-	-	1.871.192	2.871.027	6.771.552	1.331.648	368.434	-	-	13.213.853
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>119.607.508</b>	<b>84.091.769</b>	<b>229.779.021</b>	<b>50.901.173</b>	<b>7.996.509</b>			<b>492.375.980</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>2.439.963</b>	<b>2.415.646</b>	<b>(29.364.301)</b>	<b>(52.154.910)</b>	<b>(30.516.539)</b>	<b>31.657.432</b>	<b>100.694.708</b>			<b>25.171.999</b>

(\*) Bao gồm số dư góp hoạt động mua nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

44.3 Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Song song với việc quản lý rủi ro thanh khoản theo thang đo hạn như trên, Ngân hàng đặt trọng tâm thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản theo phương pháp thanh khoản động với việc đo lường và kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ tái tục tiền gửi của Khách hàng. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức cảnh báo đối với tỷ lệ tái tục tiền gửi để đảm bảo tỷ lệ này được kiểm soát theo mục tiêu của Ngân hàng. Chi tiết rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý theo tỷ lệ tái tục tiền gửi của Khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Quá hạn			Trong hạn					Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
	Đến 3 tháng Triệu VND	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND			
<b>Tài sản</b>										
Tiền mặt và vàng	-	-	2.555.584	-	-	-	-	-	-	2.555.584
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.886.943	-	-	-	-	-	-	4.886.943
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	27.443.191	371.280	292.402	162.058	-	-	-	28.268.931
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	38.987	-	-	-	-	-	-	38.987
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	65.189	-	-	-	-	-	65.189
Cho vay khách hàng - gộp	579.716	1.266.437	16.864.048	24.785.501	149.344.890	36.497.705	72.553.949	-	-	301.892.246
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	31.933.460	600.000	5.091.349	14.336.393	12.370.293	-	-	64.331.495
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	26.688	-	-	-	26.688
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	3.881.323	-	-	3.881.323
Tài sản Có khác - gộp (*)	1.860.247	1.149.209	6.520.994	6.114.889	44.533.841	31.535.761	19.885.652	-	-	111.600.593
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.439.963</b>	<b>2.415.646</b>	<b>90.243.207</b>	<b>31.936.859</b>	<b>199.262.482</b>	<b>82.558.605</b>	<b>108.691.217</b>			<b>517.547.979</b>
<b>Nợ phải trả</b>										
Các khoản nợ NHNN	-	-	5.103.732	2.908	27.683	-	-	-	-	5.134.323
Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	37.193.000	13.431.717	5.064.859	-	-	-	-	55.689.576
Tiền gửi của Khách hàng	-	-	28.262.091	16.541.585	74.956.904	265.153.355	75	-	-	384.914.010
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.362.600	2.276.500	19.074.118	83.000	7.628.000	-	-	33.424.218
Các khoản nợ khác	-	-	1.871.192	2.871.027	6.771.552	1.331.648	368.434	-	-	13.213.853
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>76.792.615</b>	<b>35.123.737</b>	<b>105.895.116</b>	<b>266.568.003</b>	<b>7.996.509</b>			<b>492.375.980</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>2.439.963</b>	<b>2.415.646</b>	<b>13.450.592</b>	<b>(3.186.878)</b>	<b>93.367.366</b>	<b>(184.009.398)</b>	<b>100.694.708</b>			<b>25.171.999</b>

(\*) Bao gồm số dư góp hoạt động mua nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngân hàng áp dụng khả năng tái tục tiền gửi của Khách hàng ở mức 80% (Theo dữ liệu thống kê, tỷ lệ tái tục tiền gửi năm 2018 dao động trong khoảng 80% - 85%)

44.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

45. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho Khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay Khách hàng.

Giao dịch thu tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho Khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thu tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thu tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà Khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thu tín dụng trả chậm không được Khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho Khách hàng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Ngân hàng cấp cho Khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay Khách hàng, các loại bảo lãnh khác mức độ rủi ro thấp hơn.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thu tín dụng thường thấp, với điều kiện Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thu tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thu tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thu tín dụng/các cam kết bảo lãnh mà Khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và Khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu Khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của Khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay là các cam kết mà Ngân hàng sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Bảo lãnh vay vốn</b>	<b>50.436</b>	<b>74.531</b>
<b>Cam kết giao dịch hối đoái</b>	<b>23.199.575</b>	<b>29.573.214</b>
Cam kết mua ngoại tệ	860.291	1.608.907
Cam kết bán ngoại tệ	280.087	1.407.219
Cam kết giao dịch hoán đổi	22.059.197	26.557.088
<b>Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng</b>	<b>5.037.945</b>	<b>285.588</b>
<b>Bảo lãnh khác</b>	<b>5.157.115</b>	<b>12.057.115</b>
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	4.012.477	11.104.728
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	121.782	384.419
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	112.151	100.508
- Bảo lãnh tài chính khác	910.705	467.460
<b>Các cam kết khác</b>	<b>13.758</b>	<b>1.218.130</b>
	<b>33.458.829</b>	<b>43.208.578</b>
Trừ: Tiền ký quỹ	(210.171)	(37.692)
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</b>	<b>33.248.658</b>	<b>43.170.886</b>

46. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Ngân hàng quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Ngân hàng gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Ngân hàng áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
Tiền mặt và vàng	2.555.584	2.655.088	2.555.584	2.655.088
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.886.943	9.235.546	4.886.943	9.235.546
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	28.268.931	24.048.346	28.268.931	24.048.346
Chứng khoán kinh doanh	25.839	61.926	(*)	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	65.189	-	(*)	(*)
Cho vay Khách hàng	299.174.219	264.150.725	(*)	(*)
Hoạt động mua nợ	10.955	11.755	(*)	(*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	31.923.708	43.170.629	(*)	(*)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	27.585.410	30.648.122	(*)	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	26.486	28.626	(*)	(*)
Bất động sản đầu tư	-	-	(*)	(*)
Tài sản tài chính khác	109.620.804	65.196.679	(*)	(*)
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5.134.323	38.134	(*)	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	55.689.576	64.387.247	(*)	(*)
Tiền gửi của Khách hàng	384.914.010	346.402.517	(*)	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	37.444	(*)	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	33.424.218	6.924.000	(*)	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	13.208.852	10.712.081	(*)	(*)

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách Triệu VND	Nghĩa vụ có liên quan Triệu VND	Giá trị sổ sách Triệu VND	Nghĩa vụ có liên quan Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	29.850.404	29.776.691	38.486.063	39.037.485
	<b>29.850.404</b>	<b>29.776.691</b>	<b>38.486.063</b>	<b>39.037.485</b>



**47. THUÊ HOẠT ĐỘNG, CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI SẢN ỦY THÁC QUẢN LÝ GIỮ HỘ**

47.1 Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang</b>		
Đến hạn trong 1 năm	159.546	122.907
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	300.274	261.083
Đến hạn sau 5 năm	24.343	49.036
	<b>484.163</b>	<b>433.026</b>

47.2 Cam kết cho thuê hoạt động

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Các cam kết cho thuê hoạt động không thể hủy ngang</b>		
Đến hạn trong 1 năm	16.594	29.084
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	12.021	24.234
	<b>28.615</b>	<b>53.318</b>

47.3 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

	Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Vàng giữ hộ Khách hàng</b>	<b>220.932</b>	<b>338.686</b>

**48. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Sau đây là nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
<b>Các công ty Ngân hàng góp vốn</b>			
Công ty CP Sài Gòn Kim Liên	Tiền gửi	27.770	31.197
	Tất toán tiền gửi	(29.337)	(32.665)
	Thu nhập cổ tức	153	137
Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	Tiền gửi	41.511	41.469
	Tất toán tiền gửi	(41.765)	(42.588)
	Thu nhập cổ tức	626	569
<b>Cổ đông lớn</b>			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Vinh Phú	Tiền gửi	332.868	140.385
	Tất toán tiền gửi	(239.077)	(137.404)
Noble Capital Group	Tiền gửi	897.465	183
	Tất toán tiền gửi	(897.607)	-
<b>Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành</b>	Thù lao, lương và thưởng	45.142	43.298

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày cuối năm như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Phải thu / (Phải trả)	
		Số cuối năm Triệu VND	Số đầu năm Triệu VND
<b>Các công ty Ngân hàng góp vốn</b>			
Công ty CP Sài Gòn Kim Liên	Tiền gửi	(5.627)	(7.194)
Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	Tiền gửi	(9.411)	(9.665)
<b>Cổ đông lớn</b>			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Vinh Phú	Tiền gửi	(126.255)	(32.464)
Noble Capital Group	Tiền gửi	(17.864)	(18.084)

**49. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	23.205	22.425
EUR	26.545	27.100
CHF	29.455	23.110
JPY	210	200
SGD	17.005	16.900
CAD	17.070	17.960
AUD	16.425	17.600
XAU	3.644.000	3.645.000



**THÁI KHÁNH VÂN**  
Giám đốc Kế toán



**NGUYỄN VĂN HÙNG**  
Kế toán trưởng




**VÕ TẤN HOÀNG VĂN**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

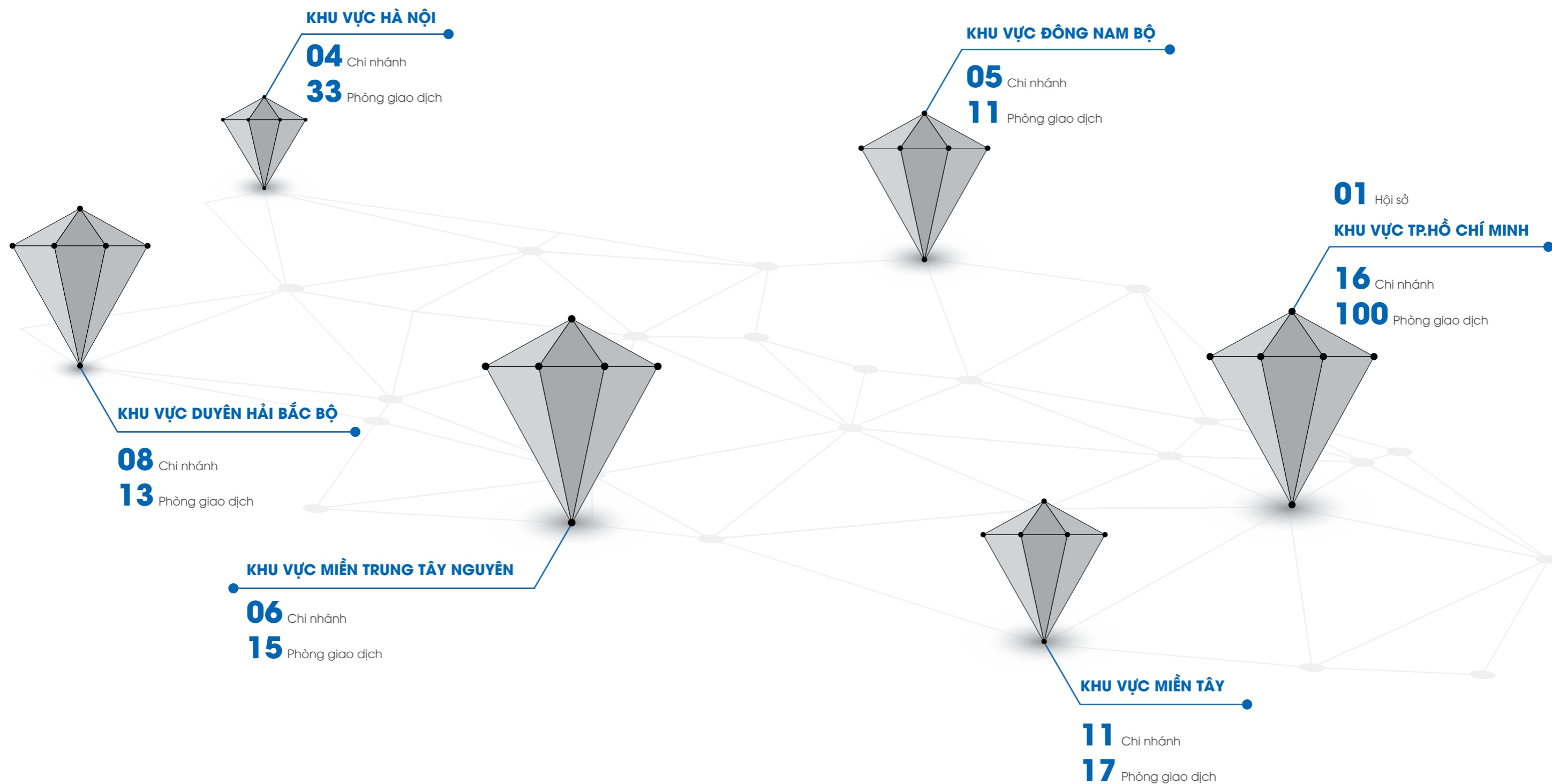
# SƠ ĐỒ VÀ ĐỊA ĐIỂM MẠNG LƯỚI CỦA SCB

- Sơ đồ mạng lưới
- Thông tin mạng lưới hoạt động





SƠ ĐỒ MẠNG LƯỚI



THÔNG TIN MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ: Số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
<b>KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>				
1	<b>Chi nhánh Tân Phú</b>	Chi nhánh Tân Phú	192 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	28.39561766
2		Phòng giao dịch Lê Đại Hành	219-221 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.3960.6066
3		Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh	463 Nguyễn Chí Thanh, Phường 15, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.39562435
4		Phòng giao dịch Tân Phước	187 Lý Thường Kiệt, Phường 07, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.39553391
5		Phòng giao dịch Quận 11	1337-1339 Ba Tháng Hai, Phường 16, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.39609371
6		Phòng giao dịch Lữ Gia	113 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38687175
7		Phòng giao dịch Lê Văn Quới	246 Lê Văn Quới, Khu phố 16, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	028.62610277
8		Phòng giao dịch Nhật Tảo	345 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	028.62645371
9	<b>Chi nhánh 20/10</b>	Chi nhánh 20/10	221 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh	028.39414372
10		Phòng giao dịch Tân Thuận	361 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	028.38724373
11		Phòng giao dịch Mỹ Toàn	988 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 3, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	028.54123491
12		Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng	1411 Khu phố Mỹ Toàn II, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	028.54122680
13		Phòng giao dịch Phú Mỹ	679-681 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	028.37733770
14		Phòng giao dịch Quận 7	470 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	028.37712014
15		Phòng giao dịch Quận 4	23 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh	028.39435732
16	Phòng giao dịch Trung Sơn	273 - 275 Đường 9A, Khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	028.54318298	
17	<b>Chi nhánh Đông Sài Gòn</b>	Chi nhánh Đông Sài Gòn	1264A2 và 1264A3 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	028.36369142
18		Phòng giao dịch Thủ Đức	707 Kha Vạn Cân, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	028.37205156
19		Phòng giao dịch Quận 9	221 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh	028.37309746
20		Phòng giao dịch Võ Văn Ngân	96A Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	028.37228486
21		Phòng giao dịch Đỗ Xuân Hợp	359E Đỗ Xuân Hợp, Dự án khu nhà ở Phước Long B, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh	028.36208564

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
22	<b>Chi nhánh Bến Thành</b>	Chi nhánh Bến Thành	50 Bis - 52 và 46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.38279797
23		Phòng giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tầng trệt, tầng lửng nhà số 225 Bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P7, Q3, TP.Hồ Chí Minh	028.38480139
24		Phòng giao dịch Trần Nào	58A Trần Nào, Phường Bình An, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	028.62607042
25		Phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ	50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.38212563
26		Phòng giao dịch Quận 2	14Q, Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	028.62872202
27		Phòng giao dịch Cát Lái	340A Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh	028.37425412
28		<b>Chi nhánh Bình Tây</b>	Chi nhánh Bình Tây	492 - 494 Hồng Bàng và số 3/9 Lò Siêu, Phường 16, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh
29	Phòng giao dịch Minh Phụng		447-449 Minh Phụng, Phường 10, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.39637973
30	Phòng giao dịch Tạ Uyên		167 Tạ Uyên, Phường 4, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.39559907
31	Phòng giao dịch Phạm Phú Thứ		239 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.38542706
32	Phòng giao dịch Bà Hom		106A Bà Hom, Phường 13, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.38170075
33	Phòng giao dịch An Lạc		485-487 Kinh Dương Vương, Khu phố 6, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	028.62641616
34	Phòng giao dịch Cây Gõ		176B Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.62988227
35	<b>Chi nhánh Chợ Lớn</b>	Chi nhánh Chợ Lớn	76-78-80 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.39520840
36		Phòng giao dịch Phạm Hùng	366 Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	028.38505580
37		Phòng giao dịch Bình Chánh	A8/9 Quốc lộ 50, ấp 2, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	028.37580843
38		Phòng giao dịch Châu Văn Liêm	44-46 Châu Văn Liêm, Phường 10, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.39509023
39		Phòng giao dịch Ngô Quyền	92 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.39520685
40		Phòng giao dịch Quận 8	344 Tùng Thiện Vương, Phường 13, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh	028.39515705
41		Phòng giao dịch Quận 6	23-24 Lô Q Cu xá Phú Lâm D, Bình Phú, Phường 10, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.37754012
42		Phòng giao dịch Hậu Giang	1075 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	28.37555913
43		Phòng giao dịch Tân Tạo	303 Đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	028.38778930
44		Phòng giao dịch Kinh Dương Vương	36A Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.38170377
45		Phòng giao dịch Bình Phú	766 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh	028.62931722
46		Phòng giao dịch Tân Lúa	72 Đường số 1, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	028.62691316



STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
<b>KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (TIẾP THEO)</b>				
47	<b>Chi nhánh Cống Quỳnh</b>	Chi nhánh Cống Quỳnh	242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.39206501
48		Phòng giao dịch Võ Văn Tấn	432 Võ Văn Tấn, Phường 5, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	028.38181966
49		Phòng giao dịch Minh Khai	316-318 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	028.39293470
50		Phòng giao dịch Lý Thái Tổ	11 Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	028.38300042
51		Phòng giao dịch Cô Giang	193-203 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.39206502
52	<b>Chi nhánh Củ Chi</b>	Chi nhánh Củ Chi	294 Tỉnh lộ 8, Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh	028.37925286
53		Phòng giao dịch Củ Chi	851 Quốc lộ 22, Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh	028.38921234
54	<b>Chi nhánh Gia Định</b>	Chi nhánh Gia Định	62-64 Phan Đăng Lưu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.38455770
55		Phòng giao dịch Nguyễn Kiệm	402B Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.39956270
56		Phòng giao dịch Bà Chiểu	25K Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35510886
57		Phòng giao dịch Lê Quang Định	53-55 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh	028.35512956
58		Phòng giao dịch Nguyễn Thái Sơn	442 Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.35886989
59		Phòng giao dịch Nơ Trang Long	170V-170X Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35515327
60		Phòng giao dịch Hoàng Minh Giám	32A - 34A Nguyễn Thái Sơn, Phường 03, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.39940286
61		Phòng giao dịch Bình Thạnh	452 Lê Quang Định, Phường 11, Q Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35157038
62		Phòng giao dịch Quang Trung	Một phần căn nhà số 311 và số 313 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.39899362
63		Phòng giao dịch Nguyễn Oanh	75-77 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.39899539
64	<b>Chi nhánh Hóc Môn</b>	Chi nhánh Hóc Môn	152/2 - 152/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh	028.37186820
65		Phòng giao dịch Hóc Môn	23; 38/4A và 25 Lý Thường Kiệt, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh	028.37106425
66		Phòng giao dịch Nguyễn Ảnh Thủ	192 ấp Đông, Xã Thái Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh	028.37185660
67		Phòng giao dịch Gò Vấp	624-626 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.39897346
68		Phòng giao dịch An Hội	1168 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.38311505
69		Phòng giao dịch Lê Đức Thọ	577 (Số cũ 525) Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh	028.39164006
70		Phòng giao dịch Hiệp Thành	22A Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh	028.37179927

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
71	<b>Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch</b>	Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch	53 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	028.38243395
72		Phòng giao dịch Quận 10	97A Ba Tháng Hai, Phường 11, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	028.38339576
73		Phòng giao dịch Nguyễn Thông	69 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	028.35264211
74		Phòng giao dịch Hoàng Sa	Tầng trệt và tầng lửng, số 921 - 923 Hoàng Sa, P.11, Q.3, TP.Hồ Chí Minh	028.35262013
75		Phòng giao dịch Quận 3	188 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh	028.35261035
76		Phòng giao dịch Thành Thái	245 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	028.39797416
77		Phòng giao dịch 3 Tháng 2	312 Ba Tháng Hai, Phường 12, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh	028.38683924
78	<b>Chi nhánh Phú Đông</b>	Chi nhánh Phú Đông	98B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.39977509
79		Phòng giao dịch Phú Nhuận	176 Phan Đình Phùng, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.39954407
80		Phòng giao dịch Phan Xích Long	159 (số cũ 182) Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.38434541
81		Phòng giao dịch Huỳnh Văn Bánh	319 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.38423381
82		Phòng giao dịch Lê Văn Sỹ	185 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	028.39910798
83		Phòng giao dịch Bắc Hải	757 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.39770418
84	<b>Chi nhánh Tân Bình</b>	Chi nhánh Tân Bình	341 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38108986
85		Phòng giao dịch Trường Chinh	318 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38122483
86		Phòng giao dịch Phạm Văn Hai	91K (91A8) Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.39919351
87		Phòng giao dịch An Sương	301 (số cũ 135/3) Trường Chinh, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh	028.62561145
88		Phòng giao dịch Tân Sơn Nhì	211 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	028.62692418
89		Phòng giao dịch Tân Sơn Nhất	92 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.62968557
90		Phòng giao dịch Trương Vĩnh Ký	186 Trương Vĩnh Ký, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	028.38496052
91		Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn	190 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	028.38162067
92		Phòng giao dịch Nguyễn Sơn	350 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú	028.62673223



STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

**KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (TIẾP THEO)**

93	<b>Chi nhánh Tân Định</b>	Chi nhánh Tân Định	346 - 348 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.38207853
94		Phòng giao dịch Trần Quang Khải	170 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.35268871
95		Phòng giao dịch Đinh Tiên Hoàng	41 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35174503
96		Phòng giao dịch Xô Viết Nghệ Tĩnh	298 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35127704
97		Phòng giao dịch Thanh Đa	774 (số cũ 632) Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35119618
98		Phòng giao dịch Điện Biên Phủ	261-263 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35127494
99		Phòng giao dịch Thị Nghè	147 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.38408731
100		Phòng giao dịch Hàng Xanh	87 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.35142960
101		Phòng giao dịch Đinh Bộ Lĩnh	121 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.38997791
102		Phòng giao dịch Văn Thánh	86 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	028.38997958
103	<b>Chi nhánh Thống Nhất</b>	Chi nhánh Thống Nhất	340H-K và số 342 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38441653
104		Phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ	453 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.39713275
105		Phòng giao dịch Chí Linh	Tầng trệt và lầu 1 nhà số 1093 - 1095 Cách Mạng Tháng 8, Phường 07, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38691071
106		Phòng giao dịch Âu Cơ	429 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	028.39752191
107		Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt	85 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.39717806
108		Phòng giao dịch Ngã Tư Bảy Hiền	996 và một phần căn nhà 958/35/15L Lạc Long Quân, Phường 8, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.39771286
109		Phòng giao dịch Âu Lạc	304 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh	028.39753696
110		Phòng giao dịch Bàu Cát	896 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	028.38132095
111		Phòng giao dịch Lũy Bán Bích	761A (số cũ 751) Lũy Bán Bích, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh	028.39721348
112		<b>Chi nhánh Sài Gòn</b>	Chi nhánh Sài Gòn	Tầng trệt, tầng 1 cao ốc Văn phòng Fico, số 927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh
113	Phòng giao dịch Nhà Rồng		119-121 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	028.39142526
114	Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo		715 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.38383192
115	Phòng giao dịch An Đông		97K Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.38337542
116	Phòng giao dịch An Đông Plaza		Tầng trệt, Trung tâm thương mại An Đông Plaza, số 18 An Dương Vương, Phường 9, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh	028.38303850

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

**KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

117	<b>Chi nhánh Cầu Giấy</b>	Chi nhánh Cầu Giấy	86 phố Trung Hòa, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.37834609	
118		Phòng giao dịch Cầu Giấy	Tầng lửng, tòa nhà số 247 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.	024.37675570	
119		Phòng giao dịch Thụy Khuê	72 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội.	024.62506883	
120		Phòng giao dịch Nguyễn Khánh Toàn	16 Nguyễn Khánh Toàn, P.Quan Hoa, Q.Cầu Giấy	024.62711685	
121		Phòng giao dịch Lạc Long Quân	117 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	024.62821686	
122		Phòng giao dịch Vũ Trọng Phụng	106 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024.37586511	
123		Phòng giao dịch Lê Đức Thọ	Tầng 1, tầng 2 nhà số 24-A1 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, hành phố Hà Nội	024.32262401	
124		Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định	43 Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, HN	024.35558540	
125		Phòng giao dịch Hoàng Quốc Việt	156 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội	024.62692763	
126		<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	Chi nhánh Hà Nội	214 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.62732073
127			Phòng giao dịch Văn Cao	65 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37227453
128			Phòng giao dịch Đống Đa	60-62-64-66-68 Tây Sơn, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP.Hà Nội.	024.35114912
129			Phòng giao dịch Láng Hạ	35-37 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.35140971
130			Phòng giao dịch Thanh Xuân	167 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.35575225
131			Phòng giao dịch Kim Liên	318 Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.62706686
132	Phòng giao dịch Nguyễn Trãi		183 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội"	024.62721686	
133	Phòng giao dịch Tôn Đức Thắng		214 phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	024.62606266	
134	Phòng giao dịch Ngọc Hà		207 Phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37228240	
135	Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn		Tầng 1, 2 số 14 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.62857324	
136	Phòng giao dịch Nguyễn Thái Học	96 + 96B Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37368797		
137	<b>Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>	Chi nhánh Hai Bà Trưng	37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.39438732	
138		Phòng giao dịch Nguyễn Khuyến	102 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	024.37475415	
139		Phòng giao dịch Thanh Nhân	529 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.36368046	
140		Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo	Tầng 1, khu A, tòa nhà số 141 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.39335341	





STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

**KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI (TIẾP THEO)**

141	<b>Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>	Phòng giao dịch Phương Mai	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà số 75 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	024.32222842
142		Phòng giao dịch Bạch Mai	Tầng 2 và tầng 3 - nhà số 361 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.32202475
143		Phòng giao dịch Ngô Thì Nhậm	44 Ngô Thì Nhậm, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.62701686
144		Phòng giao dịch Trần Khát Chân	482 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	024.62722266
145		Phòng giao dịch Kim Đồng	23-25 Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội	024.62710686
146	<b>Chi nhánh Thăng Long</b>	Chi nhánh Thăng Long	19-21-23 Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.35190151
147		Phòng giao dịch Ba Đình	14 phố Nguyễn Biểu, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội	024.37345579
148		Phòng giao dịch Hoàn Kiếm	Tầng 1 và tầng 2 nhà số 49 Phố Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.39232918
149		Phòng giao dịch Long Biên	409 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, TP.Hà Nội	024.38737128
150		Phòng giao dịch Hàng Cót	63 Hàng Cót, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.62722686
151		Phòng giao dịch Chương Dương	Tầng 1, tầng lửng và tầng 2 nhà số 83 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.	024.62721867
152		Phòng giao dịch Lương Ngọc Quyến	Tầng 1,2 nhà số 31 Tạ Hiện, P. Hàng Buồm, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.	024.62709996
153		Phòng giao dịch Lý Nam Đế	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 nhà số 36B/1 phố Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	024.62722866

**KHU VỰC DUYÊN HẢI BẮC BỘ**

154	<b>Chi nhánh Bắc Ninh</b>	Chi nhánh Bắc Ninh	316 Trần Hưng Đạo, Phường Đại Phúc, TP.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3856736
155		PGD Từ Sơn	88 Trần Phú, Phường Đông Ngàn, Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	0222.3610236
156	<b>Chi nhánh Hải Dương</b>	Chi nhánh Hải Dương	133 Thanh Niên, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0220.3898899
157		Phòng giao dịch Nguyễn Lương Bằng	119 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão, TP.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0220.3898891
158	<b>Chi nhánh Hải Phòng</b>	Chi nhánh Hải Phòng	14 Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	0225.3250098
159		Phòng giao dịch Hàng Kênh	181 Hàng Kênh, Phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3639557
160		Phòng giao dịch Quang Trung	140-141 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	0225.3518658
161		Phòng giao dịch Tô Hiệu	Tầng 1,2,3 nhà số 411 - 413 Tô Hiệu, Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3956935

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

162	<b>Chi nhánh Hồng Bàng</b>	Chi nhánh Hồng Bàng	5A Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng	0225.3569516
163		Phòng giao dịch Lạch Tray	308 - 310 Lạch Tray, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3613156
164		Phòng giao dịch Trần Nguyên Hãn	266H-266G Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	0225.3786202
165		Phòng giao dịch Ngô Quyền	176 Đà Nẵng, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	0225.3625555
166	<b>Chi nhánh Nghệ An</b>	Chi nhánh Nghệ An	02 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3588500
167		Phòng giao dịch Quang Trung	25 Quang Trung, Phường Quang Trung, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3567768
168		Phòng giao dịch Hưng Dũng	167 Nguyễn Phong Sắc, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	0238.3998799
169	<b>Chi nhánh Quảng Ninh</b>	Chi nhánh Quảng Ninh	20, Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3518111
170		Phòng giao dịch Hạ Long	79+81, Tổ 36, Khu 2B, Phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3518851
171		Phòng giao dịch Uông Bí	439 tổ 37, khu 2, Phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3566058
172		Phòng giao dịch Bãi Cháy	Lô 9, tổ 9, khu 9 Cái Dăm, Phường Bãi Cháy, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	0203.3515075
173		<b>Chi nhánh Thanh Hóa</b>	Chi nhánh Thanh Hóa	Lô 22 và 23 MBQH 195/UBND-QLĐT, Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
174	<b>Chi nhánh Thái Bình</b>	Chi nhánh Thái Bình	PG03-08A, Lô PG3 phố Lý Bôn, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	0227.6280990

**KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**

175	<b>Chi nhánh Đắk Lắk</b>	Chi nhánh Đắk Lắk	178 Y-Jut, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262.3843027
176		Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành	87 Ngô Quyền, Phường Tân Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	0262.3959668
177	<b>Chi nhánh Gia Lai</b>	Chi nhánh Gia Lai	78-80 Hai Bà Trưng, Phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai	0269.3871500
178		Phòng giao dịch Đak Đoa	28 Đinh Tiên Hoàng, Tổ dân phố 5, Thị trấn Đak Đoa, Huyện Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai	0269.3831666
179	<b>Chi nhánh Bình Định</b>	Chi nhánh Bình Định	01 Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3822288
180		Phòng giao dịch 20/10	252 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3818558
181		Phòng giao dịch An Nhơn	61 Quang Trung, Phường Bình Định, Thị Xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3635883
182		Phòng giao dịch Ngô Mây	49 Ngô Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	0256.3946867



STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

**KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**

183	<b>Chi nhánh Sông Hàn</b>	Chi nhánh Sông Hàn	16 Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3891888
184		Phòng giao dịch Đống Đa	303 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236.3652666
185		Phòng giao dịch Hòa Khê	351 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3720666
186		Phòng giao dịch Lê Duẩn	247 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3796888
187		Phòng giao dịch Liên Chiểu	703 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng	0236.3752888
188		<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Chi nhánh Đà Nẵng	256 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng
189	Phòng giao dịch Hàm Nghi		103-105 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng	0236.3586888
190	Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu		142 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3644666
191	Phòng giao dịch Hoàng Diệu		340 (số cũ 236) Hoàng Diệu, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3575668
192	Phòng giao dịch Sơn Trà	912 (Số cũ 530K) Ngô Quyền, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng	0236.3831888	
193	Phòng giao dịch Núi Thành	166 Núi Thành, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	0236.3629666	
194	<b>Chi nhánh Khánh Hòa</b>	Chi nhánh Khánh Hòa	78 Lý Thánh Tôn, Phường Phương Sài, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3563405
195		Phòng giao dịch Vĩnh Phước	27 Đường 2/4, Phường Vĩnh Phước, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	0258.3544242

**KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ**

196	<b>Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</b>	Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	89 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 3577334
197		Phòng giao dịch Đại An	25D3 Đường 30 tháng 4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	0254.3819212
198	<b>Chi nhánh Bình Dương</b>	Chi nhánh Bình Dương	307 Đại lộ Bình Dương, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0274.3872601
199		Phòng giao dịch Bến Cát	229C Hùng Vương, Khu Phố 1, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0274.3567274
200		Phòng giao dịch Dĩ An	461 Trần Hưng Đạo, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	0274.3736833
201		Phòng giao dịch Thuận An	25 Cách Mạng Tháng 8, Khu phố Long Thái, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0274.3799793
202	<b>Chi nhánh Bình Thuận</b>	Chi nhánh Bình Thuận	187 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3722400
203		Phòng giao dịch Mũi Né	345 Huỳnh Thúc Kháng, Khu phố 5, Phường Mũi Né, TP.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	0252.3748865

STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

204	<b>Chi nhánh Đồng Nai</b>	Chi nhánh Đồng Nai	54 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3943625
205		Phòng giao dịch Tân Biên	119/7A Khu phố 5B, xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3880648
206		Phòng giao dịch Biên Hòa	111 Cách Mạng tháng Tám, Phường Hòa Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0251.3840122
207		Phòng giao dịch Long Thành	213 Lê Duẩn, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	0251.3686558
208	<b>Chi nhánh Vũng Tàu</b>	Chi nhánh Vũng Tàu	45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3533737
209		Phòng giao dịch Tân Thành	Quốc lộ 51, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3923507
210		Phòng giao dịch Thắng Nhất	Tầng trệt 6K3 Nguyễn Thái Học, P. 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3593893
211		Phòng giao dịch Bà Rịa	46 Bạch Đằng, Phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3717631

**KHU VỰC TÂY NAM BỘ**

212	<b>Chi nhánh An Giang</b>	Chi nhánh An Giang	55-57 Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	0296.3945235
213		Phòng giao dịch Châu Đốc	294 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, TP.Châu Đốc, Tỉnh An Giang	0296.3550101
214		Phòng giao dịch Mỹ Phước	1653 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Phước, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	0296.3940637
215	<b>Chi nhánh Bến Tre</b>	Chi nhánh Bến Tre	29C - 29C1 Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275.3510740
216	<b>Chi nhánh Cà Mau</b>	Chi nhánh Cà Mau	137 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0290.3616111
217	<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	Chi nhánh Cần Thơ	213 - 215 - 217 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3781490
218		Phòng giao dịch An Phú	109 Lý Tự Trọng, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.	0292.3733754
219		Phòng giao dịch An Hòa	123-125 (số cũ 36/42-36/44) Trần Việt Châu, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3895775
220		Phòng giao dịch Ninh Kiều	19-21A Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	0292.3759989
221		Phòng giao dịch Cái Răng	164A Quốc Lộ 1A, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ	0292.3527577
222		Phòng giao dịch Thốt Nốt	132, 579A Quốc lộ 91, khu vực Phụng Thạnh 1, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, TP.Cần Thơ	0292.3825789
223	<b>Chi nhánh Đồng Tháp</b>	Chi nhánh Đồng Tháp	60-62 Đốc Binh Kiều, tổ 12, Phường 2, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	02773876878
224		Phòng giao dịch Sa Đéc	13-15 Âu Cơ, Khóm 1, Phường 2, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	0277.3772838



STT	CHI NHÁNH	PHÒNG GIAO DỊCH	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
-----	-----------	-----------------	---------	------------

**KHU VỰC TÂY NAM BỘ (TIẾP THEO)**

225	<b>Chi nhánh Kiên Giang</b>	Chi nhánh Kiên Giang	17 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3929001
226		Phòng giao dịch Rạch Sỏi	Lô L04-04 Mai Thị Hồng Hạnh, Phường Rạch Sỏi, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	0297.3868108
227	<b>Chi nhánh Tiền Giang</b>	Chi nhánh Tiền Giang	134-136 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	0273.3976288
228		Phòng giao dịch Cai Lậy	1/2C Đường 30/04, Phường 1, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	0273.3919777
229		Phòng giao dịch Gò Công	17Đ Trương Định, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang	0273.3514566
230		Phòng giao dịch Cái Bè	Đường Nguyễn Chí Công, Tổ 18 khu 3, thị trấn Cái Bè, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	0273.3924666
231	<b>Chi nhánh Trà Vinh</b>	Chi nhánh Trà Vinh	102A Phạm Hồng Thái, Khóm 3, Phường 2, TP.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3753699
232		Phòng giao dịch Nguyễn Đăng	86 Nguyễn Đăng, Khóm 6, Phường 7, TP.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	0294.3860676
233	<b>Chi nhánh Vĩnh Long</b>	Chi nhánh Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, Phường 4, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3852781
234		Phòng giao dịch Vũng Liêm	164 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 2, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3971971
235		Phòng giao dịch Trà Ôn	20/1 Thống Chế Điều Bát, Khu 3, Thị trấn Trà Ôn, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	0270.3772919
236	<b>Chi nhánh Long An</b>	Chi nhánh Long An	68A Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, Tỉnh Long An	0272.3525588
237		Phòng giao dịch Bến Lức	125 Nguyễn Hữu Thọ, thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	0272.3655828
238	<b>Chi nhánh Cần Giuộc</b>	Chi nhánh Cần Giuộc	39 quốc lộ 50, thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.	0272.3550059
239		Phòng giao dịch Đức Hòa	KCN Đức Hòa 1, Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272.3779791



Hotline: 1900 6538 | Website: [www.scb.com.vn](http://www.scb.com.vn)